



Asa Di Vaar

Hành trình hướng tới tâm linh

Dịch thuật tiếng Việt

Mục lục

1.	Asa di Vaar-----	1
2.	Người cầu nguyện -----	58
3.	Triết lý cho cuộc hành trình-----	62
4.	Vai trò của phụ nữ -----	64
5.	Vai Trò Của Phụ Nữ-----	66
6.	Chìa khóa khiêm tốn Tinh hoa trong hành trình của bạn ----	70



We are distributing Free Gutkas, Divine message of the Guru globally in all the major languages, To Continue this Monumental task, please donate at <https://sggsonline.com/donation>

This Sewa has been done by Sewadars & SikhBookClub.

This text is only a translation and only gives the essence of the Guru's Divine word. For a more complete understanding, please read the Gurumukhi Sri Guru Granth Sahib Ji. If any errors are noticed, please notify us immediately via email at walnut@gmail.com.

Publisher: SikhBookClub.com

ੴ ਸਤਿਨਾਮੁ ਕਰਤਾ ਪੁਰਖੁ ਨਿਰਭਉ ਨਿਰਵੈਰੁ ਅਕਾਲ ਮੂਰਤਿ ਅਜੂਨੀ ਸੈਭੰ ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ॥

toàn diện. Anh ta không sợ hãi, không có hận thù. Sự tồn tại của anh vượt thời gian. Anh ta vượt ra ngoài chu kỳ sinh tử. Anh ấy tự soi sáng. Anh ta có thể được nhận ra bởi ân sủng của Guru.

ਆਸਾ ਮਹਲਾ ੧ ॥

Raag Aasaa, Guru đầu tiên:

ਵਾਰ ਸਲੋਕਾ ਨਾਲਿ ਸਲੋਕ ਭੀ ਮਹਲੇ ਪਹਿਲੇ ਕੇ ਲਿਖੇ ਟੁੰਡੇ ਅਸ ਰਾਜੈ ਕੀ ਧੁਨੀ ॥

Vaar với slokas, slokas cũng được viết bởi Đệ nhất Guru, được hát theo giai điệu của 'Tunda-As Raajaa':

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਬਲਿਹਾਰੀ ਗੁਰ ਆਪਣੇ ਦਿਉਹਾੜੀ ਸਦ ਵਾਰ ॥

Tôi yêu thương đầu hàng mình cho Sư phụ của tôi mãi mãi;

ਜਿਨਿ ਮਾਣਸ ਤੇ ਦੇਵਤੇ ਕੀਏ ਕਰਤ ਨ ਲਾਰੀ ਵਾਰ ॥੧॥

người đã nâng con người lên thiên thần về mặt tinh thần và khi làm điều này, anh ta không mất thời gian.

ਮਹਲਾ ੨ ॥

Salok, Đạo sư thứ hai:

ਜੇ ਸਉ ਚੰਦਾ ਉਗਵਹਿ ਸੂਰਜ ਚੜਹਿ ਹਜਾਰ ॥

Nếu một trăm mặt trăng mọc lên và một ngàn mặt trời xuất hiện,

ਏਤੇ ਚਾਨਣ ਹੋਦਿਆਂ ਗੁਰ ਬਿਨੁ ਘੋਰ ਅੰਧਾਰ ॥੨॥

Ngay cả khi có quá nhiều ánh sáng, vẫn sẽ có bóng tối tột độ nếu không có Guru. (có nghĩa là cho dù chúng ta có thể thu được bao nhiêu kiến thức từ các nguồn khác, không có Guru, chúng ta không thể có được giác ngộ thực sự hoặc trí tuệ thiêng liêng).

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਨਾਨਕ ਗੁਰੂ ਨ ਚੇਤਨੀ ਮਨਿ ਆਪਣੈ ਸੁਚੇਤ ॥

Này Nanak, những người không nhớ đến Guru và những người nghĩ rằng mình rất thông minh.

ਛੁਟੇ ਤਿਲ ਬੁਆੜ ਜਿਉ ਸੁੰਢੇ ਅੰਦਰਿ ਖੇਤ ॥

Chúng không mong muốn giống như những cây mè giả vẫn bị bỏ rơi trong trang trại.

ਖੇਤੈ ਅੰਦਰਿ ਛੁਟਿਆ ਕਹੁ ਨਾਨਕ ਸਉ ਨਾਹ ॥

O Nanak, do đó bị bỏ lại một mình, họ trông khốn khổ giống như những người thay vì một chủ nhân có hàng trăm bậc thầy (và do đó không có chủ nhân thực sự)

ਫਲੀਅਹਿ ਫੁਲੀਅਹਿ ਬਪੁੜੇ ਭੀ ਤਨ ਵਿਚਿ ਸੁਆਹ ॥੩॥

Những cây mè giả dường như đang ra hoa và nở rộ nhưng không có gì ngoài tro tàn. Tương tự như vậy, những người không tuân theo giáo lý của Guru, đều chết về mặt tinh thần mặc dù thịnh vượng.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਆਪੀਨ੍ਹਰੈ ਆਪੁ ਸਾਜਿਓ ਆਪੀਨ੍ਹਰੈ ਰਚਿਓ ਨਾਉ ॥

Chính Đức Chúa Trời đã tạo dựng chính Ngài, và chính Ngài đã tạo ra vinh quang của Ngài.

ਦੁਯੀ ਕੁਦਰਤਿ ਸਾਜੀਐ ਕਰਿ ਆਸਣੁ ਡਿਠੇ ਚਾਉ ॥

Thứ hai, Ngài đã tạo ra sự sáng tạo; tràn ngập trong tạo vật, Ngài nhìn thấy nó với niềm vui.

ਦਾਤਾ ਕਰਤਾ ਆਪਿ ਤੂੰ ਤੁਸਿ ਦੇਵਹਿ ਕਰਹਿ ਪਸਾਉ ॥

Lạy Đức Chúa Trời, chính Ngài là ân nhân và là Đấng Tạo Hóa của tất cả chúng sinh, và nhờ niềm vui của Ngài, Ngài ban ân sủng của Ngài cho họ.

ਤੂੰ ਜਾਣੇਈ ਸਭਸੈ ਦੇ ਲੈਸਹਿ ਜਿੰਦੁ ਕਵਾਉ ॥

Ngài là Đấng biết tất cả; Ngài ban sự sống, và lấy nó đi chỉ bởi lời Ngài.

ਕਰਿ ਆਸਣੁ ਡਿਠੇ ਚਾਉ ॥੧॥

Tràn ngập trong sáng tạo, Bạn đang háo hức xem vở kịch (của thế giới)

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਸਚੇ ਤੇਰੇ ਖੰਡ ਸਚੇ ਬ੍ਰਹਮੰਡ ॥

Lạy Đức Chúa Trời Toàn Năng, Chân Thật (Vĩnh Cửu) là lục địa của Ngài, và Chân thật là Vũ trụ của Ngài.

ਸਚੇ ਤੇਰੇ ਲੋਅ ਸਚੇ ਆਕਾਰ ॥

Sự thật (vĩnh cửu) là thể giới của bạn, và sự thật là sự sáng tạo của bạn.

ਸਚੇ ਤੇਰੇ ਕਰਣੇ ਸਰਬ ਬੀਚਾਰ ॥

Đúng là hành động của bạn và tất cả những suy nghĩ của bạn.

ਸਚਾ ਤੇਰਾ ਅਮਰੁ ਸਚਾ ਦੀਬਾਣੁ ॥

Đúng là mệnh lệnh của bạn, và sự thật là tòa án của bạn.

ਸਚਾ ਤੇਰਾ ਹੁਕਮੁ ਸਚਾ ਫੁਰਮਾਣੁ ॥

Đúng là mệnh lệnh của ý chí của bạn, đúng là mệnh lệnh của bạn.

ਸਚਾ ਤੇਰਾ ਕਰਮੁ ਸਚਾ ਨੀਸਾਣੁ ॥

Đúng là lòng thương xót của bạn, Sự thật là những món quà của bạn (dấu hiệu của ân sủng của bạn).

ਸਚੇ ਤੁਧੁ ਆਖਹਿ ਲਖ ਕਰੋੜਿ ॥

Hàng triệu người suy niệm về Ngài cũng đúng.

ਸਚੈ ਸਭਿ ਤਾਣਿ ਸਚੈ ਸਭਿ ਜੋਰਿ ॥

Toàn bộ sự sáng tạo được hỗ trợ bởi sức mạnh và sức mạnh của bạn.

ਸਚੀ ਤੇਰੀ ਸਿਫਤਿ ਸਚੀ ਸਾਲਾਹ ॥

Đúng là lời khen ngợi của bạn, sự thật là sự tôn thờ của bạn.

ਸਚੀ ਤੇਰੀ ਕੁਦਰਤਿ ਸਚੇ ਪਾਤਿਸਾਹ ॥

Vua thật sự, vĩnh cửu là sự sáng tạo của bạn.

ਨਾਨਕ ਸਚੁ ਧਿਆਇਨਿ ਸਚੁ ॥

Hỡi Nanak, những người suy ngẫm về Đấng Thật với lòng tận tụy yêu thương trở thành Chính họ (hợp nhất với Chúa)

ਜੇ ਮਰਿ ਜੰਮੇ ਸੁ ਕਚੁ ਨਿਕਚੁ ॥੧॥

Nhưng những người đang trải qua chu kỳ sinh tử bị vướng vào sự giả dối và không thể hợp nhất với Đức Chúa Trời.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਵਡੀ ਵਡਿਆਈ ਜਾ ਵਡਾ ਨਾਉ ॥

Sự vĩ đại của Ngài là vĩ đại, vĩ đại như vinh quang của Ngài.

ਵਡੀ ਵਡਿਆਈ ਜਾ ਸਚੁ ਨਿਆਉ ॥

Sự vĩ đại của Ngài là vĩ đại, cũng như sự công bằng của Ngài là sự thật.

ਵਡੀ ਵਡਿਆਈ ਜਾ ਨਿਹਚਲ ਥਾਉ ॥

Sự vĩ đại của Ngài là vĩ đại, vĩnh viễn như nơi ở của Ngài.

ਵਡੀ ਵਡਿਆਈ ਜਾਣੈ ਆਲਾਉ ॥

Sự vĩ đại của Ngài thật vĩ đại, vì Ngài biết những lời cầu nguyện của chúng ta.

ਵਡੀ ਵਡਿਆਈ ਬੁਝੈ ਸਭਿ ਭਾਉ ॥

Vinh quang của Ngài thật vĩ đại, vì Ngài hiểu tất cả những cảm xúc của chúng ta.

ਵਡੀ ਵਡਿਆਈ ਜਾ ਪੁਛਿ ਨ ਦਾਤਿ ॥

Sự vĩ đại của Ngài là vĩ đại, như Ngài ban cho mà không bị đòi hỏi.

ਵਡੀ ਵਡਿਆਈ ਜਾ ਆਪੇ ਆਪਿ ॥

Vinh quang của Ngài là vĩ đại, vì chính Ngài là tất cả trong tất cả.

ਨਾਨਕ ਕਾਰ ਨ ਕਥਨੀ ਜਾਇ ॥

O' Nanak, hành động của Ngài không thể được mô tả.

ਇਕਨ੍ਹਾ ਭਾਣੈ ਕਢਿ ਲਏ ਇਕਨ੍ਹਾ ਮਾਇਆ ਵਿਚਿ ਨਿਵਾਸੁ ॥

Một số người, bởi Niềm Vui của Ý muốn Ngài, được cứu khỏi những chấp trước trần tục, trong khi những người khác được tạo ra để tiếp tục đắm chìm trong chúng.

ਏਵ ਭਿ ਆਖਿ ਨ ਜਾਪਈ ਜਿ ਕਿਸੈ ਆਣੈ ਰਾਸਿ ॥

Không ai có thể nói ai sẽ được giải cứu khỏi những chấp trước trần tục.

ਨਾਨਕ ਗੁਰਮੁਖਿ ਜਾਣੀਐ ਜਾ ਕਉ ਆਪਿ ਕਰੇ ਪਰਗਾਸੁ ॥੩॥

O Nanak, chỉ có môn đệ của Guru mới biết về bí mật này mà Ngài khai sáng bằng kiến thức thiêng liêng.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਨਾਨਕ ਜੀਅ ਉਪਾਇ ਕੈ ਲਿਖਿ ਨਾਵੈ ਧਰਮੁ ਬਹਾਲਿਆ ॥

Na-na-k, sau khi tạo ra các linh hồn, Đức Chúa Trời đã chỉ định thẩm phán Công bình để ghi lại những lời tường thuật về việc làm của họ.

ਓਥੈ ਸਚੇ ਹੀ ਸਚਿ ਨਿਬੜੈ ਚੁਣਿ ਵਖਿ ਕਢੇ ਜਜਮਾਲਿਆ ॥

Ở đó, người phàm chỉ được phán xét dựa trên cơ sở của sự thật và sự thật; những người giả dối (những người xấu xa) được đánh dấu và tách biệt khỏi những người thật.

ਥਾਉ ਨ ਪਾਇਨਿ ਕੂੜਿਆਰ ਮੁਹ ਕਾਲ੍ਹਰੈ ਦੋਜਕਿ ਚਾਲਿਆ ॥

Những kẻ giả dối không tìm thấy chỗ đứng trong tòa án của Đức Chúa Trời và bị đuổi ra ngoài trong sự ô nhục lớn lao.

ਤੇਰੈ ਨਾਇ ਰਤੇ ਸੇ ਜਿਣਿ ਗਏ ਹਾਰਿ ਗਏ ਸਿ ਠਗਣ ਵਾਲਿਆ ॥

Những người được thấm nhuần tình yêu của Danh Ngài sẽ trở thành người chiến thắng từ đây, trong khi những người không trung thực thua cuộc chơi của cuộc sống.

ਵਿਸਮਾਦੁ ਜੀਅ ਵਿਸਮਾਦੁ ਭੇਦ ॥

Tuyệt vời là những sinh vật, tuyệt vời là các loài.

ਵਿਸਮਾਦੁ ਰੂਪ ਵਿਸਮਾਦੁ ਰੰਗ ॥

Tuyệt vời là các hình thức, tuyệt vời là màu sắc.

ਵਿਸਮਾਦੁ ਨਾਗੇ ਫਿਰਹਿਜੰਤ ॥

Nhìn thấy rất nhiều sinh vật lang thang trần truồng xung quanh, tôi đang trong trạng thái kinh ngạc.

ਵਿਸਮਾਦੁ ਪਉਣੁ ਵਿਸਮਾਦੁ ਪਾਣੀ ॥

Tôi ngạc nhiên khi quan sát thấy rằng ở đâu đó gió đang thổi và một nơi nào đó nước đang chảy,

ਵਿਸਮਾਦੁ ਅਗਨੀ ਖੇਡਹਿ ਵਿਡਾਣੀ ॥

Thật đáng kinh ngạc, làm thế nào ngọn lửa đang thể hiện những vở kịch đáng kinh ngạc của riêng nó.

ਵਿਸਮਾਦੁ ਧਰਤੀ ਵਿਸਮਾਦੁ ਖਾਣੀ ॥

Tôi vô cùng ngạc nhiên khi nhìn thấy trái đất này duy trì các sinh vật từ mọi nguồn sống.

ਵਿਸਮਾਦੁ ਸਾਦਿ ਲਗਹਿ ਪਰਾਣੀ ॥

Thật đáng kinh ngạc, làm thế nào những người phàm tham gia vào việc hưởng thụ tiền thưởng của bạn.

ਵਿਸਮਾਦੁ ਸੰਜੋਗੁ ਵਿਸਮਾਦੁ ਵਿਜੋਗੁ ॥

Đáng kinh ngạc là quá trình mà qua đó mọi người đang được đoàn kết hoặc tách rời.

ਵਿਸਮਾਦੁ ਭੁਖ ਵਿਸਮਾਦੁ ਭੋਗੁ ॥

Chúa ơi, thật khó để tin rằng ở đâu đó có quá nhiều đói và ở những nơi khác, mọi thứ đang được hưởng rất nhiều.

ਵਿਸਮਾਦੁ ਸਿਫਤਿ ਵਿਸਮਾਦੁ ਸਾਲਾਹ ॥

Một nơi nào đó Đấng Tạo Hóa đang được ca ngợi và điếu văn,

ਵਿਸਮਾਦੁ ਉਝੜ ਵਿਸਮਾਦੁ ਰਾਹ ॥

ở đâu đó có sự hoang dã và ở những nơi khác có những con đường được bố trí độc đáo. Thật đáng kinh ngạc khi thấy vở kịch kỳ diệu này của bạn.

ਵਿਸਮਾਦੁ ਨੇੜੈ ਵਿਸਮਾਦੁ ਦੂਰਿ ॥

Thật ngạc nhiên khi một số người nói rằng Bạn đang ở gần; một người khác nói rằng Bạn ở xa,

ਵਿਸਮਾਦੁ ਦੇਖੈ ਹਾਜ਼ਰਾ ਹਜ਼ੂਰਿ ॥

trong khi vẫn còn những người khác nhìn thấy Bạn ngay bên cạnh họ (lan tỏa khắp nơi).

ਵੇਖਿ ਵਿਡਾਣੁ ਰਹਿਆ ਵਿਸਮਾਦੁ ॥

Nhìn thấy những điều kỳ diệu này, tôi ngạc nhiên.

ਨਾਨਕ ਬੁਝਣੁ ਪੂਰੈ ਭਾਗਿ ॥੧॥

O Nanak, những ai hiểu được những điều kỳ diệu của Ngài được ban phước với số phận hoàn hảo.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, bởi Guru đầu tiên:

ਕੁਦਰਤਿ ਦਿਸੈ ਕੁਦਰਤਿ ਸੁਣੀਐ ਕੁਦਰਤਿ ਭਉ ਸੁਖ ਸਾਰੁ ॥

Bất cứ điều gì được nhìn thấy, hoặc bất cứ điều gì được nghe thấy trong thiên nhiên đều là điều kỳ diệu về quyền năng của Ngài.

Sự sợ hãi được tôn kính của Ngài vốn là bản chất của hòa bình, là tất cả trò chơi của Ngài.

ਕੁਦਰਤਿ ਪਾਤਾਲੀ ਆਕਾਸੀ ਕੁਦਰਤਿ ਸਰਬ ਆਕਾਰੁ ॥

Đó là quyền năng của Ngài, đang được hiển thị trong thế giới bên kia và bầu trời, và tất cả các hình thức của vũ trụ.

ਕੁਦਰਤਿ ਵੇਦ ਪੁਰਾਣ ਕਤੇਬਾ ਕੁਦਰਤਿ ਸਰਬ ਵੀਚਾਰੁ ॥

Kinh Veda, purana, sách Semitic và những suy nghĩ được thể hiện trong những điều này, đã có thể thực hiện được nhờ sức mạnh của Ngài.

ਕੁਦਰਤਿ ਖਾਣਾ ਪੀਣਾ ਪੈਨ੍ਹੁਹਣੁ ਕੁਦਰਤਿ ਸਰਬ ਪਿਆਰੁ ॥

Đó là năng lượng tiềm ẩn của bạn, đang hoạt động đằng sau các hiện tượng ăn, uống, mặc quần áo và cảm giác yêu thương trong chúng sinh.

ਕੁਦਰਤਿ ਜਾਤੀ ਜਿਨਸੀ ਰੰਗੀ ਕੁਦਰਤਿ ਜੀਅ ਜਹਾਨ ॥

Nhờ Quyền Năng của Ngài mà các loài đủ loại và màu sắc xuất hiện; bởi Quyền Năng của Ngài, các sinh vật sống trên thế giới tồn tại.

ਕੁਦਰਤਿ ਨੇਕੀਆ ਕੁਦਰਤਿ ਬਦੀਆ ਕੁਦਰਤਿ ਮਾਨੁ ਅਭਿਮਾਨੁ ॥

Ngay cả tất cả các đức tính, tệ nạn, danh dự và sự ô nhục đang xảy ra theo quyền năng và ý chí của bạn.

ਕੁਦਰਤਿ ਪਉਣੁ ਪਾਣੀ ਬੈਸੰਤਰੁ ਕੁਦਰਤਿ ਧਰਤੀ ਖਾਕੁ ॥

Bởi sức mạnh của bạn gió, nước và lửa tồn tại; bởi Sức mạnh của bạn đất và bụi tồn tại.

ਸਭ ਤੇਰੀ ਕੁਦਰਤਿ ਤੂੰ ਕਾਦਿਰੁ ਕਰਤਾ ਪਾਕੀ ਨਾਈ ਪਾਕੁ ॥

Lạy Chúa, mọi sự đều nằm trong quyền năng của Ngài, Ngài là Đấng Tạo Hóa toàn năng. Tên của bạn là thánh nhất của Thánh.

ਨਾਨਕ ਹੁਕਮੈ ਅੰਦਰਿ ਵੇਖੈ ਵਰਤੈ ਤਾਕੇ ਤਾਕੁ ॥੨॥

Này Nanak, Ngài trân trọng sự sáng tạo theo mệnh lệnh của Ngài, và tràn ngập khắp mọi nơi bởi chính Ngài.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਆਪੀਨ੍ਹਰੈ ਭੇਗ ਭੇਗਿ ਕੈ ਹੋਇ ਭਸਮੜਿ ਭਉਰੁ ਸਿਧਾਇਆ ॥

Sau khi sống qua những đau đớn và thú vui của cuộc sống, cơ thể của người phạm bị biến thành một đồng bụi và linh hồn rời đi.

ਵਡਾ ਹੋਆ ਦੁਨੀਦਾਰੁ ਗਲਿ ਸੰਗਲੁ ਘਤਿ ਚਲਾਇਆ ॥

Khi một người vướng vào các vấn đề trần tục chết, anh ta được dẫn đến tòa án của Thẩm phán công chính.

ਅਗੈ ਕਰਣੀ ਕੀਰਤਿ ਵਾਚੀਐ ਬਹਿ ਲੇਖਾ ਕਰਿ ਸਮਝਾਇਆ ॥

Ở đó, lời tường thuật về những việc làm tốt và xấu của anh ta được cộng lại và giải thích cho anh ta.

ਥਾਉ ਨ ਹੋਵੀ ਪਉਦੀਈ ਹੁਣਿ ਸੁਣੀਐ ਕਿਆ ਰੂਆਇਆ ॥

Anh ta không tìm thấy nơi nào để trốn và không ai nghe thấy tiếng kêu đau đớn của anh ta.

ਮਨਿ ਅੰਧੈ ਜਨਮੁ ਗਵਾਇਆ ॥੩॥

Do sự thiếu hiểu biết, anh ta đã lãng phí sự ra đời của con người một cách vô ích.

ਸਲੋਕ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਭੈ ਵਿਚਿ ਪਵਣੁ ਵਹੈ ਸਦਵਾਉ ॥

Trong sự kính sợ Đức Chúa Trời, gió và gió cứ thổi mãi mãi.

ਭੈ ਵਿਚਿ ਚਲਹਿ ਲਖ ਦਰੀਆਉ ॥

Trong nỗi sợ hãi được tôn kính (theo ý muốn) của Thiên Chúa, hàng ngàn dòng sông chảy.

ਭੈ ਵਿਚਿ ਅਗਨਿ ਕਢੈ ਵੇਗਾਰਿ ॥

Trong sự kính sợ Thiên Chúa, lửa đang thực hiện các nhiệm vụ được giao.

ਭੈ ਵਿਚਿ ਧਰਤੀ ਦਬੀ ਭਾਰਿ ॥

Trong sự kính sợ Thiên Chúa được tôn kính, trái đất đang chịu gánh nặng của sự sáng tạo.

ਭੈ ਵਿਚਿ ਇੰਦੁ ਫਿਰੈ ਸਿਰ ਭਾਰਿ ॥

Trong nỗi sợ hãi đáng kính của Thiên Chúa (dưới sự chỉ huy của Ngài), vua Indra, thần mưa dưới dạng đám mây đang treo ngược, như thể nó đang đi trên đầu.

ਭੈ ਵਿਚਿ ਰਾਜਾ ਧਰਮ ਦੁਆਰੁ ॥

Trong sự kính sợ Đức Chúa Trời, Thẩm Phán Công chính của Pháp đứng trước ngưỡng cửa của Ngài.

ਕੇਹ ਕਰੇੜੀ ਚਲਤ ਨ ਅੰਤੁ ॥

Họ đi hàng triệu dặm, vô tận.

ਭੈ ਵਿਚਿ ਆਡਾਣੇ ਆਕਾਸ ॥

Chính trong nỗi sợ hãi tôn kính của Ngài mà bầu trời trải dài trên trái đất

ਭੈ ਵਿਚਿ ਆਵਹਿ ਜਾਵਹਿ ਪੂਰ ॥

Trong nỗi sợ hãi đáng kính của Ngài, vô số con người và tạo vật sinh ra và chết.

ਨਾਨਕ ਨਿਰਭਉ ਨਿਰੰਕਾਰੁ ਸਚੁ ਏਕੁ ॥੧॥

O Nanak, chỉ có Đức Chúa Trời vĩnh cửu và vô hình là không có bất kỳ sự sợ hãi nào.

ਕੇਤੀਆ ਕੰਨ੍ਹ ਕਹਾਣੀਆ ਕੇਤੇ ਬੇਦ ਬੀਚਾਰ ॥

Có rất nhiều câu chuyện về Krishna, rất nhiều người suy ngẫm về kinh Veda.

ਬਾਜ਼ਾਰੀ ਬਾਜ਼ਾਰ ਮਹਿ ਆਇ ਕਢਹਿ ਬਾਜ਼ਾਰ ॥

Các pháp sư thực hiện phép thuật của họ trên thị trường, tạo ra một ảo ảnh sai lầm.

ਲਖ ਟਕਿਆ ਕੇ ਮੂੰਦੜੇ ਲਖ ਟਕਿਆ ਕੇ ਹਾਰ ॥

Họ đeo hoa tai và dây chuyền mở rộng.

ਗਿਆਨੁ ਨ ਗਲੀਈ ਢੂਢੀਐ ਕਥਨਾ ਕਰੜਾ ਸਾਰੁ ॥

Sự khôn ngoan thiêng liêng không thể có được chỉ bằng lời nói. Để giải thích làm thế nào để có được kiến thức thiêng liêng là vô cùng khó khăn như nhai thép.

ਕਰਮਿ ਮਿਲੈ ਤਾ ਪਾਈਐ ਹੋਰ ਹਿਕਮਤਿ ਹੁਕਮੁ ਖੁਆਰੁ ॥੨॥

Chỉ khi nào chúng ta được ban phước với ân điển của Ngài, chúng ta mới có được sự khôn ngoan thiêng liêng; tất cả những nỗ lực và mệnh lệnh khác không dẫn đến gì ngoài sự thất vọng.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਨਦਰਿ ਕਰਹਿ ਜੇ ਆਪਣੀ ਤਾ ਨਦਰੀ ਸਤਿਗੁਰੁ ਪਾਇਆ ॥

Lạy Chúa, chỉ khi Ngài nhìn thấy ân sủng của Ngài, thì nhờ ân điển của Ngài, người ta mới gặp được Đạo sư thực sự.

ਏਹੁ ਜੀਉ ਬਹੁਤੇ ਜਨਮ ਭਰੰਮਿਆ ਤਾ ਸਤਿਗੁਰਿ ਸਬਦੁ ਸੁਣਾਇਆ ॥

Linh hồn này lang thang qua nhiều lần sinh nở, cho đến khi Chân sư thốt ra cho anh ta Lời thiêng liêng.

ਸਤਿਗੁਰ ਜੇਵਡੁ ਦਾਤਾ ਕੇ ਨਹੀ ਸਭਿ ਸੁਣਿਅਹੁ ਲੋਕ ਸਬਾਇਆ ॥

Tất cả mọi người đều lắng nghe cẩn thận, không có ân nhân nào vĩ đại như Guru chân chính.

ਸਤਿਗੁਰਿ ਮਿਲਿਐ ਸਚੁ ਪਾਇਆ ਜਿਨ੍ਹਹੀ ਵਿਚਹੁ ਆਪੁ ਗਵਾਇਆ ॥

Những người đã trút bỏ sự tự phụ của mình từ bên trong, khi gặp Guru chân chính, đã nhận ra Thượng Đế.

ਜਿਨਿ ਸਚੇ ਸਚੁ ਬੁਝਾਇਆ ॥੪॥

Chỉ có Guru chân chính mới tiết lộ sự hiểu biết về Thiên Chúa vĩnh cửu.

ਸਲੋਕ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਘੜੀਆ ਸਭੇ ਗੋਪੀਆ ਪਹਰ ਕੰਨ੍ਹਰੁ ਗੋਪਾਲ ॥

Thế giới này giống như một vở kịch của Chúa, trong đó tất cả người Gharian (khoảng thời gian 24 phút) giống như Gopis hoặc người giúp việc vắt sữa và tất cả các Pehars (khoảng thời gian ba giờ) giống như Krishana.

ਗਹਣੇ ਪਉਣੁ ਪਾਣੀ ਬੈਸੰਤਰੁ ਚੰਦੁ ਸੂਰਜੁ ਅਵਤਾਰ ॥

Trong vở kịch trần tục này, gió, nước và lửa giống như những đồ trang trí được đeo bởi Gopis. Mặt trời và mặt trăng giống như hai hóa thân.

ਸਗਲੀ ਧਰਤੀ ਮਾਲੁ ਧਨੁ ਵਰਤਣਿ ਸਰਬ ਜੰਜਾਲ ॥

Toàn bộ trái đất cung cấp các nguồn lực cần thiết, và những vương mắc của thế gian là nguồn cung cấp cần thiết để dàn dựng vở kịch này.

ਨਾਨਕ ਮੁਸੈ ਗਿਆਨ ਵਿਹੂਣੀ ਖਾਇ ਗਇਆ ਜਮਕਾਲੁ ॥੧॥

(Trong vở kịch ảo tưởng trần tục này) O 'Nanak, nếu không có kiến thức thiêng liêng, toàn thể nhân loại đang bị lừa dối và nuốt chửng bởi con quỷ của cái chết.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਵਾਇਨਿ ਚੇਲੇ ਨਚਨਿ ਗੁਰ ॥

Trong khi dàn dựng các chương trình này, các môn đệ chơi nhạc, và các bậc thầy nhảy múa.

ਪੈਰ ਹਲਾਇਨਿ ਫੇਰਨ੍ਹਿ ਸਿਰ ॥

Trong khi nhảy, họ đá quanh chân và quay đầu lại.

ਉਡਿ ਉਡਿ ਰਾਵਾ ਝਾਟੈ ਪਾਇ ॥

Bụi bay và rơi xuống đầu họ.

ਵੇਖੈ ਲੋਕੁ ਹਸੈ ਘਰਿ ਜਾਇ ॥

Nhìn họ, mọi người cười, và sau đó về nhà.

ਰੋਟੀਆ ਕਾਰਣਿ ਪੂਰਹਿ ਤਾਲ ॥

Họ đánh trống vì bánh mì (để kiếm sống).

ਆਪੁ ਪਛਾੜਹਿ ਧਰਤੀ ਨਾਲਿ ॥

Họ ném mình xuống đất.

ਗਾਵਨਿ ਗੋਪੀਆ ਗਾਵਨਿ ਕਾਨ੍ਹਹ ॥

Họ hát cải trang thành những người giúp việc vắt sữa và Krishnas.

ਗਾਵਨਿ ਸੀਤਾ ਰਾਜੇ ਰਾਮ ॥

Họ hát cải trang thành Sitas, Ramas và các vị vua khác.

ਨਿਰਭਉ ਨਿਰੰਕਾਰੁ ਸਚੁ ਨਾਮੁ ॥

Đức Chúa Trời không sợ hãi và vô hình; Danh Ngài là chân thật.

ਜਾ ਕਾ ਕੀਆ ਸਗਲ ਜਹਾਨੁ ॥

Toàn bộ vũ trụ là sự sáng tạo của Ngài.

ਸੇਵਕ ਸੇਵਹਿ ਕਰਮਿ ਚੜਾਉ ॥

Chỉ những người sùng đạo mới nhớ đến Ngài với lòng sùng kính yêu thương, những người, bởi ân điển của Ngài đang ở trong tinh thần cao cả.

ਭਿੰਨੀ ਰੈਣਿ ਜਿਨ੍ਹਾ ਮਨਿ ਚਾਉ ॥

Họ, trong tâm trí của họ là mong muốn mãnh liệt để làm hài lòng Thiên Chúa; cuộc sống của họ được tô điểm bằng sự thích thú thiêng liêng.

ਸਿਖੀ ਸਿਖਿਆ ਗੁਰ ਵੀਚਾਰਿ ॥

Chiêm ngưỡng Guru, những người đã học những giáo lý này;

ਨਦਰੀ ਕਰਮਿ ਲਘਾਏ ਪਾਰਿ ॥

ban ân sủng của Ngài, Thiên Chúa giúp họ vượt qua đại dương tẻ nạn trần tục.

ਕੇਲੂ ਚਰਖਾ ਚਕੀ ਚਕੁ ॥

Máy ép dầu, bánh xe quay, đá mài, bánh xe của thợ gốm,

ਥਲ ਵਾਰੇਲੇ ਬਹੁਤੁ ਅਨੰਤੁ ॥

vô số, vô số cơn lốc trên sa mạc.

ਲਾਟੂ ਮਾਧਾਣੀਆ ਅਨਗਾਹ ॥

những ngọn quay, những chiếc gậy khuấy, những chiếc tuốt lúa,

ਪੰਖੀ ਭਉਦੀਆ ਲੈਨਿ ਨ ਸਾਹ ॥

những tiếng kêu khó thở của những con chim,

ਸੂਐ ਚਾੜਿ ਭਵਾਈਅਹਿ ਜੰਤੁ ॥

và các sinh vật di chuyển vòng quanh trên các trục quay,

ਨਾਨਕ ਭਉਦੀਆ ਗਣਤ ਨ ਅੰਤੁ ॥

Hỡi Nanak, không có giới hạn về số lượng sự vật và chúng sinh, những người đang quay cuồng như vậy.

ਬੰਧਨ ਬੰਧਿ ਭਵਾਏ ਸੋਇ ॥

Trói buộc các sinh vật trong Bonds of Maya, Chúa quay chúng xung quanh.

ਪਇਐ ਕਿਰਤਿ ਨਚੈ ਸਭੁ ਕੇਇ ॥

Mọi người đang chạy xung quanh theo số phận dựa trên những việc làm trong quá khứ của mình.

ਨਚਿ ਨਚਿ ਹਸਹਿ ਚਲਹਿ ਮੇ ਰੋਇ ॥

Những người chạy quanh cả đời sẽ khóc về sự ra đi cuối cùng của họ.

ਉਡਿ ਨ ਜਾਹੀ ਸਿਧ ਨ ਰੋਹਿ ॥

Họ không đạt được trạng thái tâm linh cao hơn, cũng không trở nên thành thạo trong các vấn đề thế gian.

ਨਚਣੁ ਕੁਦਣੁ ਮਨ ਕਾ ਚਾਉ ॥

Tất cả những điệu nhảy và nhảy xung quanh của họ chỉ đơn thuần là một thú vui của tâm trí.

ਨਾਨਕ ਜਿਨ੍ਹਾ ਮਨਿ ਭਉ ਤਿਨ੍ਹਾ ਮਨਿ ਭਾਉ ॥੨॥

Vì thế, chỉ có một mình họ có tình yêu dành cho Đức Chúa Trời trong tâm trí của họ, những người có sự kính sợ Đức Chúa Trời tôn kính.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਨਾਉ ਤੇਰਾ ਨਿਰੰਕਾਰੁ ਹੈ ਨਾਇ ਲਇਐ ਨਰਕਿ ਨ ਜਾਈਐ ॥

Lạy Chúa, Danh Ngài là Đấng vô hình, và nếu chúng con nhớ đến Ngài với lòng sùng kính yêu thương thì chúng con sẽ thoát khỏi mọi đau khổ.

ਜੀਉ ਪਿੰਡੁ ਸਭੁ ਤਿਸ ਦਾ ਦੇ ਖਾਜੈ ਆਖਿ ਗਵਾਈਐ ॥

Linh hồn và thể xác tất cả đều thuộc về Ngài; yêu cầu Ngài cung cấp cho chúng ta nguồn dinh dưỡng là một sự lãng phí.

ਜੇ ਲੋੜਹਿ ਚੰਗਾ ਆਪਣਾ ਕਰਿ ਪੁੰਨਹੁ ਨੀਚੁ ਸਦਾਈਐ ॥

Nếu bạn khao khát phúc lợi của mình, thì hãy thực hiện những việc làm đạo đức và cảm thấy khiêm tốn.

ਜੇ ਜਰਵਾਣਾ ਪਰਹਰੈ ਜਰੁ ਵੇਸ ਕਰੇਦੀ ਆਈਐ ॥

Ngay cả khi một người mạnh mẽ cố gắng đẩy lùi các dấu hiệu tuổi già, tuổi già vẫn được ngụ ý trang theo những cách khác nhau.

ਕੇ ਰਹੈ ਨ ਭਰੀਐ ਪਾਈਐ ॥੫॥

Không ai có thể ở lại thế giới này khi hơi thở định sẵn đã được sử dụng hết.

ਸਲੋਕ ਮਃ ੧ ॥

Shalok, bởi Guru đầu tiên:

ਮੁਸਲਮਾਨਾ ਸਿਫਤਿ ਸਰੀਅਤਿ ਪੜਿ ਪੜਿ ਕਰਹਿ ਬੀਚਾਰੁ ॥

Người Hồi giáo ca ngợi luật Hồi giáo; họ đọc và suy ngẫm về nó.

ਬੰਦੇ ਸੇ ਜਿ ਪਵਹਿ ਵਿਚਿ ਬੰਦੀ ਵੇਖਣ ਕਉ ਦੀਦਾਰੁ ॥

Theo họ, những người hầu của Chúa chỉ là những người tuân thủ nghiêm ngặt luật Hồi giáo để nhìn thấy Tầm nhìn của Chúa.

ਹਿੰਦੂ ਸਾਲਾਹੀ ਸਾਲਾਹਨਿ ਦਰਸਨਿ ਰੂਪਿ ਅਪਾਰੁ ॥

Người Hindu ca ngợi Thiên Chúa đáng khen ngợi, xinh đẹp và vô hạn thông qua thánh thư của họ.

ਤੀਰਥਿ ਨਾਵਹਿ ਅਰਚਾ ਪੂਜਾ ਅਗਰ ਵਾਸੁ ਬਹਕਾਰੁ ॥

Họ tắm tại các đền thờ linh thiêng của cuộc hành hương, cúng hoa và thắp hương trước các thần tượng.

ਜੇਗੀ ਸੁੰਨਿ ਧਿਆਵਨ੍ਹਿ ਜੇਤੇ ਅਲਖ ਨਾਮੁ ਕਰਤਾਰੁ ॥

Các thiền sinh suy ngẫm về khoảng trống vũ trụ và Tên của Đấng Tạo Hóa là Alakh (không thể hiểu được)

ਸੁਖਮ ਮੂਰਤਿ ਨਾਮੁ ਨਿਰੰਜਨ ਕਾਇਆ ਕਾ ਆਕਾਰੁ ॥

Nhưng đối với hình ảnh tinh tế của Danh Vô Nhiễm Nguyên Tội, họ áp dụng hình thức của một cơ thể.

ਸਤੀਆ ਮਨਿ ਸੰਤੋਖੁ ਉਪਜੈ ਦੇਣੈ ਕੈ ਵੀਚਾਰਿ ॥

Ý nghĩ từ thiện mang lại sự hài lòng trong tâm trí của những người từ thiện.

ਦੇ ਦੇ ਮੰਗਹਿ ਸਹਸਾ ਗੁਣਾ ਸੋਭ ਕਰੇ ਸੰਸਾਰੁ ॥

Họ làm bác ái với những ý định ích kỷ, bởi vì họ cầu xin Chúa nhiều hơn gấp ngàn lần những gì họ cho, và họ mong đợi thế giới tôn vinh sự cho đi của họ.

ਚੇਰਾ ਜਾਰਾ ਤੈ ਕੂੜਿਆਰਾ ਖਾਰਾਬਾ ਵੇਕਾਰ ॥

Mặt khác, những kẻ trộm, kẻ ngoại tình, kẻ dối trá, kẻ làm ác và kẻ ác,

ਇਕਿ ਹੋਦਾ ਖਾਇ ਚਲਹਿ ਐਥਾਉ ਤਿਨਾ ਭਿ ਕਾਈ ਕਾਰ ॥

rời khỏi thế giới tay không sau khi sử dụng hết công lao của những việc làm trong quá khứ của họ bằng cách nuông chiều những hành vi tội lỗi. Loại nhiệm vụ vô ích nào là của họ?

ਜਲਿ ਥਲਿ ਜੀਆ ਪੁਰੀਆ ਲੋਆ ਆਕਾਰਾ ਆਕਾਰ ॥

Trong các thể giới và thiên hà khác nhau, có rất nhiều loại sinh vật sống trong nước và trên đất liền.

ਓਇ ਜਿ ਆਖਹਿ ਸੁ ਤੂੰਹੈ ਜਾਣਹਿ ਤਿਨਾ ਭਿ ਤੇਰੀ ਸਾਰ ॥

Lạy Chúa, chỉ có Chúa mới biết những gì những sinh vật đó yêu cầu. Họ phụ thuộc vào Ngài để nuôi dưỡng họ.

ਨਾਨਕ ਭਗਤਾ ਭੁਖ ਸਾਲਾਹਣੁ ਸਚੁ ਨਾਮੁ ਆਧਾਰੁ ॥

O Nanak, những người sùng đạo luôn có khao khát ca ngợi Đức Chúa Trời và Danh vĩnh cửu là sự hỗ trợ duy nhất của họ.

ਸਦਾ ਅਨੰਦਿ ਰਹਹਿ ਦਿਨੁ ਰਾਤੀ ਗੁਣਵੰਤਿਆ ਪਾ ਛਾਰੁ ॥੧॥

Họ luôn sống trong hạnh phúc vĩnh cửu, và rất khiêm tốn đối với những người có đức hạnh.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਮਿਟੀ ਮੁਸਲਮਾਨ ਕੀ ਪੇੜੈ ਪਈ ਕੁਮ੍ਹਿਆਰ ॥

Phần còn lại của một người Hồi giáo, cuối cùng là đất sét trên bánh xe của thợ gốm.

ਘੜਿ ਭਾਂਡੇ ਇਟਾ ਕੀਆ ਜਲਦੀ ਕਰੇ ਪੁਕਾਰ ॥

Nồi và gạch được tạo hình từ nó, và nó kêu lên khi nó cháy trong lò.

ਜਲਿ ਜਲਿ ਰੇਵੈ ਬਪੁੜੀ ਝੜਿ ਝੜਿ ਪਵਹਿ ਅੰਗਿਆਰ ॥

Trong khi đốt trong lò nung, đất sét này (phần còn lại của người Hồi giáo) kêu như thể nó đang cháy trong Địa ngục.

ਨਾਨਕ ਜਿਨਿ ਕਰਤੈ ਕਾਰਣੁ ਕੀਆ ਸੇ ਜਾਣੈ ਕਰਤਾਰੁ ॥੨॥

O Nanak, Đấng Tạo Hóa đã tạo ra sự sáng tạo; một mình biết ai lên thiên đàng hay địa ngục. (Đi xuống địa ngục hay thiên đường không phụ thuộc vào phương pháp xử lý hài cốt).

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਬਿਨੁ ਸਤਿਗੁਰ ਕਿਨੈ ਨ ਪਾਇਓ ਬਿਨੁ ਸਤਿਗੁਰ ਕਿਨੈ ਨ ਪਾਇਆ ॥

Không tuân theo những lời dạy của Đạo sư Chân chính, không ai đã từng nhận ra Thượng đế, vâng, nếu không tuân theo những lời dạy của Đạo sư Chân chính, không ai nhận ra Thượng đế.

ਸਤਿਗੁਰ ਵਿਚਿ ਆਪੁ ਰਖਿਓਨੁ ਕਰਿ ਪਰਗਟੁ ਆਖਿ ਸੁਣਾਇਆ ॥

Ngài đã tôn thờ chính Ngài trong Chân Sư; mặc khải chính Ngài, Ngài tuyên bố điều này một cách công khai.

ਸਤਿਗੁਰ ਮਿਲਿਐ ਸਦਾ ਮੁਕਤੁ ਹੈ ਜਿਨਿ ਵਿਚਹੁ ਮੇਹੁ ਚੁਕਾਇਆ ॥

Khi gặp Guru chân chính, người, người xưa đuối sức gắn bó với sự giàu có và quyền lực trần tục được giải thoát mãi mãi.

ਉਤਮੁ ਏਹੁ ਬੀਚਾਰੁ ਹੈ ਜਿਨਿ ਸਚੇ ਸਿਉ ਚਿਤੁ ਲਾਇਆ ॥ ਜਗਜੀਵਨੁ ਦਾਤਾ ਪਾਇਆ ॥੬॥

Tuyệt vời nhất là suy nghĩ này, rằng người đã hòa hợp tâm trí của mình với Đức Chúa Trời, đã nhận ra Ngài, Đấng ban sự sống cho thế giới.

ਸਲੋਕ ਮ: ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਹਉ ਵਿਚਿ ਆਇਆ ਹਉ ਵਿਚਿ ਗਇਆ ॥

Trong bản ngã (trạng thái mà người ta coi mình tách khỏi Chúa), một người bước vào thế giới, và trong bản ngã, anh ta rời khỏi thế giới này.

ਹਉ ਵਿਚਿ ਜੰਮਿਆ ਹਉ ਵਿਚਿ ਮੁਆ ॥

Trong bản ngã, người ta được sinh ra, và trong bản ngã người ta chết.

ਹਉ ਵਿਚਿ ਦਿਤਾ ਹਉ ਵਿਚਿ ਲਇਆ ॥

Để duy trì bản ngã (bản sắc riêng biệt), người ta cho và chấp nhận từ thiện.

ਹਉ ਵਿਚਿ ਖਟਿਆ ਹਉ ਵਿਚਿ ਗਇਆ ॥

Trong bản ngã người ta kiếm được, và trong bản ngã người ta thua.

ਹਉ ਵਿਚਿ ਸਚਿਆਰੁ ਕੂੜਿਆਰੁ ॥

Trong bản ngã, người ta trở nên trung thực hoặc giả dối.

ਹਉ ਵਿਚਿ ਪਾਪ ਪੁੰਨ ਵੀਚਾਰੁ ॥

Trong bản ngã, người ta phản ánh về những hành động tội lỗi và cao quý.

ਹਉ ਵਿਚਿ ਨਰਕਿ ਸੁਰਗਿ ਅਵਤਾਰੁ ॥

Chính vì bản ngã mà đôi khi người ta ở trong tất cả các tiện nghi và những lúc khác phải chịu đựng đau đớn.

ਹਉ ਵਿਚਿ ਹਸੈ ਹਉ ਵਿਚਿ ਰੋਵੈ ॥

Trong bản ngã, người ta cảm thấy hạnh phúc, và trong bản ngã người ta than khóc.

ਹਉ ਵਿਚਿ ਭਰੀਐ ਹਉ ਵਿਚਿ ਧੋਵੈ ॥

Trong bản ngã đôi khi tâm trí của một người chứa đầy bụi bẩn của tệ nạn, và vào những lúc khác, người ta nỗ lực trong bản ngã để rửa sạch bụi bẩn này.

ਹਉ ਵਿਚਿ ਜਾਤੀ ਜਿਨਸੀ ਖੋਵੈ ॥

Trong bản ngã đôi khi người ta mất địa vị xã hội và giai cấp.

ਹਉ ਵਿਚਿ ਮੂਰਖੁ ਹਉ ਵਿਚਿ ਸਿਆਣਾ ॥

Trong bản ngã, đôi khi một người hành động như không biết gì, và đôi khi hành động như một người khôn ngoan.

ਮੇਖ ਮੁਕਤਿ ਕੀ ਸਾਰ ਨ ਜਾਣਾ ॥

Anh ta không biết giá trị của sự cứu rỗi hay giải thoát.

ਹਉ ਵਿਚਿ ਮਾਇਆ ਹਉ ਵਿਚਿ ਛਾਇਆ ॥

Ở trong bản ngã, người ta hoặc tham gia vào tình yêu dành cho sự giàu có và quyền lực thế gian, hoặc vẫn ở trong bóng tối của sự thiếu hiểu biết.

ਹਉਮੈ ਕਰਿ ਕਰਿ ਜੰਤ ਉਪਾਇਆ ॥

Sống trong bản ngã, phạm nhân sinh ra hết lần này đến lần khác.

ਹਉਮੈ ਬੂਝੈ ਤਾ ਦਰੁ ਸੂਝੈ ॥

Khi một người hiểu được bản ngã, thì người ta sẽ biết đường đến tòa án của Đức Chúa Trời.

ਗਿਆਨ ਵਿਹੂਣਾ ਕਥਿ ਕਥਿ ਲੂਝੈ ॥

Không có trí tuệ tâm linh, người ta tiếp tục đau khổ trong những cuộc nói chuyện và tranh luận vô ích.

ਨਾਨਕ ਹੁਕਮੀ ਲਿਖੀਐ ਲੇਖੁ ॥

O Nanak, đó là mệnh lệnh của Chúa mà số phận của một người được viết ra.

ਜੇਹਾ ਵੇਖਹਿ ਤੇਹਾ ਵੇਖੁ ॥੧॥

Như người ta nhìn thấy (xem xét) những người khác, sau một thời gian người ta phát triển những đặc điểm giống như họ.

ਮਹਲਾ ੨ ॥

Salok, Đạo sư thứ hai:

ਹਉਮੈ ਏਹਾ ਜਾਤਿ ਹੈ ਹਉਮੈ ਕਰਮ ਕਮਾਹਿ ॥

Đây là bản chất của bản ngã, rằng mọi người tiếp tục làm những việc của họ trong bản ngã.

ਹਉਮੈ ਏਈ ਬੰਧਨਾ ਫਿਰਿ ਫਿਰਿ ਜੇਨੀ ਪਾਹਿ ॥

Đây là sự trói buộc của bản ngã, rằng hết lần này đến lần khác họ được tái sinh.

ਹਉਮੈ ਕਿਥਹੁ ਉਪਜੈ ਕਿਤੁ ਸੰਜਮਿ ਇਹ ਜਾਇ ॥

Bản ngã đến từ đâu? Làm thế nào nó có thể được gỡ bỏ?

ਹਉਮੈ ਏਹੇ ਹੁਕਮੁ ਹੈ ਪਇਐ ਕਿਰਤਿ ਫਿਰਾਹਿ ॥

Bản ngã này tồn tại theo lệnh của Đức Chúa Trời; con người đi lang thang theo hành động trong quá khứ của họ.

ਹਉਮੈ ਦੀਰਘ ਰੋਗੁ ਹੈ ਦਾਰੂ ਭੀ ਇਸੁ ਮਾਹਿ ॥

Bản ngã là một căn bệnh mãn tính, nhưng phương thuốc của nó cũng nằm trong đó.

ਕਿਰਪਾ ਕਰੇ ਜੇ ਆਪਣੀ ਤਾ ਗੁਰ ਕਾ ਸਬਦੁ ਕਮਾਹਿ ॥

Nếu Thiên Chúa ban ân sủng của Ngài, người ta hành động theo những lời dạy của Đạo sư.

ਨਾਨਕੁ ਕਹੈ ਸੁਣਹੁ ਜਨਹੁ ਇਤੁ ਸੰਜਮਿ ਦੁਖ ਜਾਹਿ ॥੨॥

Nanak nói, hãy lắng nghe, mọi người: theo cách này (bằng cách suy ngẫm về Danh Chúa), những nỗi buồn do căn bệnh của bản ngã khởi hành.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਸੇਵ ਕੀਤੀ ਸੰਤੋਖੀਈ ਜਿਨ੍ਹਹੀ ਸਚੇ ਸਚੁ ਧਿਆਇਆ ॥

Chỉ những người hài lòng, những người suy gẫm về Đấng Vĩnh Cửu (Thiên Chúa) với tình yêu và lòng tận tụy, mới thực sự phục vụ Ngài.

ਓਨ੍ਹਰੀ ਮੰਦੈ ਪੈਰੁ ਨ ਰਖਿਓ ਕਰਿ ਸੁਕ੍ਰਿਤੁ ਧਰਮੁ ਕਮਾਇਆ ॥

Họ không đặt chân vào tội lỗi, nhưng làm những việc tốt và sống ngay chính trong Pháp.

ਓਨ੍ਹਰੀ ਦੁਨੀਆ ਤੋੜੇ ਬੰਧਨਾ ਅੰਨੁ ਪਾਣੀ ਥੋੜਾ ਖਾਇਆ ॥

Họ đã tách ra khỏi các ràng buộc thế gian, và tiêu thụ thực phẩm và nước uống trong chừng mực (đủ để tồn tại).

ਤੂੰ ਬਖਸੀਸੀ ਅਗਲਾ ਨਿਤ ਦੇਵਹਿ ਚੜਹਿ ਸਵਾਇਆ ॥

Lạy Chúa, Ngài là ân nhân vĩ đại nhất, Ngài cho đi liên tục, nhiều hơn và nhiều hơn nữa.

ਵਡਿਆਈ ਵਡਾ ਪਾਇਆ ॥੭॥

Bằng cách tôn vinh Ngài, họ nhận ra Đức Chúa Trời vĩ đại.

ਸਲੋਕ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਪੁਰਖਾਂ ਬਿਰਖਾਂ ਤੀਰਥਾਂ ਤਟਾਂ ਮੇਘਾਂ ਖੇਤਾਂਹ ॥

Chỉ một mình Thiên Chúa mới biết được số lượng và tình trạng của tất cả con người, cây cối, những đền thờ thiêng liêng của cuộc hành hương, bờ sông thiêng liêng, những đám mây và cánh đồng.

ਦੀਪਾਂ ਲੇਆਂ ਮੰਡਲਾਂ ਖੰਡਾਂ ਵਰਭੰਡਾਂਹ ॥

Chỉ có Ngài biết có bao nhiêu hòn đảo, lục địa, thế giới và hệ mặt trời trong vũ trụ.

ਅੰਡਜ ਜੇਰਜ ਉਤਭੁਜਾਂ ਖਾਣੀ ਸੇਤਜਾਂਹ ॥

Chỉ có Ngài biết về các sinh vật được sinh ra thông qua bốn nguồn sáng tạo như trứng, tử cung, trái đất và mồ hôi.

ਸੇ ਮਿਤਿ ਜਾਣੈ ਨਾਨਕਾ ਸਰਾਂ ਮੇਰਾਂ ਜੰਤਾਹ ॥

Này Nanak, chỉ có Chúa mới biết về số lượng của tất cả các biển, núi và tình trạng của các sinh vật sống trong đó.

ਨਾਨਕ ਜੰਤ ਉਪਾਇ ਕੈ ਸੰਮਾਲੇ ਸਭਨਾਹ ॥

O Nanak, sau khi tạo ra những sinh vật này, Ngài trân trọng tất cả.

ਜਿਨਿ ਕਰਤੈ ਕਰਣਾ ਕੀਆ ਚਿੰਤਾ ਭਿ ਕਰਣੀ ਤਾਹ ॥

Đấng Tạo Hóa đã tạo ra sự sáng tạo, cũng chăm sóc nó.

ਸੇ ਕਰਤਾ ਚਿੰਤਾ ਕਰੇ ਜਿਨਿ ਉਪਾਇਆ ਜਗੁ ॥

Vâng, Đấng Tạo Hóa đã tạo ra thế giới, cũng quan tâm đến nó.

ਤਿਸੁ ਜੇਹਾਰੀ ਸੁਅਸਤਿ ਤਿਸੁ ਤਿਸੁ ਦੀਬਾਣੁ ਅਭਗੁ ॥

Tôi cúi đầu và dâng lên sự tôn kính của tôi, mà hệ thống hỗ trợ của Ngài là vĩnh cửu.

ਨਾਨਕ ਸਚੇ ਨਾਮ ਬਿਨੁ ਕਿਆ ਟਿਕਾ ਕਿਆ ਤਗੁ ॥੧॥

O 'Nanak, không suy ngẫm về Danh Ngài, tất cả các biểu tượng tôn giáo bên ngoài khác như Janeu (sợi chỉ thiêng liêng) và Tikka (chấm trên trán) có nghĩa là không có gì

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਲਖ ਨੇਕੀਆ ਚੰਗਿਆਈਆ ਲਖ ਪੁੰਨਾ ਪਰਵਾਣੁ ॥

Người ta có thể thực hiện hàng triệu việc làm tốt và đạo đức và vô số hành động từ thiện được xã hội chấp nhận.

ਲਖ ਤਪ ਉਪਰਿ ਤੀਰਥਾਂ ਸਹਜ ਜੋਗ ਬੇਬਾਣੁ ॥

Người ta có thể thực hiện hàng triệu lần sám hối tại các đền thờ thiêng liêng, và đi vào vùng hoang dã để tập yoga trong trạng thái đỉnh đạc.

ਲਖ ਸੂਰਤਣ ਸੰਗਰਾਮ ਰਣ ਮਹਿ ਛੁਟਹਿ ਪਰਾਣੁ ॥

Người ta có thể ra chiến trường và thể hiện hàng triệu hành động dũng cảm, và thậm chí mất mạng ở đó.

ਲਖ ਸੁਰਤੀ ਲਖ ਗਿਆਨ ਧਿਆਨ ਪੜੀਅਹਿ ਪਾਠ ਪੁਰਾਣੁ ॥

Người ta có thể có được rất nhiều sự hiểu biết thiêng liêng và trí tuệ thiêng liêng bằng cách thực hiện thiền định và đọc kinh Veda và Puranas,

ਜਿਨਿ ਕਰਤੈ ਕਰਣਾ ਕੀਆ ਲਿਖਿਆ ਆਵਣ ਜਾਣੁ ॥

Đấng Tạo Hóa, Đấng đã tạo ra sự sáng tạo này và đã định trước thời điểm sinh và chết của một người.

ਨਾਨਕ ਮਤੀ ਮਿਥਿਆ ਕਰਮੁ ਸਚਾ ਨੀਸਾਣੁ ॥੨॥

O Nanak, tất cả những mảnh khoe thông minh này đều sai và vô dụng. Chỉ có ân điển của Ngài là dấu ấn hoặc dấu ấn thực sự để được chấp nhận trong tòa án của Ngài.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਸਚਾ ਸਾਹਿਬੁ ਏਕੁ ਤੂੰ ਜਿਨਿ ਸਚੇ ਸਚੁ ਵਰਤਾਇਆ ॥

Lạy Đức Chúa Trời, Ngài là Thầy Chân Chính duy nhất, Đấng đã phân phát Chân lý (sự công chính) ở khắp mọi nơi.

ਜਿਸੁ ਤੂੰ ਦੇਹਿ ਤਿਸੁ ਮਿਲੈ ਸਚੁ ਤਾ ਤਿਨ੍ਹਰੀ ਸਚੁ ਕਮਾਇਆ ॥

Chỉ một mình Ngài đón nhận Sự Thật, Đấng mà Ngài ban cho nó; sau đó, Ngài thực hành Sự Thật.

ਸਤਿਗੁਰਿ ਮਿਲਿਐ ਸਚੁ ਪਾਇਆ ਜਿਨ੍ਹਰੈ ਕੈ ਹਿਰਦੈ ਸਚੁ ਵਸਾਇਆ ॥

Chỉ khi gặp gỡ và tuân theo những lời dạy của Đạo sư Chân chính, con người mới nhận ra Sự Thật. Guru lưu giữ sự thật trong trái tim của họ.

ਮੂਰਖ ਸਚੁ ਨ ਜਾਣਨ੍ਹਰੀ ਮਨਮੁਖੀ ਜਨਮੁ ਗਵਾਇਆ ॥

Những người tự nguyện ngu ngốc không biết, Sự thật là gì và họ lãng phí cuộc sống của họ một cách vô ích.

ਵਿਚਿ ਦੁਨੀਆ ਕਾਰੇ ਆਇਆ ॥੮॥

Tại sao họ thậm chí đã đến thế giới?

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਪੜਿ ਪੜਿ ਗਡੀ ਲਦੀਅਹਿ ਪੜਿ ਪੜਿ ਭਰੀਅਹਿ ਸਾਥ ॥

Ngay cả khi chúng ta đọc và nghiên cứu những giỏ sách và sau khi nghiên cứu tạo ra hàng đống sách.

ਪੜਿ ਪੜਿ ਬੇੜੀ ਪਾਈਐ ਪੜਿ ਪੜਿ ਗਡੀਅਹਿ ਖਾਤ ॥

Nếu chúng ta đọc quá nhiều sách mà một chiếc thuyền hoặc nhiều hố có thể được lấp đầy bằng chúng.

ਪੜੀਅਹਿ ਜੇਤੇ ਬਰਸ ਬਰਸ ਪੜੀਅਹਿ ਜੇਤੇ ਮਾਸ ॥

Chúng ta có thể đọc chúng năm này qua năm khác; chúng ta có thể đọc chúng bao nhiêu tháng trong một năm.

ਪੜੀਐ ਜੇਤੀ ਆਰਜਾ ਪੜੀਅਹਿ ਜੇਤੇ ਸਾਸ ॥

Chúng ta có thể đọc chúng suốt đời; chúng ta có thể đọc chúng với từng hơi thở.

ਨਾਨਕ ਲੇਖੈ ਇਕ ਗਲ ਹੇਰੁ ਹਉਮੈ ਝਖਣਾ ਝਾਖ ॥੧॥

O Nanak, điều duy nhất quan trọng trong triều đình của Ngài là hát những lời ca ngợi Ngài và suy gẫm về Danh Ngài. Tất cả những thứ khác giống như lang thang trong bản ngã của một người.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਲਿਖਿ ਲਿਖਿ ਪੜਿਆ ॥ਤੇਤਾ ਕੜਿਆ ॥

Càng viết và đọc, anh ta càng trở nên ích kỷ và kiêu ngạo.

ਬਹੁ ਤੀਰਥ ਭਵਿਆ ॥ਤੇਤੇ ਲਵਿਆ ॥

Nhiều người lang thang trên những ngôi đền thiêng liêng của cuộc hành hương, người ta càng nói chuyện vô ích (như một con quạ).

ਬਹੁ ਭੇਖ ਕੀਆ ਦੇਹੀ ਦੁਖੁ ਦੀਆ ॥

Càng mặc áo choàng tôn giáo, anh ta càng gây ra nhiều căng thẳng cho chính mình.

ਸਹੁ ਵੇ ਜੀਆ ਅਪਣਾ ਕੀਆ ॥

Hỡi bạn của tôi, bạn phải chịu đựng hậu quả của hành động của chính mình.

ਅੰਨੁ ਨ ਖਾਇਆ ਸਾਦੁ ਗਵਾਇਆ ॥

Bằng cách không ăn thức ăn, một người đã không đạt được bất kỳ công đức tinh thần nào, anh ta chỉ đơn giản là mất cơ hội thưởng thức sự thích thú của nó.

ਬਹੁ ਦੁਖੁ ਪਾਇਆ ਦੂਜਾ ਭਾਇਆ ॥

Vì tình yêu đối ngẫu (những thực hành khác ngoài yêu thương và tưởng nhớ đến Thiên Chúa), anh đã phải chịu nhiều Đau đớn.

ਬਸਤ੍ਰੁ ਨ ਪਹਿਰੈ ॥ ਅਹਿਨਿਸਿ ਕਹਰੈ ॥

Một người không mặc bất kỳ quần áo nào, phải chịu đựng cả ngày lẫn đêm bằng cách khiến cơ thể mình phải chịu đựng những điều khắc nghiệt của thời tiết.

ਮੋਨਿ ਵਿਗੁਤਾ ॥ ਕਿਉ ਜਾਰੈ ਗੁਰ ਬਿਨੁ ਸੁਤਾ ॥

M ải mê trong im lặng, một người đi lạc lối (từ con đường chính nghĩa). Làm thế nào anh ta có thể được đánh thức từ giấc ngủ của vô minh mà không có những lời dạy của Guru?

ਪਗ ਉਪੇਤਾਣਾ ॥ ਅਪਣਾ ਕੀਆ ਕਮਾਣਾ ॥

Một người đi chân trần, phải chịu đựng hành động của chính mình bằng cách làm tổn thương đôi chân của mình.

ਅਲੁ ਮਲੁ ਖਾਈ ਸਿਰਿ ਛਾਈ ਪਾਈ ॥

Một người ăn thức ăn thừa bắn thiu và ném tro trên đầu,

ਮੂਰਖਿ ਅੰਧੈ ਪਤਿ ਗਵਾਈ ॥

Người ngu ngốc mù quáng (ngu dốt) đã mất danh dự của mình.

ਵਿਣੁ ਨਾਵੈ ਕਿਛੁ ਥਾਇ ਨ ਪਾਈ ॥

Không có suy niệm về Danh Đức Chúa Trời, không có gì được chấp thuận trong tòa án của Ngài.

ਰਹੈ ਬੇਬਾਣੀ ਮੜੀ ਮਸਾਣੀ ॥

Người ta có thể sống trong vùng hoang dã, trong nghĩa trang hoặc trong khu vực hỏa táng,

ਅੰਧੁ ਨ ਜਾਣੈ ਫਿਰਿ ਪਛੁਤਾਣੀ ॥

một người mù tâm linh như vậy không biết cách đúng đắn để nhận ra Chúa, cuối cùng anh ta hối hận và ăn năn.

ਸਤਿਗੁਰੁ ਭੇਟੇ ਸੇ ਸੁਖੁ ਪਾਏ ॥

Chỉ có anh ta, người gặp Đạo sư đích thực, được hưởng hòa bình.

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਮੰਨਿ ਵਸਾਏ ॥

Bởi vì anh ta lưu giữ Danh Đức Chúa Trời trong tâm trí của mình.

ਨਾਨਕ ਨਦਰਿ ਕਰੇ ਸੇ ਪਾਏ ॥

O Nanak, chỉ có người mà Đức Chúa Trời ban ân sủng của Ngài, gặp Guru.

ਆਸ ਅੰਦੇਸੇ ਤੇ ਨਿਹਕੇਵਲੁ ਹਉਮੈ ਸਬਦਿ ਜਲਾਏ ॥੨॥

Sau đó trở nên không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ loại hy vọng và lo lắng nào, và theo lời của Guru, anh ta đốt cháy bản ngã của mình.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਭਗਤ ਤੇਰੈ ਮਨਿ ਭਾਵਦੇ ਦਰਿ ਸੋਹਨਿ ਕੀਰਤਿ ਗਾਵਦੇ ॥

Lạy Chúa, các tín đồ của Ngài đang làm hài lòng tâm trí Ngài. Họ trông thật đẹp trước cửa nhà bạn, hát những lời khen ngợi của bạn.

ਨਾਨਕ ਕਰਮਾ ਬਾਹਰੇ ਦਰਿ ਢੇਅ ਨ ਲਹਨ੍ਹੀ ਧਾਵਦੇ ॥

Hỡi Nanak, những người bị tước đoạt ân sủng của Đức Chúa Trời, không tìm thấy nơi trú ẩn trong Tòa án của Ngài và tiếp tục lang thang không mục đích.

ਇਕਿ ਮੂਲੁ ਨ ਬੁਝਨ੍ਹਿਰ ਆਪਣਾ ਅਣਹੋਦਾ ਆਪੁ ਗਣਾਇਦੇ ॥

Có một số người không hiểu nguồn gốc của họ, và không có bất kỳ công đức tinh thần nào, họ tự gọi mình là vĩ đại.

ਹਉ ਢਾਢੀ ਕਾ ਨੀਚ ਜਾਤਿ ਹੋਰਿ ਉਤਮ ਜਾਤਿ ਸਦਾਇਦੇ ॥

Ôi Chúa ơi, trong khi những người khác tự nhận mình thuộc địa vị xã hội cao, thì tôi chỉ là một kẻ có địa vị xã hội thấp.

ਤਿਨ੍ਹਹ ਮੰਗਾ ਜਿ ਤੁਝੈ ਧਿਆਇਦੇ ॥੯॥

Con chỉ tìm kiếm sự đồng hành của những người suy giảm về Ngài.

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਕੁੜੁ ਰਾਜਾ ਕੁੜੁ ਪਰਜਾ ਕੁੜੁ ਸਭੁ ਸੰਸਾਰੁ ॥

Toàn bộ thế giới này là một ảo ảnh giống như hành động của một pháp sư. Trong thế giới giả dối này, giả (tồn tại trong thời gian ngắn) là vua và giả là thần dân của ông.

ਕੁੜੁ ਮੰਡਪ ਕੁੜੁ ਮਾੜੀ ਕੁੜੁ ਬੈਸਣਹਾਰੁ ॥

Những cung điện và lâu đài sai lầm và những người sống trong đó dễ hư hỏng.

ਕੁੜੁ ਸੁਇਨਾ ਕੁੜੁ ਰੁਪਾ ਕੁੜੁ ਪੈਨ੍ਹਣਹਾਰੁ ॥

Đồ trang sức bằng vàng và bạc là giả dối, và kẻ đeo chúng là giả dối.

ਕੁੜੁ ਕਾਇਆ ਕੁੜੁ ਕਪੜੁ ਕੁੜੁ ਰੂਪੁ ਅਪਾਰੁ ॥

Sai là cơ thể, giả là váy và ảo tưởng là vẻ đẹp cực đoan.

ਕੁੜੁ ਮੀਆ ਕੁੜੁ ਬੀਬੀ ਖਪਿ ਹੋਏ ਖਾਰੁ ॥

Mối quan hệ giữa một người chồng và một người vợ có thời gian rất ngắn và họ đang bị lãng phí trong những xung đột sai lầm.

ਕੂੜਿ ਕੂੜੈ ਨੇਹੁ ਲਗਾ ਵਿਸਰਿਆ ਕਰਤਾਰੁ ॥

Những kẻ giả dối yêu sự giả dối, và quên Đấng Tạo Hóa của họ.

ਕਿਸੁ ਨਾਲਿ ਕੀਚੈ ਦੇਸਤੀ ਸਭੁ ਜਗੁ ਚਲਣਹਾਰੁ ॥

Chúng ta nên trở thành bạn bè với ai, khi toàn bộ thế giới chỉ là nhất thời?

ਕੂੜੁ ਮਿਠਾ ਕੂੜੁ ਮਾਖਿਉ ਕੂੜੁ ਡੋਬੇ ਪੂਰੁ ॥

Đối với người phàm, thế giới ảo tưởng này có vẻ ngọt ngào như mật ong và đó là lý do tại sao ảo tưởng sai lầm này đang hủy diệt vô số người.

ਨਾਨਕੁ ਵਖਾਣੈ ਬੇਨਤੀ ਤੁਧੁ ਬਾਝੁ ਕੂੜੈ ਕੂੜੁ ॥੧॥

Lạy Chúa, Nanak đưa ra lời cầu xin này, rằng nếu không có Ngài, mọi sự đều hoàn toàn sai lầm và ảo tưởng.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਸਚੁ ਤਾ ਪਰੁ ਜਾਣੀਐ ਜਾ ਰਿਦੈ ਸਚਾ ਹੋਇ ॥

Người ta chỉ biết sự thật khi Đức Chúa Trời ngự trong lòng mình.

ਕੂੜੁ ਕੀ ਮਲੁ ਉਤਰੈ ਤਨੁ ਕਰੇ ਹਛਾ ਧੋਇ ॥

Sự bẩn thỉu của sự giả dối được loại bỏ và tâm trí và cơ thể được giải phóng khỏi tệ nạn.

ਸਚੁ ਤਾ ਪਰੁ ਜਾਣੀਐ ਜਾ ਸਚਿ ਧਰੇ ਪਿਆਰ ॥

Người ta chỉ biết sự thật về thế giới khi anh ta mang tình yêu dành cho Đức Chúa Trời.

ਨਾਉ ਸੁਣਿ ਮਨੁ ਰਹਸੀਐ ਤਾ ਪਾਏ ਮੋਖ ਦੁਆਰੁ ॥

Nghe danh Đức Chúa Trời, tâm trí được hài lòng; sau đó, người ta đạt được sự tự do khỏi những vương mắc trần tục.

ਸਚੁ ਤਾ ਪਰੁ ਜਾਣੀਐ ਜਾ ਜੁਗਤਿ ਜਾਣੈ ਜੀਉ ॥

Người ta chỉ biết sự thật khi anh ta biết lối sống thực sự.

ਧਰਤਿ ਕਾਇਆ ਸਾਧਿ ਕੈ ਵਿਚਿ ਦੇਇ ਕਰਤਾ ਬੀਉ ॥

Chuẩn bị cơ thể như một trang trại, anh gieo hạt giống Danh Chúa.

ਸਚੁ ਤਾ ਪਰੁ ਜਾਣੀਐ ਜਾ ਸਿਖ ਸਚੀ ਲੇਇ ॥

Người ta chỉ biết sự thật khi anh ta nhận được những lời dạy thực sự từ Guru.

ਦਇਆ ਜਾਣੈ ਜੀਅ ਕੀ ਕਿਛੁ ਪੁੰਨੁ ਦਾਨੁ ਕਰੇਇ ॥

Thể hiện lòng thương xót đối với chúng sinh khác, và thực hiện một số hành động từ thiện và tử tế.

ਸਚੁ ਤਾਂ ਪਰੁ ਜਾਣੀਐ ਜਾ ਆਤਮ ਤੀਰਥਿ ਕਰੇ ਨਿਵਾਸੁ ॥

Người ta chỉ biết sự thật khi anh ta ở trong ngôi đền thiêng liêng của bản thân.

ਸਤਿਗੁਰੂ ਨੇ ਪੁਛਿ ਕੈ ਬਹਿ ਰਹੈ ਕਰੇ ਨਿਵਾਸੁ ॥

Nhận được những lời dạy từ Chân sư, anh ta tiếp tục tập trung vào nội tâm.

ਸਚੁ ਸਭਨਾ ਹੋਇ ਦਾਰੂ ਪਾਪ ਕਢੈ ਧੋਇ ॥

Chính Đức Chúa Trời trở nên phương thuốc cho mọi bệnh tật; và xua đuổi mọi tội lỗi.

ਨਾਨਕੁ ਵਖਾਣੈ ਬੇਨਤੀ ਜਿਨ ਸਚੁ ਪਲੈ ਹੋਇ ॥੨॥

Nanak khiêu tốn tìm kiếm những người có Chân lý (Thiên Chúa) ở trong trái tim họ.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਦਾਨੁ ਮਹਿੰਡਾ ਤਲੀ ਖਾਕੁ ਜੇ ਮਿਲੈ ਤ ਮਸਤਕਿ ਲਾਈਐ ॥

Món quà tôi tìm kiếm là sự khiêm nhường; nếu tôi có được nó, tôi sẽ thấy mình rất may mắn.

ਕੂੜਾ ਲਾਲਚੁ ਛਡੀਐ ਹੋਇ ਇਕ ਮਨਿ ਅਲਖੁ ਧਿਆਈਐ ॥

Từ bỏ lòng tham giả, và suy gẫm một cách suy nghĩ về Đức Chúa Trời không thể hiểu được.

ਫਲੁ ਤੇਵੇਹੋ ਪਾਈਐ ਜੇਵੇਹੀ ਕਾਰ ਕਮਾਈਐ ॥

Cũng như những hành động chúng ta cam kết, phần thưởng chúng ta nhận được cũng vậy.

ਜੇ ਹੋਵੈ ਪੂਰਬਿ ਲਿਖਿਆ ਤਾ ਧੂੜਿ ਤਿਨ੍ਹ੍ਹਾ ਦੀ ਪਾਈਐ ॥

Nếu nó được định trước như vậy, thì người ta phải khiêm nhường phục vụ các Thánh.

ਮਤਿ ਥੋੜੀ ਸੇਵ ਗਵਾਈਐ ॥੧੦॥

Vì trí tuệ hạn chế của chúng ta, chúng ta mất đi những giá trị của sự phục vụ vị tha.

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਸਚਿ ਕਾਲੁ ਕੂੜੁ ਵਰਤਿਆ ਕਲਿ ਕਾਲਖ ਬੇਤਾਲ ॥

Cuộc sống công chính đã trở nên hiếm hoi, sự giả dối đang tràn ngập khắp nơi và mọi người đang cư xử như quỷ vì tội lỗi và tệ nạn của Kalyug.

ਬੀਉ ਬੀਜਿ ਪਤਿ ਲੈ ਗਏ ਅਬ ਕਿਉ ਉਗਵੈ ਦਾਲਿ ॥

Những người sống công chính (gieo hạt giống của sự công bình trong tâm trí họ) đã ra đi với danh dự.

Những người có tâm trí bị chia rẽ trong nhị nguyên, làm thế nào hạt giống của sự công bình có thể nảy mầm trong tâm trí của họ?

ਜੇ ਇਕੁ ਹੋਇ ਤ ਉਗਵੈ ਰੁਤੀ ਹੂ ਰੁਤਿ ਹੋਇ ॥

Hạt giống của tình yêu dành cho Thiên Chúa sẽ nảy mầm nếu tâm trí không bị phân chia trong nhị nguyên và có bầu không khí thích hợp như bầu không khí mát mẻ và tĩnh lặng của buổi sáng sớm.

ਨਾਨਕ ਪਾਹੈ ਬਾਹਰਾ ਕੇਰੈ ਰੰਗੁ ਨ ਸੋਇ ॥

Còn Nanak, cũng giống như không được xử lý trước, một miếng vải thô không được nhuộm đẹp.

ਭੈ ਵਿਚਿ ਖੁੰਬਿ ਚੜਾਈਐ ਸਰਮੁ ਪਾਹੁ ਤਨਿ ਹੋਇ ॥

Tương tự như vậy, để thấm nhuần tâm trí trong tình yêu của Thiên Chúa, tiền xử lý (đối với tâm trí là) phát triển sự sợ hãi đối với Thiên Chúa bằng cách làm việc chăm chỉ.

ਨਾਨਕ ਭਗਤੀ ਜੇ ਰਪੈ ਕੂੜੈ ਸੋਇ ਨ ਕੋਇ ॥੧॥

Này Nanak, khi tâm trí thấm nhuần tình yêu và lòng sùng kính của Đức Chúa Trời, thì không có ý nghĩ về sự giả dối nảy sinh trong đó.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਲਬੁ ਪਾਪੁ ਦੁਇ ਰਾਜਾ ਮਹਤਾ ਕੂੜੁ ਹੋਆ ਸਿਕਦਾਰੁ ॥

(Các điều kiện trên thế giới là khốn khổ, dường như) cả tham lam và tội lỗi đã trở thành vua và người giúp đỡ anh ta; và sự giả dối là trưởng hành.

ਕਾਮੁ ਨੇਬੁ ਸਦਿ ਪੁਛੀਐ ਬਹਿ ਬਹਿ ਕਰੇ ਬੀਚਾਰੁ ॥

Ham muốn giống như cố vấn chính của họ, họ xin lời khuyên của anh ta và sau đó ngồi cùng nhau, họ cân nhắc về những cách khác nhau để đánh lừa công chúng.

ਅੰਧੀ ਰਯਤਿ ਗਿਆਨ ਵਿਹੁਣੀ ਭਾਹਿ ਭਰੇ ਮੁਰਦਾਰੁ ॥

Đối tượng của họ không biết gì do thiếu kiến thức, họ chứa đầy ngọn lửa của những ham muốn trần tục, và họ đã chết về mặt tinh thần.

ਗਿਆਨੀ ਨਚਹਿ ਵਾਜੇ ਵਾਵਹਿ ਰੂਪ ਕਰਹਿ ਸੀਗਾਰੁ ॥

Cái gọi là khôn ngoan, chỉ đơn giản là nhảy và chơi nhạc cụ của họ, tô điểm cho mình bằng những đồ trang trí đẹp mắt.

ਊਚੇ ਕੂਕਹਿ ਵਾਦਾ ਗਾਵਹਿ ਜੇਧਾ ਕਾ ਵੀਚਾਰੁ ॥

Họ hét to, trong khi hát về những trận chiến và sử thi trong quá khứ của các anh hùng.

ਮੂਰਖ ਪੰਡਿਤ ਹਿਕਮਤਿ ਹੁਜਤਿ ਸੰਜੈ ਕਰਹਿ ਪਿਆਰੁ ॥

Các học giả và chuyên gia ngu ngốc thích thu thập của cải thế gian bằng những lập luận và thủ đoạn thông minh.

ਧਰਮੀ ਧਰਮੁ ਕਰਹਿ ਗਾਵਾਵਹਿ ਮੰਗਹਿ ਮੇਖ ਦੁਆਰੁ ॥

Những người công chính đánh mất công đức của sự công chính của họ bằng cách cầu xin Đức Chúa Trời cứu rỗi để đáp lại.

ਜਤੀ ਸਦਾਵਹਿ ਜੁਗਤਿ ਨ ਜਾਣਹਿ ਛਡਿ ਬਹਿ ਘਰ ਬਾਰੁ ॥

Họ tự gọi mình là độc thân, và bỏ nhà cửa, nhưng họ không biết cách sống thực sự.

ਸਭੁ ਕੇ ਪੂਰਾ ਆਪੇ ਹੋਵੈ ਘਟਿ ਨ ਕੋਈ ਆਖੈ ॥

Mọi người tự gọi mình là hoàn hảo; không ai gọi mình là không hoàn hảo.

ਪਤਿ ਪਰਵਾਣਾ ਪਿਛੈ ਪਾਈਐ ਤਾ ਨਾਨਕ ਤੋਲਿਆ ਜਾਏ ॥੨॥

Này Nanak, công đức thực sự của một người sẽ chỉ được biết đến khi người đó bị phán xét chống lại mức độ danh dự của anh ta nhận được trong tòa án của Đức Chúa Trời.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, bởi Guru đầu tiên:

ਵਦੀ ਸੁ ਵਜਗਿ ਨਾਨਕਾ ਸਚਾ ਵੇਖੈ ਸੇਇ ॥

Này Nanak, những gì Đức Chúa Trời đã định sẵn chắc chắn sẽ xảy ra bởi vì chính Ngài đang nhìn thấy nó (rằng mọi thứ đang xảy ra theo mệnh lệnh của Ngài).

ਸਭਨੀ ਛਾਲਾ ਮਾਰੀਆ ਕਰਤਾ ਕਰੇ ਸੁ ਹੋਇ ॥

Mọi người đều nỗ lực rất nhiều để làm mọi việc theo ý muốn của họ, nhưng điều đó chỉ xảy ra mà Đấng Tạo Hóa làm.

ਅਗੈ ਜਾਤਿ ਨ ਜੇਰੁ ਹੈ ਅਗੈ ਜੀਉ ਨਵੇ ॥

Trong triều đình của Thiên Chúa, địa vị xã hội và quyền lực không có ý nghĩa gì, bởi vì ở đó, người ta phải đối phó với những con người hoàn toàn mới. (những người không bị ảnh hưởng bởi địa vị của bất kỳ ai)

ਜਿਨ ਕੀ ਲੇਖੈ ਪਤਿ ਪਵੈ ਚੰਗੇ ਸੇਈ ਕੇਇ ॥੩॥

Chỉ có một số ít người được coi là tốt hoặc đạo đức, những người được ban cho danh dự khi lời tường thuật của họ được xem xét trong tòa án của Đức Chúa Trời.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਧੁਰਿ ਕਰਮੁ ਜਿਨਾ ਕਉ ਤੁਧੁ ਪਾਇਆ ਤਾ ਤਿਨੀ ਖਸਮੁ ਧਿਆਇਆ ॥

Lạy Chúa, chỉ có những người đã suy gẫm về Ngài với lòng sùng kính yêu thương, những người được định sẵn như vậy.

ਏਨਾ ਜੰਤਾ ਕੈ ਵਸਿ ਕਿਛੁ ਨਾਹੀ ਤੁਧੁ ਵੇਕੀ ਜਗਤੁ ਉਪਾਇਆ ॥

Không có gì nằm trong sức mạnh của những sinh vật này; Bạn đã tạo ra thế giới này với những người có khả năng và khuynh hướng đa dạng.

ਇਕਨਾ ਨੇ ਤੂੰ ਮੇਲਿ ਲੈਹਿ ਇਕਿ ਆਪਹੁ ਤੁਧੁ ਖੁਆਇਆ ॥

Một số, bạn hợp nhất với chính mình, và một số khác, Bạn dẫn đường lạc lối.

ਗੁਰ ਕਿਰਪਾ ਤੇ ਜਾਣਿਆ ਜਿਥੈ ਤੁਧੁ ਆਪੁ ਬੁਝਾਇਆ ॥

Người mà bạn đã mặc khải chính mình, đã nhận ra bạn thông qua ân sủng của Guru.

ਸਹਜੇ ਹੀ ਸਚਿ ਸਮਾਇਆ ॥੧੧॥

Anh ấy đã hợp nhất một cách vô tình trong Bạn.

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਦੁਖੁ ਦਾਰੂ ਸੁਖੁ ਰੋਗੁ ਭਇਆ ਜਾ ਸੁਖੁ ਤਾਮਿ ਨ ਹੋਈ ॥

Lạy Chúa, thế giới này của Chúa thật kỳ lạ biết bao, nơi đau khổ trở thành phương thuốc, và niềm vui trở thành một căn bệnh. Nơi nào có hạnh phúc, ở đó không có đau khổ.

ਤੂੰ ਕਰਤਾ ਕਰਣਾ ਮੈ ਨਾਹੀ ਜਾ ਹਉ ਕਰੀ ਨ ਹੋਈ ॥੧॥

Lạy Chúa, Chúa là Đấng sáng tạo và là người làm mọi thứ, con chẳng là gì cả. Ngay cả khi tôi cố gắng, không có gì xảy ra.

ਬਲਿਹਾਰੀ ਕੁਦਰਤਿ ਵਸਿਆ ॥

Hỡi tất cả Đấng Tạo Hóa, con dâng hiến bản thân mình cho Ngài.

ਤੇਰਾ ਅੰਤੁ ਨ ਜਾਈ ਲਖਿਆ ॥੧॥ ਰਹਾਉ ॥

Giới hạn của bạn không thể được biết.

ਜਾਤਿ ਮਹਿ ਜੇਤਿ ਜੇਤਿ ਮਹਿ ਜਾਤਾ ਅਕਲ ਕਲਾ ਭਰਪੂਰਿ ਰਹਿਆ ॥

Ánh sáng của bạn đang lan tỏa khắp vũ trụ, và bạn được coi là Ánh sáng trong tất cả các sinh vật. Sức mạnh toàn năng của bạn đang lan tỏa trong tất cả.

ਤੂੰ ਸਚਾ ਸਾਹਿਬੁ ਸਿਫਤਿ ਸੁਆਲ੍ਹਿਹਉ ਜਿਨਿ ਕੀਤੀ ਸੇ ਪਾਰਿ ਪਇਆ ॥

Lạy Đức Chúa Trời, Ngài là Chủ nhân thật; Sự ca ngợi của Ngài thật đẹp đẽ. Một người hát những lời ca ngợi của bạn, được mang qua đại dương tẻ nạn trên thế giới.

ਕਹੁ ਨਾਨਕ ਕਰਤੇ ਕੀਆ ਬਾਤਾ ਜੇ ਕਿਛੁ ਕਰਣਾ ਸੁ ਕਰਿ ਰਹਿਆ ॥੨॥

Hỡi Nanak, hãy hát những lời ca ngợi Đấng Tạo Hóa; bất cứ điều gì Ngài thích làm, Ngài đang làm.

ਮਃ ੨ ॥

Salok, Đạo sư thứ hai:

ਜੇਗ ਸਬਦੰ ਗਿਆਨ ਸਬਦੰ ਬੇਦ ਸਬਦੰ ਬ੍ਰਾਹਮਣਹ ॥

Nhiệm vụ thực sự của một Yogi là đạt được trí tuệ thiêng liêng; và nhiệm vụ của một Brahmin (Linh mục Ấn Độ giáo) là nghiên cứu và suy ngẫm về kinh Veda.

ਖੜ੍ਹੀ ਸਬਦੰ ਸੂਰ ਸਬਦੰ ਸੂਦ੍ਰ ਸਬਦੰ ਪਰਾ ਕ੍ਰਿਤਹ ॥

Nhiệm vụ của Kshatriya là chiến đấu dũng cảm trên chiến trường, và nhiệm vụ của Shudras là phục vụ người khác.

ਸਰਬ ਸਬਦੰ ਏਕ ਸਬਦੰ ਜੇ ਕੇ ਜਾਣੈ ਭੇਉ ॥ ਨਾਨਕੁ ਤਾ ਕਾ ਦਾਸੁ ਹੈ ਸੇਈ ਨਿਰੰਜਨ ਦੇਉ ॥੩॥

Nhưng nhiệm vụ của tất cả là suy ngẫm về Danh Đức Chúa Trời. Nanak là đầy tớ của người biết bí mật này vì anh ta là hiện thân của Thiên Chúa vô nhiễm.

ਮਃ ੨ ॥

Salok, Đạo sư thứ hai:

ਏਕ ਕ੍ਰਿਸਨੰ ਸਰਬ ਦੇਵਾ ਦੇਵ ਦੇਵਾ ਤ ਆਤਮਾ ॥

Thiên Chúa duy nhất là linh hồn tối cao của tất cả các vị thần.

ਆਤਮਾ ਬਾਸੁਦੇਵਸਿਯਜ ਜੇ ਕੇ ਜਾਣੈ ਭੇਉ ॥ ਨਾਨਕੁ ਤਾ ਕਾ ਦਾਸੁ ਹੈ ਸੇਈ ਨਿਰੰਜਨ ਦੇਉ ॥੪॥

Một người hiểu được mầu nhiệm, rằng chính linh hồn là Thiên Chúa, anh ta là hiện thân của Thiên Chúa vô nhiễm và Nanak là người hầu cho anh ta.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਕੁੰਭੇ ਬਧਾ ਜਲੁ ਰਹੈ ਜਲ ਬਿਨੁ ਕੁੰਭੁ ਨ ਹੋਇ ॥

Cũng giống như nước vẫn bị giới hạn trong bình, nhưng không có nước, bình đựng không thể được hình thành.

ਗਿਆਨ ਕਾ ਬਧਾ ਮਨੁ ਰਹੈ ਗੁਰ ਬਿਨੁ ਗਿਆਨੁ ਨ ਹੋਇ ॥੫॥

Tương tự như vậy, tâm trí được tránh xa những tệ nạn bởi kiến thức thiêng liêng, nhưng kiến thức thiêng liêng không thể có được nếu không có những lời dạy của Guru.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਪੜਿਆ ਹੋਵੈ ਗੁਨਹਗਾਰੁ ਤਾ ਓਮੀ ਸਾਧੁ ਨ ਮਾਰੀਐ ॥

Nếu một người có học thức là một tội nhân, anh ta sẽ bị trừng phạt, nhưng một người đạo đức, mặc dù mù chữ, không thể bị trừng phạt.

ਜੇਹਾ ਘਾਲੇ ਘਾਲਣਾ ਤੇਵੇਹੇ ਨਾਉ ਪਚਾਰੀਐ ॥

Như những việc làm đã làm, danh tiếng mà người ta có được cũng vậy.

ਐਸੀ ਕਲਾ ਨ ਖੇਡੀਐ ਜਿਤੁ ਦਰਗਹ ਗਇਆ ਹਾਰੀਐ ॥

Vì vậy, đừng chơi một trò chơi như vậy, điều này sẽ khiến bạn mất trò chơi sinh con người trong tòa án của Chúa.

ਪੜਿਆ ਅਤੇ ਓਮੀਆ ਵੀਚਾਰੁ ਅਗੈ ਵੀਚਾਰੀਐ ॥

Lời tường thuật của những người có học thức và mù chữ sẽ được phán xét trước tòa án của Đức Chúa Trời.

ਮੁਹਿ ਚਲੈ ਸੁ ਅਗੈ ਮਾਰੀਐ ॥੧੨॥

Người thay vì tuân theo lời dạy của Guru, ngoan cố làm theo tâm trí của chính mình sẽ bị trừng phạt trước tòa án của Đức Chúa Trời.

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, bởi Guru đầu tiên:

ਨਾਨਕ ਮੇਰੁ ਸਰੀਰ ਕਾ ਇਕੁ ਰਬੁ ਇਕੁ ਰਥਵਾਹੁ ॥

O 'Nanak, cơ thể con người, là tối cao trong số tất cả các loài, có một cỗ xe (giá trị đạo đức) và một người đánh xe (nguyên tắc hướng dẫn).

ਜੁਗੁ ਜੁਗੁ ਫੇਰਿ ਵਟਾਈਅਹਿ ਗਿਆਨੀ ਬੁਝਹਿ ਤਾਹਿ ॥

Trong mỗi thời đại, những giá trị và nguyên tắc hướng dẫn này liên tục thay đổi; chỉ những người khôn ngoan mới hiểu điều này.

ਸਤਜੁਗਿ ਰਬੁ ਸੰਤੋਖ ਕਾ ਧਰਮੁ ਅਗੈ ਰਥਵਾਹੁ ॥

Trong bình Sat, mãn nguyện là cỗ xe (giá trị đạo đức) và công bình là người đánh xe (nguyên tắc hướng dẫn).

ਤ੍ਰੇਤੈ ਰਬੁ ਜਤੈ ਕਾ ਜੋਰੁ ਅਗੈ ਰਥਵਾਹੁ ॥

Trong Thời đại Treta, độc thân là cỗ xe và sẽ cung cấp năng lượng cho người đánh xe.

ਦੁਆਪੁਰਿ ਰਬੁ ਤਪੈ ਕਾ ਸਤੁ ਅਗੈ ਰਥਵਾਹੁ ॥

Trong Thời đại Duapar, sám hối là cỗ xe và tính cách đạo đức cao là người đánh xe.

ਕਲਜੁਗਿ ਰਬੁ ਅਗਨਿ ਕਾ ਕੂੜੁ ਅਗੈ ਰਥਵਾਹੁ ॥੧॥

Trong Thời đại Kaljug này, ngọn lửa của những ham muốn cho sự giàu có và quyền lực trần tục là cỗ xe và sự giả dối của người đánh xe.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਸਾਮ ਕਹੈ ਸੇਤੰਬਰੁ ਸੁਆਮੀ ਸਚ ਮਹਿ ਆਛੈ ਸਾਚਿ ਰਹੇ ॥ ਸਭੁ ਕੇ ਸਚਿ ਸਮਾਵੈ ॥

Saam Veda nói rằng (trong Sat Jug) Chủ nhân của Thế giới (Chúa) được gọi là Saytambar. Trong Thời đại đó, mọi người đều mong muốn lẽ thật, tuân theo lẽ thật và sống ngay chính.

ਰਿਗੁ ਕਹੈ ਰਹਿਆ ਭਰਪੂਰਿ ॥ ਰਾਮ ਨਾਮੁ ਦੇਵਾ ਮਹਿ ਸੂਰੁ ॥

Rig Veda nói rằng (trong bình Trete), Chúa đang lan tỏa khắp nơi và trong số các vị thần, tên của Chúa Rama là cao quý nhất, tỏa sáng như mặt trời.

ਨਾਇ ਲਇਐ ਪਰਾਛਤ ਜਾਹਿ ॥ ਨਾਨਕ ਤਉ ਮੇਖੰਤਰੁ ਪਾਹਿ ॥

O 'Nanak, (theo Rig veda), tất cả tội lỗi được tiêu diệt bằng cách tụng kinh Danh Chúa Rama, sau đó phàm nhân đạt được sự cứu rỗi.

ਜੁਜ ਮਹਿ ਜੋਰਿ ਛਲੀ ਚੰਦ੍ਰਾਵਲਿ ਕਾਨ੍ਹੁ ਕ੍ਰਿਸਨੁ ਜਾਦਮੁ ਭਇਆ ॥

Yajur Veda nói rằng (trong Dwapar Jug), chủ nhân của thế giới được biết đến với cái tên Lord Krishna của bộ tộc Yadava, người đã lừa dối công chúa Chandravali bằng sức mạnh thần thánh của mình,

ਪਾਰਜਾਤੁ ਗੋਪੀ ਲੈ ਆਇਆ ਬਿੰਦ੍ਰਾਬਨ ਮਹਿ ਰੰਗੁ ਕੀਆ ॥

ông đã mang cây thực hiện điều ước thần thoại tên là Parjaat cho Gopi (tín đồ nữ) của mình và say sưa ở Vrindavan.

ਕਲਿ ਮਹਿ ਬੇਦੁ ਅਥਰਬਣੁ ਹੂਆ ਨਾਉ ਖੁਦਾਈ ਅਲਹੁ ਭਇਆ ॥

Trong Thời đại của Kali Yuga, Atharva Veda trở nên nổi bật; Allah trở thành Danh của Chúa.

ਨੀਲ ਬਸਤ੍ਰੁ ਲੇ ਕਪੜੇ ਪਹਿਰੇ ਤੁਰਕ ਪਠਾਣੀ ਅਮਲੁ ਕੀਆ ॥

Người Thổ Nhĩ Kỳ và Pathans nắm quyền và họ bắt đầu mặc quần áo màu xanh lam.

ਚਾਰੇ ਵੇਦ ਹੋਏ ਸਚਿਆਰ ॥

Bằng cách này, tất cả bốn kinh Veda đều tuyên bố sự thật của riêng họ phù hợp với thời gian tương ứng của họ.

ਪੜਹਿ ਗੁਣਹਿ ਤਿਨ੍ਹੁ ਚਾਰ ਵੀਚਾਰ ॥

Bằng cách đọc và suy ngẫm về những kinh Veda này, mọi người phát triển những suy nghĩ tốt trong tâm trí của họ.

ਭਾਉ ਭਗਤਿ ਕਰਿ ਨੀਚੁ ਸਦਾਏ ॥ ਤਉ ਨਾਨਕ ਮੇਖੰਤਰੁ ਪਾਏ ॥੨॥

Nhưng, O Nanak, chỉ ai tôn thờ Thiên Chúa yêu thương và vãn khiêm nhường, mới đạt được sự giải phóng.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਸਤਿਗੁਰ ਵਿਟਹੁ ਵਾਰਿਆ ਜਿਤੁ ਮਿਲਿਐ ਖਸਮੁ ਸਮਾਲਿਆ ॥

Tôi dâng hiến cuộc đời mình cho Chân Sư; gặp gỡ ai, tôi đã đến để trân quý Thượng Đế.

ਜਿਨਿ ਕਰਿ ਉਪਦੇਸੁ ਗਿਆਨ ਅੰਜਨੁ ਦੀਆ ਇਨ੍ਹਰੀ ਨੇਤ੍ਰੀ ਜਗਤੁ ਨਿਹਾਲਿਆ ॥

Đạo sư chân chính, người đã soi sáng tâm trí tôi bằng những lời dạy của ông như thể ông ấy đã bôi thuốc mỡ tri thức thiêng liêng vào mắt tôi, nhờ đó tôi nhìn thấy sự thật về thế giới.

ਖਸਮੁ ਛੇਡਿ ਦੂਜੈ ਲਗੇ ਡੁਬੇ ਸੇ ਵਣਜਾਰਿਆ ॥

Những người từ bỏ Chủ nhân thực sự của họ và gắn bó với người khác, bị chết đuối trong đại dương tệ nạn trần tục.

ਸਤਿਗੁਰੁ ਹੈ ਬੇਹਿਥਾ ਵਿਰਲੈ ਕਿਨੈ ਵੀਚਾਰਿਆ ॥

Chỉ một số ít nhận ra rằng Đạo sư đích thực giống như một con tàu (để đưa chúng ta băng qua đại dương của những tệ nạn trần tục)

ਕਰਿ ਕਿਰਪਾ ਪਾਰਿ ਉਤਾਰਿਆ ॥੧੩॥

Khi ban ân sủng của Ngài, Ngài đã giúp tôi vượt qua đại dương trần tục của những tệ nạn.

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਸਿੰਮਲ ਰੁਖੁ ਸਰਾਇਰਾ ਅਤਿ ਦੀਰਘ ਅਤਿ ਮੁਚੁ ॥

Cây mô phỏng thẳng như một mũi tên, nó rất cao và rất rộng.

ਓਇ ਜਿ ਆਵਹਿ ਆਸ ਕਰਿ ਜਾਹਿ ਨਿਰਾਸੇ ਕਿਤੁ ॥

Nhưng những con chim đến và ngồi trên đó với hy vọng được ăn trái của nó, tại sao chúng lại thất vọng?

ਫਲ ਫਿਕੇ ਫੁਲ ਬਕਬਕੇ ਕੰਮਿ ਨ ਆਵਹਿ ਪਤ ॥

Bởi vì trái cây của nó là vô vị, hoa buồn nôn, và lá là vô dụng.

ਮਿਠਤੁ ਨੀਵੀ ਨਾਨਕਾ ਗੁਣ ਚੰਗਿਆਈਆ ਤਤੁ ॥

(Tương tự như vậy, nếu không có sự ngọt ngào và khiêm tốn, tất cả sự thể hiện sự vĩ đại đều vô ích).

O 'Nanak, phẩm chất của sự ngọt ngào với sự khiêm tốn là bản chất của tất cả các đức tính.

ਸਭੁ ਕੇ ਨਿਵੈ ਆਪ ਕਉ ਪਰ ਕਉ ਨਿਵੈ ਨ ਕੋਇ ॥

Mọi người cúi xuống vì lợi ích của chính mình, và không phải vì lợi ích của người khác.

ਧਰਿ ਤਾਰਾਜੂ ਤੇਲੀਐ ਨਿਵੈ ਸੁ ਗਉਰਾ ਹੋਇ ॥

chúng ta nên lưu ý rằng khi một cái gì đó được đặt trên cân, mặt thấp hơn được coi là nặng hơn (tương tự, người thể hiện sự khiêm tốn được coi là một người tốt hơn)

ਅਪਰਾਧੀ ਦੂਣਾ ਨਿਵੈ ਜੇ ਹੰਤਾ ਮਿਰਗਾਹਿ ॥

Một tội nhân, giống như thợ săn hươu, cúi xuống gấp đôi vì mục đích ích kỷ của mình.

ਸੀਸਿ ਨਿਵਾਇਐ ਕਿਆ ਥੀਐ ਜਾ ਰਿਦੈ ਕੁਸੁਧੇ ਜਾਹਿ ॥੧॥

Nhưng những gì có thể đạt được bằng cách thể hiện sự khiêm nhường bằng cách cúi đầu xuống nếu trái tim vẫn chứa đầy sự giả dối và lừa dối.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਪੜਿ ਪੁਸਤਕ ਸੰਧਿਆ ਬਾਦੰ ॥

Một pandit đọc sách thánh và cầu nguyện hàng ngày, và sau đó tham gia vào cuộc tranh luận.

ਸਿਲ ਪੂਜਸਿ ਬਗੁਲ ਸਮਾਧੰ ॥

Anh ta tôn thờ đá và sau đó ngồi như một con cò, giả vờ ở trong Samadhi.

ਮੁਖਿ ਝੂਠ ਬਿਭੂਖਣ ਸਾਰੰ ॥

Anh ta thốt ra sự giả dối, và tô điểm cho những lời nói dối của mình như những đồ trang trí đẹp đẽ,

ਤ੍ਰੈਪਾਲ ਤਿਹਾਲ ਬਿਚਾਰੰ ॥

Ông đọc ba dòng thần chú Gayatri ba lần một ngày.

ਗਲਿ ਮਾਲਾ ਤਿਲਕੁ ਲਿਲਾਟੰ ॥

Xung quanh cổ anh ta là một chuỗi tràng hạt, và trên trán anh ta là dấu hiệu thiêng liêng;

ਦੁਇ ਧੋਤੀ ਬਸਤ੍ਰ ਕਪਾਟੰ ॥

Anh ta luôn giữ hai chiếc khố và đội một chiếc khăn xếp trên đầu trong khi cầu nguyện.

ਜੇ ਜਾਣਸਿ ਬ੍ਰਹਮੰ ਕਰਮੰ ॥

Nhưng nếu anh ta biết những việc làm thiêng liêng (lời ca ngợi của Đức Chúa Trời),

ਸਭਿ ਫੇਕਟ ਨਿਸਚਉ ਕਰਮੰ ॥

sau đó anh ta chắc chắn sẽ nhận ra rằng tất cả những niềm tin và nghi lễ này là vô ích.

ਕਹੁ ਨਾਨਕ ਨਿਹਚਉ ਧਿਆਵੈ ॥

O Nanak, hãy suy gẫm về Chúa với đức tin trọn vẹn.

ਵਿਣੁ ਸਤਿਗੁਰ ਵਾਟ ਨ ਪਾਵੈ ॥੨॥

Không có những lời dạy của Đạo sư chân chính, không ai tìm thấy con đường đúng đắn.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਕਪੜੁ ਰੂਪੁ ਸੁਹਾਵਣਾ ਛਡਿ ਦੁਨੀਆ ਅੰਦਰਿ ਜਾਵਣਾ ॥

Một người sẽ rời khỏi thế giới để lại cơ thể xinh đẹp ở đây.

ਮੰਦਾ ਚੰਗਾ ਆਪਣਾ ਆਪੇ ਹੀ ਕੀਤਾ ਪਾਵਣਾ ॥

Anh ta sẽ chịu hậu quả của những việc làm tốt và xấu của mình.

ਹੁਕਮ ਕੀਏ ਮਨਿ ਭਾਵਦੇ ਰਾਹਿ ਭੀੜੈ ਅਗੈ ਜਾਵਣਾ ॥

Người, người đã sống cuộc sống theo ý thích bất chợt của mình (ban hành mệnh lệnh theo ý thích bất chợt của anh ta mà không quan tâm đến việc anh ta đã gây ra bao nhiêu đau khổ cho người khác), sẽ phải chịu những tra tấn như vậy, như thể bị ép qua một con đường hẹp sau này.

ਨੰਗਾ ਦੇਜਕਿ ਚਾਲਿਆ ਤਾ ਦਿਸੈ ਖਰਾ ਡਰਾਵਣਾ ॥

Khi những hành động tội lỗi của anh ta bị phơi bày, anh ta trông rất gớm ghiếc trong khi đau khổ.

ਕਰਿ ਅਉਗਣ ਪਛੇਤਾਵਣਾ ॥੧੪॥

Sau đó, anh ta hối hận về những tội lỗi mà anh ta đã gây ra.

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਦਇਆ ਕਪਾਹ ਸੰਤੋਖੁ ਸੂਤੁ ਜਤੁ ਗੰਢੀ ਸਤੁ ਵਟੁ ॥

O 'Pundit, một sợi chỉ được tạo ra từ lòng trắc ẩn, mẫn nguyện, độc thân và tính cách đạo đức cao thay vì bông,

ਏਹੁ ਜਨੇਊ ਜੀਅ ਕਾ ਹਈ ਤ ਪਾਡੇ ਘਤੁ ॥

là sợi chỉ thiêng liêng của linh hồn; nếu bạn có nó, thì hãy tiếp tục và đặt nó trên tôi.

ਨਾ ਏਹੁ ਤੁਟੈ ਨ ਮਲੁ ਲਗੈ ਨਾ ਏਹੁ ਜਲੈ ਨ ਜਾਇ ॥

Nó không vỡ, nó không thể bị bẩn bởi sự bẩn thỉu, nó không thể bị đốt cháy, hoặc mất đi.

ਧੰਨੁ ਸੁ ਮਾਣਸ ਨਾਨਕਾ ਜੇ ਗਲਿ ਚਲੇ ਪਾਇ ॥

O Nanak, Phúc cho những người phạm trần, những người có một sợi chỉ như vậy quanh cổ họ.

ਚਉਕੜਿ ਮੁਲਿ ਅਣਾਇਆ ਬਹਿ ਚਉਕੈ ਪਾਇਆ ॥

Bạn mua sợi chỉ này với giá bốn đồng xu, ngồi trong bếp của chủ nhà, bạn đặt nó quanh cổ anh ta.

ਸਿਖਾ ਕੰਨਿ ਚੜਾਈਆ ਗੁਰੁ ਬ੍ਰਾਹਮਣੁ ਥਿਆ ॥

Sau đó, bạn thì thào vào tai anh ấy rằng từ bây giờ Brahman là đạo sư của bạn.

ਓਹੁ ਮੁਆ ਓਹੁ ਝੜਿ ਪਇਆ ਵੇਤਗਾ ਗਇਆ ॥੧॥

Nhưng khi anh ta chết, sợi chỉ thiêng liêng rơi đi, và linh hồn khởi hành mà không có nó.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਲਖ ਚੇਰੀਆ ਲਖ ਜਾਰੀਆ ਲਖ ਕੂੜੀਆ ਲਖ ਗਾਲਿ ॥

Một con người thực hiện hàng ngàn vụ cướp, hàng ngàn hành vi ngoại tình, hàng ngàn sự giả dối và hàng ngàn lời nói lạm dụng.

ਲਖ ਠਗੀਆ ਪਹਿਨਾਮੀਆ ਰਾਤਿ ਦਿਨਸੁ ਜੀਅ ਨਾਲਿ ॥

Anh ta thực hành hàng ngàn sự lừa dối và hành động bí mật, đêm và ngày, chống lại đồng loại của mình.

ਤਗੁ ਕਪਾਹਰੁ ਕਤੀਐ ਬਾਮ੍ਹਰਣੁ ਵਟੇ ਆਇ ॥

Sợi chỉ thiêng được kéo từ bông, và Bà la môn đến và xoắn nó.

ਕੁਹਿ ਬਕਰਾ ਰਿੰਨ੍ਹਿਹ ਖਾਇਆ ਸਭੁ ਕੇ ਆਖੈ ਪਾਇ ॥

Con dê bị giết, nấu chín và ăn bởi tất cả mọi người, và sau đó mọi người nói, sợi chỉ thiêng liêng đã được đeo.

ਹੋਇ ਪੁਰਾਣਾ ਸੁਟੀਐ ਭੀ ਫਿਰਿ ਪਾਈਐ ਹੋਰੁ ॥

Khi sợi chỉ thiêng bị mòn, nó bị vứt đi, và một sợi khác được đưa vào.

ਨਾਨਕ ਤਗੁ ਨ ਤੁਟਈ ਜੇ ਤਗਿ ਹੋਵੈ ਜੋਰੁ ॥੨॥

Hỡi Nanak, sợi chỉ sẽ không đứt nếu nó có sức mạnh của lòng trắc ẩn, sự mãn nguyện và tính cách đạo đức cao.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਨਾਇ ਮੰਨਿਐ ਪਤਿ ਊਪਜੈ ਸਾਲਾਹੀ ਸਚੁ ਸੂਤੁ ॥

Chúng ta được tôn vinh trong triều đình của Đức Chúa Trời chỉ khi chúng ta đặt Danh Ngài trong lòng, bởi vì ca ngợi Đức Chúa Trời là sợi chỉ thiêng liêng thực sự.

ਦਰਗਹ ਅੰਦਰਿ ਪਾਈਐ ਤਗੁ ਨ ਤੁਟਸਿ ਪੂਤੁ ॥੩॥

Bằng cách đeo một sợi chỉ thiêng liêng như vậy, danh dự có được trong tòa án của Chúa. Chủ đề thiêng liêng này không bao giờ bị phá vỡ.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, bởi Guru đầu tiên:

ਤਗੁ ਨ ਇੰਦ੍ਰੀ ਤਗੁ ਨ ਨਾਰੀ ॥

Pandit không đeo sợi chỉ để kiềm chế các giác quan và cơ thể của mình khỏi tội nạn.

ਭਲਕੇ ਥੁਕ ਪਵੈ ਨਿਤ ਦਾੜੀ ॥

Mỗi ngày anh ta đang phạm tội, và do đó bị sỉ nhục.

ਤਗੁ ਨ ਪੈਰੀ ਤਗੁ ਨ ਹਥੀ ॥

Anh ta không đeo sợi chỉ thiêng liêng trên đôi chân của mình để ngăn anh ta đi đến những nơi xấu xa, và không có sợi chỉ trên tay để ngăn anh ta thực hiện bất kỳ hành động xấu xa nào.

ਤਗੁ ਨ ਜਿਹਵਾ ਤਗੁ ਨ ਅਖੀ ॥

Anh ta không có sợi chỉ cho lưỡi để ngăn chặn sự vu khống, và không có sợi chỉ để mắt anh ta ngừng nhìn với ý định xấu xa.

ਵੇਤਗਾ ਆਪੇ ਵਤੈ ॥ ਵਟਿ ਧਾਰੇ ਅਵਰਾ ਘਤੈ ॥

Mặc dù bản thân anh ta đang lang thang xung quanh mà không có bất kỳ sự kiềm chế đạo đức nào, anh ta tạo ra và đặt chủ đề lên người khác.

ਲੈ ਭਾੜਿ ਕਰੇ ਵੀਆਹੁ ॥

Anh ta trả tiền cho việc thực hiện các cuộc hôn nhân;

ਕਢਿ ਕਾਗਲੁ ਦਸੇ ਰਾਹੁ ॥

đọc lá số tử vi của họ, anh ấy chỉ cho họ con đường.

ਸੁਣਿ ਵੇਖਹੁ ਲੋਕਾ ਏਹੁ ਵਿਡਾਣੁ ॥

Hỡi mọi người, hãy nhìn và lắng nghe vở kịch đáng kinh ngạc này,

ਮਨਿ ਅੰਧਾ ਨਾਉ ਸੁਜਾਣੁ ॥੪॥

Bản thân người đàn ông đó không biết gì, nhưng anh ta tự gọi mình là người khôn ngoan.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਸਾਹਿਬੁ ਹੋਇ ਦਇਆਲੁ ਕਿਰਪਾ ਕਰੇ ਤਾ ਸਾਈ ਕਾਰ ਕਰਾਇਸੀ ॥

Khi Chơn sự trở nên nhân từ và ban lòng thương xót cho ai đó, Ngài bắt anh ta làm điều đó làm hài lòng Ngài.

ਸੇ ਸੇਵਕੁ ਸੇਵਾ ਕਰੇ ਜਿਸ ਨੇ ਹੁਕਮੁ ਮਨਾਇਸੀ ॥

Người hầu đó, người mà Đức Chúa Trời khiến để tuân theo mệnh lệnh của Ngài, thực sự phục vụ Ngài.

ਹੁਕਮਿ ਮੰਨਿਐ ਹੋਵੈ ਪਰਵਾਣੁ ਤਾ ਖਸਮੈ ਕਾ ਮਹਲੁ ਪਾਇਸੀ ॥

Sau khi vâng phục mệnh lệnh của Ngài, Ngài trở nên được chấp nhận trong triều đình của Đức Chúa Trời, và sau đó, Ngài kết hợp với Ngài.

ਖਸਮੈ ਭਾਵੈ ਸੇ ਕਰੇ ਮਨਹੁ ਚਿੰਦਿਆ ਸੇ ਫਲੁ ਪਾਇਸੀ ॥

Khi một người làm những gì làm hài lòng Chủ nhân của mình, thu được thành quả của những ham muốn của tâm trí anh ta.

ਤਾ ਦਰਗਹ ਪੈਧਾ ਜਾਇਸੀ ॥੧੫॥

Sau đó, ông đi đến Tòa án của Chúa trong danh dự.

ਸਲੋਕ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਗੁਰੂ ਬਿਰਾਹਮਣ ਕਉ ਕਰੁ ਲਾਵਹੁ ਗੋਬਰਿ ਤਰਣੁ ਨ ਜਾਈ ॥

Hỡi Pandit, một mặt ông áp thuế đối với những con bò và những người Bà la môn và mặt khác, ông áp dụng phân bò lên sàn bếp để thanh lọc. Hãy nhớ rằng điều này sẽ không giúp bạn vượt qua đại dương tẻ nạn thế giới.

ਧੋਤੀ ਟਿਕਾ ਤੈ ਜਪਮਾਲੀ ਧਾਨੁ ਮਲੇਛਾਂ ਖਾਈ ॥

Bạn đeo khố, dán một dấu phía trước và mang chuỗi tràng hạt, nhưng bạn ăn ngũ cốc do Malech (những người bị ô nhiễm) cung cấp.

ਅੰਤਰਿ ਪੂਜਾ ਪੜਹਿ ਕਤੇਬਾ ਸੰਜਮੁ ਤੁਰਕਾ ਭਾਈ ॥

Thưa anh em, trong nhà của bạn, bạn thực hiện việc thờ phượng sùng đạo, nhưng bên ngoài bạn đọc sách Semitic, và quan sát những điều thất lạc buộc bụng của người Hồi giáo.

ਛੇਡੀਲੇ ਪਾਖੰਡਾ ॥

Từ bỏ sự đạo đức giả của bạn,

ਨਾਮਿ ਲਇਐ ਜਾਹਿ ਤਰੰਦਾ ॥੧॥

Bởi vì chỉ bằng cách nhớ đến Danh Đức Chúa Trời, bạn sẽ bơi qua đại dương tẻ nạn trần tục.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਮਾਣਸ ਖਾਣੇ ਕਰਹਿ ਨਿਵਾਜ ॥

Những người cai trị tham nhũng, nói những lời cầu nguyện hàng ngày của họ, nhưng đàn áp thần dân của họ.

ਛੁਰੀ ਵਗਾਇਨਿ ਤਿਨ ਗਲਿ ਤਾਰਾ ॥

Mang sợi chỉ thiêng quanh cổ, họ tra tấn người nghèo.

ਤਿਨ ਘਰਿ ਬ੍ਰਹਮਣ ਪੂਰਹਿ ਨਾਦ ॥

Trong nhà của họ, các Bà la môn phát ra âm thanh shankh (ốc xà cừ) để được thưởng.

ਉਨ੍ਹਰਾ ਭਿ ਆਵਹਿ ਓਈ ਸਾਦ ॥

Các Bà la môn cũng thích hương vị của sự giàu có bất chính.

ਕੂੜੀ ਰਾਸਿ ਕੂੜਾ ਵਾਪਾਰੁ ॥

Vốn của họ là giả, và sự buôn bán của họ là giả.

ਕੂੜੁ ਬੋਲਿ ਕਰਹਿ ਆਹਾਰੁ ॥

Họ kiếm sống bằng cách nói dối.

ਸਰਮ ਧਰਮ ਕਾ ਡੇਰਾ ਦੂਰਿ ॥

Họ không có cảm giác xấu hổ và họ không thực hiện bất kỳ việc làm công chính nào.

ਨਾਨਕ ਕੂੜੁ ਰਹਿਆ ਭਰਪੂਰਿ ॥

O 'Nanak, sự giả dối đang thịnh hành khắp nơi.

ਮਥੈ ਟਿਕਾ ਤੇੜਿ ਧੋਤੀ ਕਖਾਈ ॥

Với những dấu hiệu thiêng liêng trên trán của họ, và miếng vải thắt lưng màu nghệ tây quanh eo của họ (tuyên xưng sự thánh thiện từ bên ngoài).

ਹਥਿ ਛੁਰੀ ਜਗਤ ਕਾਸਾਈ ॥

Nhưng trong cuộc sống thực, họ là những quan chức tham nhũng nhất sẵn sàng tra tấn toàn thế giới, như thể họ là những kẻ đồ tể của thế giới với dao trong tay.

ਨੀਲ ਵਸਤ੍ਰੁ ਪਹਿਰਿ ਹੋਵਹਿ ਪਰਵਾਣੁ ॥

Mặc áo choàng màu xanh, họ tìm kiếm sự chấp thuận của những người cai trị Hồi giáo của họ.

ਮਲੇਛ ਧਾਨੁ ਲੇ ਪੁਜਹਿ ਪੁਰਾਣੁ ॥

Họ chấp nhận tiền từ những người cai trị Hồi giáo, nhưng vẫn tôn thờ người Puranas.

ਅਭਾਖਿਆ ਕਾ ਕੁਠਾ ਬਕਰਾ ਖਾਣਾ ॥

Họ ăn thịt dê, bị giết (không thương tiếc) sau khi những lời cầu nguyện của người Hồi giáo được đọc trên chúng.

ਚਉਕੇ ਉਪਰਿ ਕਿਸੈ ਨ ਜਾਣਾ ॥

Tuy nhiên, họ không cho phép bất cứ ai khác vào khu vực nhà bếp của họ.

ਦੇ ਕੈ ਚਉਕਾ ਕਢੀ ਕਾਰ ॥

Sau khi làm sạch sàn bếp bằng phân bò, họ vẽ đường ranh giới.

ਉਪਰਿ ਆਇ ਬੈਠੇ ਕੂੜਿਆਰ ॥

Các học giả đến và ngồi trên sàn nhà bếp.

ਮਤੁ ਭਿਟੈ ਵੇ ਮਤੁ ਭਿਟੈ ॥ ਇਹੁ ਅੰਨੁ ਅਸਾਡਾ ਫਿਟੈ ॥

Họ nói với những người khác, đừng đến gần nhà bếp của chúng tôi, kéo nhà bếp và thức ăn của chúng tôi sẽ bị ô nhiễm.

ਤਨਿ ਫਿਟੈ ਫੇੜ ਕਰੇਨਿ ॥

Nhưng với cơ thể ô nhiễm của họ, họ đã phạm những hành động xấu xa.

ਮਨਿ ਜੂਠੈ ਚੁਲੀ ਭਰੇਨਿ ॥

Tâm trí của họ bẩn thỉu với tệ nạn, nhưng họ cố gắng làm sạch miệng bằng cách súc miệng.

ਕਹੁ ਨਾਨਕ ਸਚੁ ਧਿਆਈਐ ॥

Nanak nói, suy gẫm về Chúa với tình yêu và sự tận tâm.

ਸੁਚਿ ਹੋਵੈ ਤਾ ਸਚੁ ਪਾਈਐ ॥੨॥

Thiên Chúa được nhận ra, chỉ khi tâm trí của chúng ta trong sạch (thoát khỏi tệ nạn và suy nghĩ xấu xa).

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਚਿਤੈ ਅੰਦਰਿ ਸਭੁ ਕੇ ਵੇਖਿ ਨਦਰੀ ਹੇਠਿ ਚਲਾਇਦਾ ॥

Đức Chúa Trời giữ mọi người trong tâm trí Ngài và làm cho tất cả mọi người hành động theo ân điển của Ngài.

ਆਪੇ ਦੇ ਵਡਿਆਈਆ ਆਪੇ ਹੀ ਕਰਮ ਕਰਾਇਦਾ ॥

Chính Ngài ban cho danh dự, và chính Ngài khiến họ hành động.

ਵਡਹੁ ਵਡਾ ਵਡ ਮੇਦਨੀ ਸਿਰੇ ਸਿਰਿ ਧੰਧੈ ਲਾਇਦਾ ॥

Ngài là người vĩ đại nhất trong những người vĩ đại; thế giới của Ngài là vĩ đại. Anh ta yêu cầu tất cả các nhiệm vụ của họ.

ਨਦਰਿ ਉਪਠੀ ਜੇ ਕਰੇ ਸੁਲਤਾਨਾ ਘਾਹੁ ਕਰਾਇਦਾ ॥

Nếu Ngài rút lại ân điển của Ngài, thì Ngài có thể làm cho ngay cả các vị vua không một xu dính túi như những người cật cở.

ਦਰਿ ਮੰਗਨਿ ਭਿਖ ਨ ਪਾਇਦਾ ॥੧੬॥

Ngay cả khi họ đi ăn xin từ nhà này sang nhà khác, không ai sẽ cho họ từ thiện.

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਜੇ ਮੋਹਾਕਾ ਘਰੁ ਮੁਹੈ ਘਰੁ ਮੁਹਿ ਪਿਤਰੀ ਦੇਇ ॥

Nếu một tên trộm cướp một ngôi nhà, và đưa hàng hóa bị đánh cắp cho một Bà-la-môn, tin rằng anh ta sẽ giao cho tổ tiên đã chết của mình.

ਅਗੈ ਵਸਤੁ ਸਿਵਾਣੀਐ ਪਿਤਰੀ ਚੇਰ ਕਰੇਇ ॥

Trên thế giới sau này, những hàng hóa bị đánh cắp này được công nhận, và tổ tiên của anh ta cũng bị coi là kẻ trộm.

ਵਢੀਅਹਿ ਹਥ ਦਲਾਲ ਕੇ ਮੁਸਫੀ ਏਹੁ ਕਰੇਇ ॥

Bàn tay của người đi giữa (Bà-la-môn) bị cắt đứt; đây là công lý của thẩm phán công chính.

ਨਾਨਕ ਅਗੈ ਸੇ ਮਿਲੈ ਜਿ ਖਟੇ ਘਾਲੇ ਦੇਇ ॥੧॥

Hỡi Nanak, trong thế giới sau này, chỉ có một mình người ta nhận được, mà người ta ban cho người nghèo từ thu nhập của chính mình.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਜਿਉ ਜੇਰੂ ਸਿਰਨਾਵਣੀ ਆਵੈ ਵਾਰੇ ਵਾਰ ॥

Cũng giống như tháng này qua tháng khác, khi một người phụ nữ đang trải qua thời kỳ của mình.

ਜੂਠੇ ਜੂਠਾ ਮੁਖਿ ਵਸੈ ਨਿਤ ਨਿਤ ਹੋਇ ਖੁਆਰੁ ॥

Tương tự như vậy, sự giả dối luôn luôn chiếm ưu thế trong miệng của những người giả dối, và họ tiếp tục đau khổ trong đau khổ mỗi ngày.

ਸੂਚੇ ਏਹਿ ਨ ਆਖੀਅਹਿ ਬਹਨਿ ਜਿ ਪਿੰਡਾ ਧੋਇ ॥

Họ không được gọi là tinh khiết, những người ngồi xuống sau khi chỉ rửa thân thể của họ.

ਸੂਚੇ ਸੇਈ ਨਾਨਕਾ ਜਿਨ ਮਨਿ ਵਸਿਆ ਸੋਇ ॥੨॥

Hỡi Nanak, chỉ có họ là tinh khiết, trong tâm trí của họ Đức Chúa Trời ngự trong tâm trí.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਤੁਰੇ ਪਲਾਣੇ ਪਉਣ ਵੇਗ ਹਰ ਰੰਗੀ ਹਰਮ ਸਵਾਰਿਆ ॥

Với những con ngựa yên ngựa, nhanh như gió, và hậu cung được trang trí theo mọi cách;

ਕੋਠੇ ਮੰਡਪ ਮਾੜੀਆ ਲਾਇ ਬੈਠੇ ਕਰਿ ਪਾਸਾਰਿਆ ॥

trong những ngôi nhà và gian hàng và biệt thự cao cả, họ cư ngụ, trình diễn công phu.

ਚੀਜ ਕਰਨਿ ਮਨਿ ਭਾਵਦੇ ਹਰਿ ਬੁਝਨਿ ਨਾਹੀ ਹਾਰਿਆ ॥

Những người đam mê vui vẻ làm cho thỏa mãn trái tim của họ, nhưng không nghĩ đến Thiên Chúa, họ đánh mất mục tiêu của cuộc sống con người của họ.

ਕਰਿ ਫੁਰਮਾਇਸਿ ਖਾਇਆ ਵੇਖਿ ਮਹਲਤਿ ਮਰਣੁ ਵਿਸਾਰਿਆ ॥

Khẳng định quyền lực của họ, họ kiếm sống và nhìn thấy biệt thự của họ, họ quên đi cái chết.

ਜਰੁ ਆਈ ਜੋਬਨਿ ਹਾਰਿਆ ॥੧੭॥

Khi tuổi già đến, họ mất đi sức sống của tuổi trẻ.

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਜੇ ਕਰਿ ਸੂਤਕੁ ਮੰਨੀਐ ਸਭ ਤੈ ਸੂਤਕੁ ਹੋਇ ॥

Nếu người ta chấp nhận khái niệm tạp chất, thì có tạp chất ở khắp mọi nơi.

ਗੋਰੇ ਅਤੈ ਲਕੜੀ ਅੰਦਰਿ ਕੀੜਾ ਹੋਇ ॥

Trong phân bò và gổ có giun.

ਜੇਤੇ ਦਾਣੇ ਅੰਨ ਕੇ ਜੀਆ ਬਾਝੁ ਨ ਕੋਇ ॥

Như nhiều hạt thực phẩm, không có hạt nào là không có sự sống.

ਪਹਿਲਾ ਪਾਣੀ ਜੀਉ ਹੈ ਜਿਤੁ ਹਰਿਆ ਸਭੁ ਕੋਇ ॥

Đầu tiên, có sự sống trong nước, nhờ đó mọi thứ có được sự sống và trở nên xanh tươi.

ਸੂਤਕੁ ਕਿਉ ਕਰਿ ਰਖੀਐ ਸੂਤਕੁ ਪਵੈ ਰਸੋਇ ॥

Làm thế nào chúng ta có thể bảo vệ bản thân khỏi tạp chất, bởi vì tạp chất này luôn ở ngay trong nhà bếp của chúng ta?

ਨਾਨਕ ਸੂਤਕੁ ਏਵ ਨ ਉਤਰੈ ਗਿਆਨੁ ਉਤਾਰੇ ਧੋਇ ॥੧॥

O Nanak, ô uế không thể được loại bỏ bởi những niềm tin sai lầm này; nó chỉ bị rửa sạch bởi trí tuệ tâm linh.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਮਨ ਕਾ ਸੂਤਕੁ ਲੋਭੁ ਹੈ ਜਿਹਵਾ ਸੂਤਕੁ ਕੂੜੁ ॥

Sự ô uế của tâm trí là tham lam, và sự ô uế của lưỡi là sự giả dối.

ਅਖੀ ਸੂਤਕੁ ਵੇਖਣਾ ਪਰ ਤ੍ਰਿਅ ਪਰ ਧਨ ਰੂਪੁ ॥

Sự ô uế của đôi mắt là nhìn vào vẻ đẹp của vợ người đàn ông khác, và sự giàu có của anh ta với ý định xấu xa.

ਕੰਨੀ ਸੂਤਕੁ ਕੰਨਿ ਪੈ ਲਾਇਤਬਾਰੀ ਖਾਹਿ ॥

Sự ô uế của đôi tai là lắng nghe sự vu khống của người khác.

ਨਾਨਕ ਹੰਸਾ ਆਦਮੀ ਬਧੇ ਜਮ ਪੁਰਿ ਜਾਹਿ ॥੨॥

Ôi, Nanak, Chính vì những niềm tin về những tạp chất này mà ngay cả thiên nga như những người đẹp cũng bị trói buộc và đưa xuống địa ngục.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਸਭੇ ਸੂਤਕੁ ਭਰਮੁ ਹੈ ਦੂਜੈ ਲਗੈ ਜਾਇ ॥

Tất cả sự ô uế đều xuất phát từ nghi ngờ và gắn bó với tính hai mặt.

ਜੰਮਣੁ ਮਰਣਾ ਹੁਕਮੁ ਹੈ ਭਾਣੈ ਆਵੈ ਜਾਇ ॥

Sinh và chết phải tuân theo mệnh lệnh của Ngài; nhờ ý muốn của Đức Chúa Trời, chúng ta đi vào thế giới này và rời khỏi đây.

ਖਾਣਾ ਪੀਣਾ ਪਵਿਤ੍ਰੁ ਹੈ ਦਿਤੇਨੁ ਰਿਜਕੁ ਸੰਬਾਹਿ ॥

Ăn và uống là tinh khiết, vì Đức Chúa Trời ban sự nuôi dưỡng cho tất cả mọi người.

ਨਾਨਕ ਜਿਨ੍ਹਰੀ ਗੁਰਮੁਖਿ ਬੁਝਿਆ ਤਿਨ੍ਹਰਾ ਸੂਤਕੁ ਨਾਹਿ ॥੩॥

Này Nanak, những người thông qua giáo huấn của Guru đã hiểu khái niệm về niềm tin sai lầm này, đối với họ không có sự ô uế.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਸਤਿਗੁਰੁ ਵਡਾ ਕਰਿ ਸਾਲਾਹੀਐ ਜਿਸੁ ਵਿਚਿ ਵਡੀਆ ਵਡਿਆਈਆ ॥

Chúng ta nên ca ngợi Đạo sư Chân chính coi ông là vĩ đại nhất; bên trong Ngài là những đức tính vĩ đại nhất.

ਸਹਿ ਮੇਲੇ ਤਾ ਨਦਰੀ ਆਈਆ ॥

Khi Đức Chúa Trời khiến chúng ta gặp Guru, thì chúng ta đến để thấy những đức hạnh này.

ਜਾ ਤਿਸੁ ਭਾਣਾ ਤਾ ਮਨਿ ਵਸਾਈਆ ॥

Khi nó làm hài lòng Ngài, những đức tính này xuất hiện trong tâm trí chúng ta.

ਕਰਿ ਹੁਕਮੁ ਮਸਤਕਿ ਹਥੁ ਧਰਿ ਵਿਚਹੁ ਮਾਰਿ ਕਢੀਆ ਬੁਰਿਆਈਆ ॥

Trở nên nhàn từ, Đạo sư loại bỏ những tệ nạn khỏi tâm trí của chúng ta.

ਸਹਿ ਤੁਠੈ ਨਉ ਨਿਧਿ ਪਾਈਆ ॥੧੮॥

Khi Đức Chúa Trời hoàn toàn hài lòng, tất cả các kho báu của cuộc sống đều có được.

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਪਹਿਲਾ ਸੁਚਾ ਆਪਿ ਹੋਇ ਸੁਚੈ ਬੈਠਾ ਆਇ ॥

Đầu tiên, thanh tẩy chính mình, Brahman đến và ngồi trong vòng vây tinh khiết của mình.

ਸੁਚੇ ਅਗੈ ਰਖਿਓਨੁ ਕੋਇ ਨ ਭਿਟਿਓ ਜਾਇ ॥

Những bữa ăn tinh khiết, mà không ai khác đã chạm vào, được đặt trước mặt anh ta.

ਸੁਚਾ ਹੋਇ ਕੈ ਜੇਵਿਆ ਲਗਾ ਪੜਣਿ ਸਲੋਕੁ ॥

Được thanh tẩy, anh ta ăn thức ăn này, và bắt đầu đọc một số câu thánh.

ਕੁਹਥੀ ਜਾਈ ਸਟਿਆ ਕਿਸੁ ਏਹੁ ਲਗਾ ਦੇਖੁ ॥

Thực phẩm tinh khiết này bị ném vào một nơi bẩn thỉu (dạ dày của anh ta), vậy ai sẽ chịu trách nhiệm cho việc gây ô nhiễm một bữa ăn tinh khiết như vậy?

ਅੰਨੁ ਦੇਵਤਾ ਪਾਣੀ ਦੇਵਤਾ ਬੈਸੰਤਰੁ ਦੇਵਤਾ ਲੂਣੁ ਪੰਜਵਾ ਪਾਇਆ ਘਿਰਤੁ ॥ ਤਾ ਹੋਆ ਪਾਕੁ ਪਵਿਤੁ ॥

(Theo tín ngưỡng riêng của Bà-la-môn), ngũ cốc là thiêng liêng, nước là thiêng liêng; lửa và muối cũng là thiêng liêng;

khi thứ năm, ghee, được thêm vào, thì thức ăn trở nên tinh khiết và thánh hóa.

ਪਾਪੀ ਸਿਉ ਤਨੁ ਗਡਿਆ ਥੁਕਾ ਪਈਆ ਤਿਤੁ ॥

Khi thức ăn tinh khiết này tiếp xúc với cơ thể con người tội lỗi, thực phẩm tinh khiết và vô nhiễm trở nên không tinh khiết (chất thải của con người) đến nỗi nó bốc mùi.

ਜਿਤੁ ਮੁਖਿ ਨਾਮੁ ਨ ਉਚਰਹਿ ਬਿਨੁ ਨਾਵੈ ਰਸ ਖਾਹਿ ॥

Một người, ăn thức ăn ngon mà không suy ngẫm về Danh Đức Chúa Trời,

ਨਾਨਕ ਏਵੈ ਜਾਣੀਐ ਤਿਤੁ ਮੁਖਿ ਥੁਕਾ ਪਾਹਿ ॥੧॥

O Nanak, hãy biết điều này: rằng một người như vậy bị thất sủng.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਭੰਡਿ ਜੰਮੀਐ ਭੰਡਿ ਨਿੰਮੀਐ ਭੰਡਿ ਮੰਗਣੁ ਵੀਆਹੁ ॥

Một người đàn ông được thụ thai trong một người phụ nữ và được sinh ra từ một người phụ nữ; với một người phụ nữ, anh ta đính hôn và kết hôn.

ਭੰਡਹੁ ਹੋਵੈ ਦੇਸਤੀ ਭੰਡਹੁ ਚਲੈ ਰਾਹੁ ॥

Người phụ nữ trở thành bạn của anh ta; thông qua người phụ nữ, các thể hệ tương lai đến.

ਭੰਡੁ ਮੁਆ ਭੰਡੁ ਭਾਲੀਐ ਭੰਡਿ ਹੋਵੈ ਬੰਧਾਨੁ ॥

Khi người phụ nữ của anh ta chết, anh ta tìm kiếm một người phụ nữ khác; chính nhờ người phụ nữ mà chúng ta bị ràng buộc với thế giới.

ਸੇ ਕਿਉ ਮੰਦਾ ਆਖੀਐ ਜਿਤੁ ਜੰਮਹਿ ਰਾਜਾਨ ॥

Vậy tại sao lại gọi cô ấy là xấu? Các vị vua được sinh ra từ ai.

ਭੰਡਹੁ ਹੀ ਭੰਡੁ ਊਪਜੈ ਭੰਡੈ ਬਾਝੁ ਨ ਕੋਇ ॥

Từ người phụ nữ, người phụ nữ được sinh ra; không có phụ nữ, sẽ không có ai cả.

ਨਾਨਕ ਭੰਡੈ ਬਾਹਰਾ ਏਕੋ ਸਚਾ ਸੋਇ ॥

Hỡi Nanak, chỉ có Thiên Chúa đã ở đó mà không trải qua tử cung của một người phụ nữ.

ਜਿਤੁ ਮੁਖਿ ਸਦਾ ਸਾਲਾਹੀਐ ਭਾਗਾ ਰਤੀ ਚਾਰਿ ॥

Người nào ca ngợi Đức Chúa Trời liên tục thì được chúc phúc và đẹp đẽ.

ਨਾਨਕ ਤੇ ਮੁਖ ਊਜਲੇ ਤਿਤੁ ਸਚੈ ਦਰਬਾਰਿ ॥੨॥

Này Nanak, những khuôn mặt đó sẽ rạng rỡ trong danh dự trong Tòa án của Chúa.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਸਭੁ ਕੇ ਆਖੈ ਆਪਣਾ ਜਿਸੁ ਨਾਹੀ ਸੇ ਚੁਣਿ ਕਢੀਐ ॥

Mọi người đều có những chấp trước tình cảm trong thế giới này, hãy chọn ra người không có những chấp trước này.

ਕੀਤਾ ਆਪੇ ਆਪਣਾ ਆਪੇ ਹੀ ਲੇਖਾ ਸੰਢੀਐ ॥

(Cuối cùng), mọi người đều phải chịu hậu quả của việc làm của mình.

ਜਾ ਰਹਣਾ ਨਾਹੀ ਐਤੁ ਜਗਿ ਤਾ ਕਾਇਤੁ ਗਾਰਬਿ ਹੰਢੀਐ ॥

Vì một người không được định sẵn để ở lại thế giới này mãi mãi, tại sao người ta phải hủy hoại chính mình trong sự kiêu ngạo?

ਮੰਦਾ ਕਿਸੈ ਨ ਆਖੀਐ ਪੜਿ ਅਖਰੁ ਏਹੋ ਬੁਝੀਐ ॥ ਮੂਰਖੈ ਨਾਲਿ ਨ ਲੁਝੀਐ ॥੧੯॥

Độc và hiểu những lời khôn ngoan này mà chúng ta không nên gọi bất cứ ai là xấu, và không nên tranh luận với những kẻ ngu ngốc.

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਨਾਨਕ ਫਿਕੈ ਬੋਲਿਐ ਤਨੁ ਮਨੁ ਫਿਕਾ ਹੋਇ ॥

O 'Nanak, một người luôn nói thô lỗ, trở nên thô lỗ.

ਫਿਕੈ ਫਿਕਾ ਸਦੀਐ ਫਿਕੈ ਫਿਕੀ ਸੋਇ ॥

Anh ta được gọi là thô lỗ bởi tất cả và điều đó trở thành danh tiếng của anh ta.

ਫਿਕਾ ਦਰਗਹ ਸਟੀਐ ਮੁਹਿ ਬੁਕਾ ਫਿਕੇ ਪਾਇ ॥

Người thô lỗ bị ô nhục, và anh ta không được chấp nhận trong tòa án của Đức Chúa Trời.

ਫਿਕਾ ਮੂਰਖੁ ਆਖੀਐ ਪਾਣਾ ਲਹੈ ਸਜਾਇ ॥੧॥

Người thô lỗ được gọi là kẻ ngốc và anh ta bị sỉ nhục ở khắp mọi nơi.

ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਅੰਦਰਹੁ ਝੂਠੇ ਪੈਜ ਬਾਹਰਿ ਦੁਨੀਆ ਅੰਦਰਿ ਫੈਲੁ ॥

Trên thế giới này có nhiều người từ bên trong là giả dối, nhưng từ bên ngoài họ đã tìm cách thiết lập danh dự của mình.

ਅਠਸਠਿ ਤੀਰਥ ਜੇ ਨਾਵਹਿ ਉਤਰੈ ਨਾਹੀ ਮੈਲੁ ॥

Mặc dù họ có thể tắm tại sáu mươi tám ngôi đền thiêng liêng của cuộc hành hương, nhưng sự bẩn thỉu của tội nạn từ tâm trí họ vẫn không rời đi.

ਜਿਨ੍ਹਹੁ ਪਟੁ ਅੰਦਰਿ ਬਾਹਰਿ ਗੁਦੜੁ ਤੇ ਭਲੇ ਸੰਸਾਰਿ ॥

Những người có lòng từ bi và lòng tốt bên trong nhưng có thể tỏ ra thô lỗ từ bên ngoài, là những người có đạo đức trong thế giới này.

ਤਿਨ੍ਹ ਨੇਹੁ ਲਗਾ ਰਬ ਸੇਤੀ ਦੇਖਨੇ ਵੀਚਾਰਿ ॥

Họ đón nhận tình yêu dành cho Thiên Chúa và chiêm ngắm Ngài.

ਰੰਗਿ ਹਸਹਿ ਰੰਗਿ ਰੇਵਹਿ ਚੁਪ ਭੀ ਕਰਿ ਜਾਹਿ ॥

Trong Tình Yêu Thiên Chúa, họ cưòi, và trong Tình Yêu Thiên Chúa, họ khóc, và cũng im lặng.

ਪਰਵਾਹ ਨਾਹੀ ਕਿਸੈ ਕੇਰੀ ਬਾਝੁ ਸਚੇ ਨਾਹ ॥

Họ không phụ thuộc vào bất cứ ai khác, ngoại trừ Master thật của họ.

ਦਰਿ ਵਾਟ ਉਪਰਿ ਖਰਚੁ ਮੰਗਾ ਜਬੈ ਦੇਇ ਤ ਖਾਹਿ ॥

Họ cầu xin Naam làm thức ăn cho linh hồn họ, và khi Ngài ban cho họ thì họ sẽ được hưởng phần đó.

ਦੀਬਾਨੁ ਏਕੇ ਕਲਮ ਏਕਾ ਹਮਾ ਤੁਮ੍ਹਰਾ ਮੇਲੁ ॥

Chỉ có một thẩm phán và một hệ thống công lý cho tất cả mọi người và tất cả những người có hành động tốt hay xấu cuối cùng đều gặp nhau tại tòa án của Ngài.

ਦਰਿ ਲਏ ਲੇਖਾ ਪੀੜਿ ਛੁਟੈ ਨਾਨਕਾ ਜਿਉ ਤੇਲੁ ॥੨॥

O' Nanak, trước tòa án của Chúa, lời khai của mọi người đều bị xét xử và những kẻ có tội bị trừng phạt nghiêm khắc giống như hạt dầu bị nghiền nát trong máy ép dầu.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਆਪੇ ਹੀ ਕਰਣਾ ਕੀਓ ਕਲ ਆਪੇ ਹੀ ਤੈ ਧਾਰੀਐ ॥

Lạy Đức Chúa Trời, chính Ngài đã tạo ra sự sáng tạo, và chính Ngài đã truyền sức mạnh của Ngài vào nó.

ਦੇਖਹਿ ਕੀਤਾ ਆਪਣਾ ਧਰਿ ਕਚੀ ਪਕੀ ਸਾਰੀਐ ॥

Bạn nhìn sự sáng tạo của bạn giống như một trò chơi cờ bàn và quyết định quân cờ nào (người phạm) là đúng (những người đã đạt được mục đích của cuộc sống con người) và mảnh nào là sai.

ਜੇ ਆਇਆ ਸੇ ਚਲਸੀ ਸਭੁ ਕੇਈ ਆਈ ਵਾਰੀਐ ॥

Ai đã đến thế gian này, sẽ ra đi; tất cả sẽ đến lượt mình.

ਜਿਸ ਕੇ ਜੀਅ ਪਰਾਣ ਹਹਿ ਕਿਉ ਸਾਹਿਬੁ ਮਨਹੁ ਵਿਸਾਰੀਐ ॥

Đáng sở hữu linh hồn của chúng ta, và chính hơi thở sự sống của chúng ta - tại sao chúng ta phải quên Thầy đó khỏi tâm trí của chúng ta?

ਆਪਣ ਹਥੀ ਆਪਣਾ ਆਪੇ ਹੀ ਕਾਜੁ ਸਵਾਰੀਐ ॥੨੦॥

Chúng ta nên hoàn thành nhiệm vụ của mình là hòa nhập với chính Thiên Chúa, bằng cách suy gẫm về Danh Ngài.

ਸਲੋਕੁ ਮਹਲਾ ੨ ॥

Salok, bởi Second Guru:

ਏਹ ਕਿਨੇਹੀ ਆਸਕੀ ਦੂਜੈ ਲਗੈ ਜਾਇ ॥

Đây là loại tình yêu nào, vốn bám vào tính hai mặt (yêu một người khác ngoài Chúa)?

ਨਾਨਕ ਆਸਕੁ ਕਾਂਢੀਐ ਸਦ ਹੀ ਰਹੈ ਸਮਾਇ ॥

O Nanak, một mình anh được coi là một người yêu thực sự, người mãi mãi đắm chìm trong tình yêu của người mình yêu (Chúa).

ਚੰਗੈ ਚੰਗਾ ਕਰਿ ਮੰਨੇ ਮੰਦੈ ਮੰਦਾ ਹੋਇ ॥

Nhưng một người chỉ cảm thấy hạnh phúc khi những điều tốt đẹp xảy ra, và từ chối khi mọi thứ trở nên tồi tệ,

ਆਸਕੁ ਏਹੁ ਨ ਆਖੀਐ ਜਿ ਲੇਖੈ ਵਰਤੈ ਸੋਇ ॥੧॥

Không nên được gọi là một người yêu thực sự của Đức Chúa Trời, vì anh ta đang đối phó với Đức Chúa Trời trong một công việc kinh doanh như vậy.

ਮਹਲਾ ੨ ॥

Salok, Đạo sư thứ hai:

ਸਲਾਮੁ ਜਬਾਬੁ ਦੇਵੈ ਕਰੇ ਮੁੰਢਹੁ ਘੁਥਾ ਜਾਇ ॥

Một người đưa ra cả lời chào tôn trọng và từ chối thô lỗ với Sư phụ của mình, về cơ bản là đi lạc lối ngay từ đầu.

ਨਾਨਕ ਦੇਵੈ ਕੂੜੀਆ ਥਾਇ ਨ ਕਾਈ ਪਾਇ ॥੨॥

Này Nanak, cả hai thái độ này đều sai, và không được chấp nhận trong tòa án của Đức Chúa Trời.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਜਿਤੁ ਸੇਵਿਐ ਸੁਖੁ ਪਾਈਐ ਸੇ ਸਾਹਿਬੁ ਸਦਾ ਸਮੁਹਾਲੀਐ ॥

Suy niệm về ai đạt được hòa bình; rằng Sư phụ phải luôn được ghi nhớ.

ਜਿਤੁ ਕੀਤਾ ਪਾਈਐ ਆਪਣਾ ਸਾ ਘਾਲ ਬੁਰੀ ਕਿਉ ਘਾਲੀਐ ॥

Khi chúng ta biết rằng chúng ta phải gánh chịu hậu quả của việc làm của mình, thì tại sao chúng ta phải làm những việc ác?

ਮੰਦਾ ਮੂਲਿ ਨ ਕੀਚਈ ਦੇ ਲੰਮੀ ਨਦਰਿ ਨਿਹਾਲੀਐ ॥

Chúng ta không nên làm bất kỳ điều ác nào cả; chúng ta nên xem xét hậu quả của nó với tầm nhìn xa.

ਜਿਉ ਸਾਹਿਬ ਨਾਲਿ ਨ ਹਾਰੀਐ ਤੇਵੇਹਾ ਪਾਸਾ ਢਾਲੀਐ ॥

Chúng ta nên chơi trò chơi của cuộc sống theo cách mà chúng ta không bị coi là kẻ thua cuộc trước Thầy của chúng ta.

ਕਿਛੁ ਲਾਹੇ ਉਪਰਿ ਘਾਲੀਐ ॥੨੧॥

(Trong cuộc sống quý giá này của con người), chúng ta nên làm những việc đó sẽ mang lại cho chúng ta danh dự trong triều đình của Đức Chúa Trời.

ਸਲੋਕੁ ਮਹਲਾ ੨ ॥

Salok, Đạo sư thứ hai:

ਚਾਕਰੁ ਲਗੈ ਚਾਕਰੀ ਨਾਲੇ ਗਾਰਬੁ ਵਾਦੁ ॥

Nếu một người phục vụ thực hiện dịch vụ, trong khi tự cao tự đại và tranh luận,

ਗਲਾ ਕਰੇ ਘਣੇਰੀਆ ਖਸਮ ਨ ਪਾਏ ਸਾਦੁ ॥

Anh ta có thể nói nhiều như anh ta muốn, nhưng anh ta sẽ không làm hài lòng Chủ nhân của mình.

ਆਪੁ ਗਵਾਇ ਸੇਵਾ ਕਰੇ ਤਾ ਕਿਛੁ ਪਾਏ ਮਾਨੁ ॥

Nhưng nếu anh ta phục vụ mà không có bản ngã, thì anh ta nhận được sự công nhận.

ਨਾਨਕ ਜਿਸ ਨੇ ਲਗਾ ਤਿਸੁ ਮਿਲੈ ਲਗਾ ਸੇ ਪਰਵਾਨੁ ॥੧॥

Này Nanak, nếu anh ta hợp nhất với người mà anh ta gắn bó, chấp trước của anh ta trở nên chấp nhận được.

ਮਹਲਾ ੨ ॥

Salok, Đạo sư thứ hai:

ਜੇ ਜੀਇ ਹੋਇ ਸੁ ਉਗਵੈ ਮੁਹ ਕਾ ਕਹਿਆ ਵਾਉ ॥

Bất cứ điều gì trong tâm trí trở nên rõ ràng trên khuôn mặt; lời nói của chính họ có thể là những biểu hiện sai lầm.

ਬੀਜੇ ਬਿਖੁ ਮੰਗੈ ਅੰਮ੍ਰਿਤੁ ਵੇਖਹੁ ਏਹੁ ਨਿਆਉ ॥੨॥

Hãy nhìn vào loại công lý mà người ta mong đợi, rằng anh ta gieo thuốc độc, nhưng yêu cầu Nectar đổi lại? (làm những việc xấu và mong đợi kết quả tốt).

ਮਹਲਾ ੨ ॥

Salok, Đạo sư thứ hai:

ਨਾਲਿ ਇਆਣੇ ਦੋਸਤੀ ਕਦੇ ਨ ਆਵੈ ਰਾਸਿ ॥

Tình bạn với một người có tâm trí non nớt không bao giờ thành công.

ਜੇਹਾ ਜਾਣੈ ਤੇਹੋ ਵਰਤੈ ਵੇਖਹੁ ਕੇ ਨਿਰਜਾਸਿ ॥

Như anh ta biết, anh ta hành động, bất cứ ai cũng có thể thử điều này một cách khách quan cho chính mình.

ਵਸਤੂ ਅੰਦਰਿ ਵਸਤੁ ਸਮਾਵੈ ਦੂਜੀ ਹੋਵੈ ਪਾਸਿ ॥

Một thứ có thể được hấp thụ vào một thứ khác chỉ khi thứ đã có trong nó trước tiên được đặt sang một bên (tương tự, người ta chỉ có thể đặt Chúa trong trái tim của một người nếu người ta lần đầu tiên loại bỏ bản ngã và tệ nạn khỏi tâm trí)

ਸਾਹਿਬ ਸੇਤੀ ਹੁਕਮੁ ਨ ਚਲੈ ਕਹੀ ਬਣੈ ਅਰਦਾਸਿ ॥

Đó không phải là mệnh lệnh, mà là lời cầu nguyện khiêm tốn, hoạt động với Thầy.

ਕੂੜਿ ਕਮਾਣੈ ਕੂੜੇ ਹੋਵੈ ਨਾਨਕ ਸਿਫਤਿ ਵਿਗਾਸਿ ॥੩॥

O Nanak, kết quả của việc thực hành sự giả dối là giả dối. Chỉ có lời khen ngợi của Thiên Chúa, mang lại niềm vui.

ਮਹਲਾ ੨ ॥

Salok, Đạo sư thứ hai:

ਨਾਲਿ ਇਆਣੇ ਦੋਸਤੀ ਵਡਾਰੂ ਸਿਉ ਨੇਹੁ ॥

Tình bạn với một người chưa trưởng thành, và tình yêu với một người hào hoa,

ਪਾਣੀ ਅੰਦਰਿ ਲੀਕ ਜਿਉ ਤਿਸ ਦਾ ਥਾਉ ਨ ਥੇਹੁ ॥੪॥

giống như những đường vẽ trong nước, không để lại dấu vết hay dấu vết.

ਮਹਲਾ ੨ ॥

Salok, Đạo sư thứ hai:

ਹੋਇ ਇਆਣਾ ਕਰੇ ਕੰਮੁ ਆਣਿ ਨ ਸਕੈ ਰਾਸਿ ॥

Nếu một người chưa trưởng thành làm một công việc, anh ta không thể làm đúng.

ਜੇ ਇਕ ਅਧ ਚੰਗੀ ਕਰੇ ਦੂਜੀ ਭੀ ਵੇਰਾਸਿ ॥੫॥

Ngay cả khi anh ta làm điều gì đó đúng, anh ta vẫn làm sai điều tiếp theo.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਚਾਕਰੁ ਲਗੈ ਚਾਕਰੀ ਜੇ ਚਲੈ ਖਸਮੈ ਭਾਇ ॥

Nếu một đầy tớ, trong khi thực hiện dịch vụ, tuân theo Ý muốn của Chủ nhân mình,

ਹੁਰਮਤਿ ਤਿਸ ਨੇ ਅਗਲੀ ਓਹੁ ਵਜਹੁ ਭਿ ਦੂਣਾ ਖਾਇ ॥

Danh dự của anh ta tăng lên, và anh ta nhận được phần thưởng gấp đôi.

ਖਸਮੈ ਕਰੇ ਬਰਾਬਰੀ ਫਿਰਿ ਗੈਰਤਿ ਅੰਦਰਿ ਪਾਇ ॥

Nhưng nếu anh ta tuyên bố ngang hàng với Chủ nhân của mình, anh ta sẽ nhận được sự không hài lòng của Sư phụ.

ਵਜਹੁ ਗਵਾਏ ਅਗਲਾ ਮੁਹੇ ਮੁਹਿ ਪਾਣਾ ਖਾਇ ॥

Anh ta mất ngay cả tiền lương kiếm được (phần thưởng), và phải đối mặt với sự sỉ nhục.

ਜਿਸ ਦਾ ਦਿਤਾ ਖਾਵਣਾ ਤਿਸੁ ਕਹੀਐ ਸਾਬਾਸਿ ॥

Vì vậy, tất cả chúng ta hãy vỗ tay Chúa, Đấng mà chúng ta nhận được sự nuôi dưỡng của chúng ta.

ਨਾਨਕ ਹੁਕਮੁ ਨ ਚਲਈ ਨਾਲਿ ਖਸਮ ਚਲੈ ਅਰਦਾਸਿ ॥੨੨॥

Này Nanak, đó không phải là mệnh lệnh, nhưng là một lời cầu nguyện khiêm tốn làm việc với Thầy.

ਸਲੋਕੁ ਮਹਲਾ ੨ ॥

Salok, Đạo sư thứ hai:

ਏਹੁ ਕਿਨੇਹੀ ਦਾਤਿ ਆਪਸ ਤੇ ਜੇ ਪਾਈਐ ॥

Loại quà tặng nào là nếu chúng ta tuyên bố rằng chúng ta có được nó bằng nỗ lực của chính mình?

ਨਾਨਕ ਸਾ ਕਰਮਾਤਿ ਸਾਹਿਬ ਤੁਠੈ ਜੇ ਮਿਲੈ ॥੧॥

Hỡi Nanak, đó là món quà tuyệt vời nhất, được nhận từ Thiên Chúa, khi Ngài hoàn toàn hài lòng.

ਮਹਲਾ ੨ ॥

Salok, Đạo sư thứ hai:

ਏਹ ਕਿਨੇਹੀ ਚਾਕਰੀ ਜਿਤੁ ਭਉ ਖਸਮ ਨ ਜਾਇ ॥

Đây là loại dịch vụ gì, mà nỗi sợ hãi của Chơn sư không rời đi?

ਨਾਨਕ ਸੇਵਕੁ ਕਾਢੀਐ ਜਿ ਸੇਤੀ ਖਸਮ ਸਮਾਇ ॥੨॥

Còn Nanak, một mình anh ta được gọi là một đầy tớ thực sự, người hợp nhất và trở thành một với Chủ (Chúa).

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਨਾਨਕ ਅੰਤ ਨ ਜਾਪਨ੍ਹਹੀ ਹਰਿ ਤਾ ਕੇ ਪਾਰਾਵਾਰ ॥

Này Nanak, giới hạn của Đức Chúa Trời không thể được biết; Ngài không có kết thúc hay giới hạn.

ਆਪਿ ਕਰਾਏ ਸਾਖਤੀ ਫਿਰਿ ਆਪਿ ਕਰਾਏ ਮਾਰ ॥

Chính Ngài tạo ra, và sau đó chính Ngài hủy diệt.

ਇਕਨ੍ਹਹਾ ਗਲੀ ਜੰਜੀਰੀਆ ਇਕਿ ਤੁਰੀ ਚੜਹਿ ਬਿਸੀਆਰ ॥

Một số đang làm việc như những người hầu ngoại quan, như thể họ có dây xích quanh cổ, trong khi một số rất giàu có, họ đang cưỡi ngựa nhanh.

ਆਪਿ ਕਰਾਏ ਕਰੇ ਆਪਿ ਹਉ ਕੈ ਸਿਉ ਕਰੀ ਪੁਕਾਰ ॥

Chính Ngài hành động, và chính Ngài khiến chúng ta hành động. Tôi nên phàn nàn với ai?

ਨਾਨਕ ਕਰਣਾ ਜਿਨਿ ਕੀਆ ਫਿਰਿ ਤਿਸ ਹੀ ਕਰਣੀ ਸਾਰ ॥੨੩॥

Hỡi Nanak, Đấng đã tạo ra sự sáng tạo - Chính Ngài chăm sóc nó.

ਸਲੋਕੁ ਮਃ ੧ ॥

Salok, Guru đầu tiên:

ਆਪੇ ਭਾਂਡੇ ਸਾਜਿਅਨੁ ਆਪੇ ਪੁਰਣੁ ਦੇਇ ॥

Chính Đức Chúa Trời tạo ra cơ thể con người và chính Ngài ban sự bình an hoặc đau khổ cho họ.

ਇਕਨ੍ਹਰੀ ਦੁਧੁ ਸਮਾਈਐ ਇਕਿ ਚੁਲ੍ਹੈ ਰਹਨ੍ਹਿ ਚੜੇ ॥

Trong số phận của một số người, Ngài viết tất cả những tiện nghi, trong khi những người khác phải chịu đau khổ trong đau đớn

ਇਕਿ ਨਿਹਾਲੀ ਪੈ ਸਵਨ੍ਹਿ ਇਕਿ ਉਪਰਿ ਰਹਨਿ ਖੜੇ ॥

Một số nằm xuống và ngủ trên những chiếc giường mềm mại, trong khi những người khác tiếp tục đứng bên cạnh họ như những người bảo vệ của họ.

ਤਿਨ੍ਹਹਾ ਸਵਾਰੇ ਨਾਨਕਾ ਜਿਨ੍ਹਹ ਕਉ ਨਦਰਿ ਕਰੇ ॥੧॥

Hỡi Nanak, Ngài chỉ tô điểm cho cuộc sống của những người mà Ngài chiếu ánh mắt của Ngài về Ân điển.

ਮਹਲਾ ੨ ॥

Salok, Đạo sư thứ hai:

ਆਪੇ ਸਾਜੇ ਕਰੇ ਆਪਿ ਜਾਈ ਭਿ ਰਖੈ ਆਪਿ ॥

Chính Ngài tạo ra và tạo ra thế giới, và chính Ngài giữ nó theo trật tự.

ਤਿਸੁ ਵਿਚਿ ਜੰਤ ਉਪਾਇ ਕੈ ਦੇਖੈ ਥਾਪਿ ਉਥਾਪਿ ॥

Sau khi tạo ra các sinh vật bên trong nó, Ngài giám sát sự phát triển và hủy diệt của họ.

ਕਿਸ ਨੇ ਕਹੀਐ ਨਾਨਕਾ ਸਭੁ ਕਿਛੁ ਆਪੇ ਆਪਿ ॥੨॥

Hỡi nanak, chúng ta có thể nói bất cứ điều gì về điều này cho ai. Chính Ngài là nguyên nhân và là người thực hiện mọi thứ.

ਪਉੜੀ ॥

Pauree:

ਵਡੇ ਕੀਆ ਵਡਿਆਈਆ ਕਿਛੁ ਕਹਣਾ ਕਹਣੁ ਨ ਜਾਇ ॥

Không có gì có thể nói về sự vĩ đại của vĩ đại (Thiên Chúa).

ਸੇ ਕਰਤਾ ਕਾਦਰ ਕਰੀਮੁ ਦੇ ਜੀਆ ਰਿਜਕੁ ਸੰਬਾਹਿ ॥

Ngài là Đấng Tạo Hóa, toàn năng và nhân từ; Ngài ban lương thực cho tất cả chúng sinh.

ਸਾਈ ਕਾਰ ਕਮਾਵਣੀ ਧੁਰਿ ਛੇਡੀ ਤਿੰਨੈ ਪਾਇ ॥

Người phạm làm những việc đã được Đức Chúa Trời định trước cho họ.

ਨਾਨਕ ਏਕੀ ਬਾਹਰੀ ਹੋਰ ਦੂਜੀ ਨਾਹੀ ਜਾਇ ॥

O' Nanak, ngoại trừ sự hỗ trợ của Chúa, không có sự hỗ trợ nào khác cho sinh vật.

ਸੇ ਕਰੇ ਜਿ ਤਿਸੈ ਰਜਾਇ ॥੨੪॥੧॥ ਸੁਧੁ

Anh ấy làm bất cứ điều gì anh ấy muốn.

ਅਰਦਾਸ

Người cầu nguyện

ੴ ਵਾਹਿਗੁਰੂ ਜੀ ਕੀ ਫ਼ਤਹਿ ॥

Thiên Chúa là Một. Mọi chiến thắng đều thuộc về Guru kỳ diệu (Thần).

ਸ੍ਰੀ ਭਗੋਤੀ ਜੀ ਸਹਾਇ।

Cầu mong thanh kiếm đáng kính (Thần trong hình dạng Kẽ hủy diệt những kẻ làm ác) giúp đỡ chúng ta!

ਵਾਰ ਸ੍ਰੀ ਭਗੋਤੀ ਜੀ ਕੀ ਪਾਤਸ਼ਾਹੀ ੧੦॥

Bài ca về thanh kiếm đáng kính được Guru thứ mười đọc.

ਪ੍ਰਿਥਮ ਭਗੋਤੀ ਸਿਮਰਿ ਕੈ ਗੁਰ ਨਾਨਕ ਲਈ ਧਿਆਇ ॥

Đầu tiên hãy nhớ đến thanh kiếm (Thần ở dạng Kẽ hủy diệt kẻ làm ác); sau đó hãy nhớ đến Nanak (nghĩ về sự đóng góp tinh thần của anh ấy).

ਫਿਰ ਅੰਗਦ ਗੁਰ ਤੇ ਅਮਰਦਾਸੁ ਰਾਮਦਾਸੈ ਹੋਈ ਸਹਾਇ ॥

Sau đó hãy nhớ và thiền định về Guru Angad, Guru Amar Das và Guru Ram Das; Họ có thể giúp chúng tôi! (nói về sự đóng góp tinh thần của họ)

ਅਰਜਨ ਹਰਗੋਬਿੰਦ ਨੇ ਸਿਮਰੋ ਸ੍ਰੀ ਹਰਿਰਾਇ ॥

Hãy tưởng nhớ và thiền định về Guru Arjan, Guru Hargobind và Guru Har Rai đáng kính. (nói về sự đóng góp tinh thần của họ)

ਸ੍ਰੀ ਹਰਿਕ੍ਰਿਸ਼ਨ ਧਿਆਈਐ ਜਿਸ ਡਿਠੈ ਸਭਿ ਦੁਖ ਜਾਇ ॥

Hãy tưởng nhớ và thiền định về Guru Har Krishan đáng kính, khi nhìn thấy ngài, mọi đau đớn đều tan biến. (nghĩ về sự đóng góp tinh thần của họ)

ਤੇਗ ਬਹਾਦਰ ਸਿਮਰਿਐ ਘਰ ਨਉ ਨਿਧਿ ਆਵੈ ਧਾਇ ॥

Hãy nhớ đến Guru Tegh Bahadur và khi đó chín nguồn của cải tinh thần sẽ nhanh chóng đến với ngôi nhà của bạn.

ਸਭ ਥਾਈ ਹੋਇ ਸਹਾਇ ॥

Ôi Chúa ơi! vui lòng giúp đỡ chúng tôi ở mọi nơi bằng cách chỉ đường cho chúng tôi.

ਦਸਵਾਂ ਪਾਤਸ਼ਾਹ ਸ੍ਰੀ ਗੁਰੂ ਗੋਬਿੰਦ ਸਿੰਘ ਸਾਹਿਬ ਜੀ! ਸਭ ਥਾਈ ਹੋਇ ਸਹਾਇ ॥

Hãy nhớ đến Guru thứ mười Gobind Singh đáng kính (nghĩ về sự đóng góp tinh thần của ông). Ôi Chúa ơi! vui lòng giúp đỡ chúng tôi ở mọi nơi bằng cách chỉ đường cho chúng tôi.

ਦਸਾਂ ਪਾਤਸ਼ਾਹੀਆਂ ਦੀ ਜੋਤ ਸ੍ਰੀ ਗੁਰੂ ਗ੍ਰੰਥ ਸਾਹਿਬ ਜੀ ਦੇ ਪਾਠ ਦੀਦਾਰ ਦਾ ਧਿਆਨ ਧਰ ਕੇ ਬੋਲੋ ਜੀਵਾਹਿਗੁਰੂ!

Hãy suy nghĩ và thiền định về ánh sáng thần thánh của Mười vị vua chúa đứng trong Guru Granth Sahib đáng kính và hướng suy nghĩ của bạn đến những lời dạy thiêng liêng và cảm thấy thích thú khi nhìn thấy Guru Granth Sahib; Utter Wahe Guru (Thần kỳ diệu)!

ਪੰਜਾਂ ਪਿਆਰਿਆਂ, ਚੌਹਾਂ ਸਾਹਿਬਜ਼ਾਦਿਆਂ, ਚਾਲ੍ਹੀਆਂ ਮੁਕਤਿਆਂ, ਹਠੀਆਂ ਜਪੀਆਂ, ਤਪੀਆਂ, ਜਿਨ੍ਹਾਂ ਨਾਮ ਜਪਿਆ, ਵੰਡ ਛਕਿਆ, ਦੇਗ ਚਲਾਈ, ਤੇਗ ਵਾਹੀ, ਦੇਖ ਕੇ ਅਣਡਿੱਠ ਕੀਤਾ, ਤਿਨ੍ਹਾਂ ਪਿਆਰਿਆਂ, ਸਚਿਆਰਿਆਂ ਦੀ ਕਮਾਈ ਦਾ ਧਿਆਨ ਧਰ ਕੇ, ਖਾਲਸਾ ਜੀ ! ਬੋਲੋ ਜੀ ਵਾਹਿਗੁਰੂ!

Hãy nghĩ đến những việc làm của Năm Người Thân, của bốn người con trai (của Guru Gobind Singh); của Bốn mươi Thánh Tử đạo; của những người Sikh dũng cảm với quyết tâm bất khuất; của những tín đồ đắm mình trong màu sắc của Naam; của những người đắm chìm trong Naam; của những người nhớ đến Naam và chia sẻ thức ăn của họ trong tình bạn; của những người bắt đầu xây dựng nếp miễn phí; của những người cầm kiếm (để bảo vệ sự thật); của những người bỏ qua khuyết điểm của người khác; Tất cả những người nói trên đều là những người trong sạch và thực sự tận tâm; Utter Wahe Guru (Thần kỳ diệu)!

ਜਿਨ੍ਹਾਂ ਸਿੰਘਾਂ ਸਿੰਘਣੀਆਂ ਨੇ ਧਰਮ ਹੇਤ ਸੀਸ ਦਿੱਤੇ, ਬੰਦ ਬੰਦ ਕਟਾਏ, ਖੋਪਰੀਆਂ ਲੁਹਾਈਆਂ, ਚਰਖੜੀਆਂ ਤੇ ਚੜ੍ਹੇ, ਆਰਿਆਂ ਨਾਲ ਚਿਰਾਏ ਗਏ, ਗੁਰਦੁਆਰਿਆਂ ਦੀ ਸੇਵਾ ਲਈ ਕੁਰਬਾਨੀਆਂ ਕੀਤੀਆਂ, ਧਰਮ ਨਹੀਂ ਹਾਰਿਆ, ਸਿੱਖੀ ਕੇਸਾਂ ਸੁਆਸਾਂ ਨਾਲ ਨਿਬਾਹੀ, ਤਿਨ੍ਹਾਂ ਦੀ ਕਮਾਈ ਦਾ ਧਿਆਨ ਧਰ ਕੇ ਖਾਲਸਾ ਜੀ! ਬੋਲੋ ਜੀ ਵਾਹਿਗੁਰੂ!

Hãy nghĩ đến và ghi nhớ công lao đức áo của những người đàn ông cũng như phụ nữ theo đạo Sikh dũng cảm đó, những người đã hy sinh đầu mình nhưng không từ bỏ Tôn giáo Sikh của mình; Ai đã tự cắt mình ra từng mảnh từ từng khớp của cơ thể; Ai đã bị cắt bỏ da đầu; Những người bị trói và xoay trên các bánh xe và bị bẻ thành từng mảnh; Ai bị cưa cắt; Ai đã bị lột da sống; Ai đã hy sinh thân mình để bảo vệ phẩm giá của Gurdwaras; Ai đã không từ bỏ đức tin đạo Sikh của họ; Ai đã giữ tôn giáo Sikh của họ và để dành mái tóc dài cho đến hơi thở cuối cùng; Utter Wahe Guru (Thần kỳ diệu)!

ਪੰਜਾਂ ਤਖਤਾਂ, ਸਰਬੱਤ ਗੁਰਦੁਆਰਿਆਂ ਦਾ ਧਿਆਨ ਧਰ ਕੇ ਬੋਲੋ ਜੀ ਵਾਹਿਗੁਰੂ!

Hãy hướng suy nghĩ của bạn đến tất cả các vị trí của Tôn giáo Sikh và tất cả các Gurdwaras; thốt lên Wahe Guru (Thần kỳ diệu)!

ਪ੍ਰਿਥਮੇ ਸਰਬੱਤ ਖਾਲਸਾ ਜੀ ਕੀ ਅਰਦਾਸ ਹੈ ਜੀ, ਸਰਬੱਤ ਖਾਲਸਾ ਜੀ ਕੇ ਵਾਹਿਗੁਰੂ, ਵਾਹਿਗੁਰੂ, ਵਾਹਿਗੁਰੂ ਚਿਤ ਆਵੇ, ਚਿੱਤ ਆਵਨ ਕਾ ਸਦਕਾ ਸਰਬ ਸੁਖ ਹੋਵੇ।

Đầu tiên, toàn bộ Khalsa đáng kính hãy cầu nguyện điều này để họ có thể suy ngẫm về Danh Ngài; và cầu mong mọi niềm vui và sự thoải mái đều đến nhờ thiềnn định như vậy.

ਜਹਾਂ ਜਹਾਂ ਖਾਲਸਾ ਜੀ ਸਾਹਿਬ, ਤਹਾਂ ਤਹਾਂ ਰਛਿਆ ਰਿਆਇਤ, ਦੇਗ ਤੇਗ ਫ਼ਤਹਿ, ਬਿਰਦ ਕੀ ਪੈਜ, ਪੰਥ ਕੀ ਜੀਤ, ਸ੍ਰੀ ਸਾਹਿਬ ਜੀ ਸਹਾਇ, ਖਾਲਸੇ ਜੀ ਕੇ ਬੋਲ ਬਾਲੇ, ਬੋਲੇ ਜੀ ਵਾਹਿਗੁਰੂ!

Bất cứ nơi nào Khalsa đáng kính hiện diện, xin hãy ban cho Ngài sự che chở và ân sủng; Cầu mong nhà bếp và thanh kiếm miễn phí không bao giờ thất bại; Duy trì danh dự của những người sùng đạo của bạn; Trao chiến thắng cho người Sikh; Cầu mong thanh kiếm đáng kính luôn đến trợ giúp chúng ta; Cầu mong Khalsa luôn nhận được vinh dự; Utter Wahe Guru (Thần kỳ diệu)!

ਸਿੱਖਾਂ ਨੂੰ ਸਿੱਖੀ ਦਾਨ, ਕੇਸ ਦਾਨ, ਰਹਿਤ ਦਾਨ, ਬਿਬੇਕ ਦਾਨ, ਵਿਸਾਹ ਦਾਨ, ਭਰੋਸਾ ਦਾਨ, ਦਾਨਾਂ ਸਿਰ ਦਾਨ, ਨਾਮ ਦਾਨ, ਸ੍ਰੀ ਅੰਮ੍ਰਿਤਸਰ ਜੀ ਦੇ ਇਸ਼ਨਾਨ, ਚੌਂਕੀਆਂ, ਝੰਡੇ, ਬੁੰਗੇ, ਜੁਗੋ ਜੁਗ ਅਟੱਲ, ਧਰਮ ਕਾ ਜੈਕਾਰ, ਬੋਲੇ ਜੀ ਵਾਹਿਗੁਰੂ!!!

Vui lòng ban cho những người theo đạo Sikh món quà đạo Sikh, món quà tóc dài, món quà tuân thủ luật pháp của đạo Sikh, món quà kiến thức thiêng liêng, món quà đức tin vững chắc, món quà niềm tin và món quà lớn nhất về Tên. Ôi Trời! Cầu mong ca đoàn, dinh thự và biểu ngữ tồn tại mãi mãi; cầu mong sự thật luôn chiến thắng; thốt lên Wahe Guru (Thần kỳ diệu)!

ਸਿੱਖਾਂ ਦਾ ਮਨ ਨੀਵਾਂ, ਮਤ ਉੱਚੀ ਮਤ ਦਾ ਰਾਖਾ ਆਪ ਵਾਹਿਗੁਰੂ।

Cầu mong tâm trí của tất cả những người theo đạo Sikh vẫn khiêm tốn và trí tuệ của họ được đề cao; Ôi Trời! Bạn là người bảo vệ trí tuệ.

ਹੇ ਨਿਮਾਣਿਆਂ ਦੇ ਮਾਣ, ਨਿਤਾਣਿਆਂ ਦੇ ਤਾਣ, ਨਿਓਟਿਆਂ ਦੀ ਓਟ, ਸੱਚੇ ਪਿਤਾ, ਵਾਹਿਗੁਰੂ! ਆਪ ਦੇ ਹਜ਼ੂਰ.....ਦੀ ਅਰਦਾਸ ਹੈ ਜੀ।

Ôi Người Cha đích thực, Wahe Guru! bạn là vinh dự của những người hiền lành, Sức mạnh của những người bất lực, nơi trú ẩn của những người không nơi trú ẩn, chúng tôi khiêm tốn cầu nguyện trước sự chứng kiến của bạn.....(thay thế dịp hoặc lời cầu nguyện được thực hiện ở đây).

ਅੱਖਰ ਵਾਧਾ ਘਾਟਾ ਭੁੱਲ ਚੁੱਕ ਮਾਫ਼ ਕਰਨੀ। ਸਰਬੱਤ ਦੇ ਕਾਰਜ ਰਾਸ ਕਰਨੇ।

Xin tha thứ cho những lỗi lầm, thiếu sót của chúng con khi đọc Lời nguyện trên. Vui lòng hoàn thành mục tiêu của tất cả.

ਸੇਈ ਪਿਆਰੇ ਮੇਲ, ਜਿਨ੍ਹਾਂ ਮਿਲਿਆਂ ਤੇਰਾ ਨ ਚਿੱਤ ਆਵੇ। ਨਾਨਕ ਨਾਮ ਚੜ੍ਹਦੀ ਕਲਾ, ਤੇਰੇ ਭਾਣੇ ਸਰਬੱਤ ਦਾ ਭਲਾ।

Xin vui lòng khiến chúng con gặp được những tín đồ chân chính đó bằng cách gặp những người mà chúng con có thể tưởng nhớ và suy ngẫm về Danh Ngài. Ôi Trời! thông qua Guru Nanak đích thực, cầu mong Danh Ngài được tôn cao và cầu mong mọi người được thịnh vượng theo ý muốn của Ngài.

ਵਾਹਿਗੁਰੂ ਜੀ ਕਾ ਖ਼ਾਲਸਾ, ਵਾਹਿਗੁਰੂ ਜੀ ਕੀ ਫਤਹਿ

Khalsa thuộc về Chúa; mọi chiến thắng đều là chiến thắng của Chúa.

Triết lý cho cuộc hành trình

Triết học của đạo Sikh được đặc trưng bởi tính logic, tính toàn diện và cách tiếp cận "không rườm rà" đối với thế giới tinh thần và vật chất. Thần học của nó được đánh dấu bởi sự đơn giản. Trong đạo đức của người Sikh không có xung đột giữa nghĩa vụ của cá nhân đối với bản thân và nghĩa vụ đối với xã hội (sangat).

Đạo Sikh là tôn giáo trẻ nhất thế giới được thành lập bởi Guru Nanak khoảng 500 năm trước. Nó nhấn mạnh niềm tin vào Một Đấng Tối cao và Đấng Tạo Hóa (Waheguru) của vũ trụ. Nó đưa ra một con đường thẳng tắp đơn giản dẫn đến hạnh phúc vĩnh cửu và truyền bá thông điệp về tình yêu thương và tình anh em phổ quát. Đạo Sikh hoàn toàn là một đức tin độc thần và công nhận Thiên Chúa là Đấng duy nhất không bị giới hạn về thời gian hay không gian. Đạo Sikh tin rằng chỉ có một Thiên Chúa, là Đấng Tạo Hóa, Đấng Duy trì, Đấng Hủy diệt và không mang hình dạng con người. Thuyết nhập thể không có chỗ đứng trong đạo Sikh. Nó không gán bất kỳ giá trị nào với các vị thần, nữ thần và các vị thần khác.

Trong đạo Sikh, đạo đức và tôn giáo đi đôi với nhau. Con người phải thẩm nhuần phẩm chất đạo đức và rèn luyện các đức tính trong cuộc sống hàng ngày để từng bước phát triển tâm linh. Những phẩm chất như trung thực, nhân ái, rộng lượng, kiên nhẫn và khiêm tốn chỉ có thể được xây dựng bằng sự nỗ lực và kiên trì. Cuộc đời của các bậc Thầy vĩ đại của chúng ta là nguồn cảm hứng theo hướng này. Đạo Sikh dạy rằng mục tiêu của đời người là phá vỡ vòng sinh tử và hòa nhập với Chúa. Điều này có thể được thực hiện bằng cách tuân theo lời dạy của Đạo sư, thiền định về Thánh Danh (Naam) và thực hiện các hành vi phục vụ và từ thiện.

Naam Marg nhấn mạnh đến việc sùng kính hàng ngày để tưởng nhớ đến Chúa. Người ta phải kiểm soát năm cảm xúc, viz., Kam (ham muốn), Krodh (tức giận), Loabh (tham lam), Moh (sự gắn bó trần tục) và Ahankar (kiêu ngạo) để đạt được sự cứu rỗi. Đoàn thể Các nghi lễ và thực hành thường lệ như ăn chay và hành hương, những điếm báo và khổ hạnh đều bị bác bỏ trong tôn giáo của đạo Sikh. Mục tiêu của cuộc sống con người là hợp nhất với Chúa và điều này được thực hiện bằng cách làm theo lời dạy của Guru Granth Sahib. Đạo Sikh nhấn mạnh đến Bhagti Marg hay con đường sùng đạo. Tuy nhiên, nó nhận ra tầm quan trọng của Gian Marg (Con đường Tri thức) và Karam Marg (Con đường Hành động). Nó nhấn mạnh nhất đến nhu cầu kiếm được Ân Sủng của Chúa để đạt được mục tiêu tâm linh.

Đạo Sikh là một tôn giáo hiện đại, hợp lý và thực tế. Người ta tin rằng cuộc sống gia đình bình thường (Grahast) không phải là rào cản đối với sự cứu rỗi. Sống độc thân hay từ bỏ thế gian là không cần thiết để đạt được sự cứu rỗi. Có thể sống tách biệt giữa những bệnh tật và cám dỗ trần thế. Một tín đồ phải sống trong thế gian nhưng vẫn giữ đầu óc vượt lên trên những căng thẳng và hỗn loạn thông thường. Anh ta phải là một người lính uyên bác, và là một vị thánh cho Chúa.

Đạo Sikh là một tôn giáo quốc tế và "thế tục" và do đó bác bỏ mọi sự phân biệt dựa trên đẳng cấp, tín ngưỡng, chủng tộc hay giới tính. Nó tin rằng tất cả con người đều bình đẳng trong mắt Chúa. Các Guru nhấn mạnh đến sự bình đẳng của phụ nữ và bác bỏ hành vi giết trẻ sơ sinh nữ cũng như Sati (đốt góa phụ). Họ cũng tích cực tuyên truyền về việc tái hôn của góa phụ và bác bỏ hệ thống purdah (phụ nữ đeo mạng che mặt). Để giữ tâm hướng về Ngài, người ta phải thiền định về Thánh Danh (Naam) và thực hiện các hành vi phục vụ và bác ái. Việc kiếm kế sinh nhai bằng công việc lương thiện (Kirat Karna) được coi là vinh dự chứ không phải bằng cách ăn xin hay những phương tiện không trung thực. Vand Chhakna, chia sẻ với người khác cũng là một trách nhiệm xã hội. Cá nhân này phải giúp đỡ những người gặp khó khăn thông qua Daswandh (10% thu nhập của anh ta). Seva, phục vụ cộng đồng cũng là một phần không thể thiếu của đạo Sikh. Bếp cộng đồng miễn phí (langar) được tìm thấy ở mọi gurdwara và mở cửa cho mọi người thuộc mọi tôn giáo là một biểu hiện của dịch vụ cộng đồng này.

Đạo Sikh ủng hộ sự lạc quan và hy vọng. Nó không chấp nhận hệ tư tưởng bi quan. Các Guru tin rằng cuộc sống này có mục đích và mục tiêu. Nó mang đến một cơ hội để nhận ra bản thân và Chúa. Hơn nữa, con người phải chịu trách nhiệm về hành động của chính mình. Anh ta không thể yêu cầu quyền miễn trừ khỏi kết quả hành động của mình. Vì vậy, anh ta phải hết sức cảnh giác trong những gì mình làm.

Kinh thánh Sikh, Guru Granth Sahib, là Đạo sư vĩnh cửu. Đây là tôn giáo duy nhất coi Sách Thánh là nhà truyền giáo. Không có chỗ cho một Guru con người sống (Dehdhari) trong tôn giáo Sikh.

Lịch sử

Hãy trực quan

Khăn xếp đã và luôn là một phần không thể tách rời của người Sikh. Kể từ khoảng năm 1500 sau Công nguyên và thời của Guru Nanak, người sáng lập đạo Sikh, người theo đạo Sikh đã đội khăn xếp.

Khăn xếp hoặc "*pagri*" thường được rút ngắn thành "*pag*" hoặc "*dastar*" là những từ khác nhau trong các phương ngữ khác nhau cho cùng một bài viết. Tất cả những từ này đều ám chỉ trang phục mà cả nam và nữ đều mặc để che đầu. Nó là một chiếc mũ đội đầu bao gồm một mảnh vải dài giống như chiếc khăn quàng cổ quấn quanh đầu hoặc đôi khi là một chiếc "mũ" hoặc patka bên trong. Theo truyền thống ở Ấn Độ, khăn xếp chỉ được đội bởi những người đàn ông có địa vị cao trong xã hội; đàn ông có địa vị thấp hoặc đẳng cấp thấp hơn không được phép đội khăn xếp.

Mặc dù việc giữ tóc không cạo đã được Guru Gobind Singh ủy quyền như một trong Năm K hay năm tín điều, nhưng từ lâu nó đã gắn liền với đạo Sikh kể từ khi đạo Sikhi bắt đầu vào năm 1469. Đạo Sikh là tôn giáo duy nhất trên thế giới ở rằng việc đội khăn xếp là bắt buộc đối với tất cả nam giới trưởng thành. Phần lớn những người đội khăn xếp ở các nước phương Tây là người theo đạo Sikh. *Pagdi* của đạo Sikh còn được gọi là *dastaar*. 'Dastar' là một từ tiếng Ba Tư. Nó có nghĩa là 'Bàn tay của Chúa' ngụ ý sự phù hộ của Ngài.

Người Sikh nổi tiếng với nhiều loại khăn xếp đặc biệt. Theo truyền thống, khăn xếp thể hiện sự tôn trọng và từ lâu đã là vật dụng chỉ dành riêng cho giới quý tộc. Trong thời kỳ thống trị của Mughal ở Ấn Độ, chỉ người Hồi giáo mới được phép đội khăn xếp. Tất cả những người không theo đạo Hồi đều bị nghiêm cấm mặc một chiếc.

Guru Gobind Singh, bất chấp sự vi phạm này của người Mughals, đã yêu cầu tất cả những người theo đạo Sikh của mình đội khăn xếp. Chiếc áo này được đeo để ghi nhận những tiêu chuẩn đạo đức cao mà ông đã đặt ra cho những người theo Khalsa của mình. Anh ấy muốn Khalsa của mình phải khác biệt và quyết tâm "nổi bật so với phần còn lại của thế giới". Ông muốn họ đi theo con đường độc nhất đã được các Guru đạo Sikh vạch ra. Vì vậy, một người Sikh đội khăn xếp luôn nổi bật giữa đám đông, như ý định của Guru; vì anh ấy muốn 'Thánh chiến binh' của mình không chỉ dễ nhận biết mà còn dễ dàng tìm thấy.

Khi một người đàn ông hay phụ nữ theo đạo Sikh đội khăn xếp, khăn xếp không còn chỉ là một dải vải nữa; vì nó trở thành một và giống với đầu của người Sikh. Khăn xếp, cũng như bốn vật dụng đức tin khác mà người theo đạo Sikh đeo, có ý nghĩa to lớn về mặt tinh thần và thời gian. Mặc dù có rất nhiều biểu tượng liên quan đến việc đội khăn xếp - chủ quyền, sự cống hiến, lòng tự trọng, lòng dũng cảm và lòng mộ đạo, nhưng!, lý do chính mà người theo đạo Sikh đội khăn xếp là để thể hiện - tình yêu, sự vâng lời và sự tôn trọng của họ đối với người sáng lập đạo. Khalsa Guru Gobind Singh.

Những từ được tô sáng ở trên cần phải được thay thế bằng một cái gì đó khác. Có thể là 'lý do'

"Khăn xếp là món quà mà Guru dành cho chúng ta. Đó là cách chúng ta tôn vinh mình là Singh và Kaurs, những người ngồi trên ngai vàng của sự cam kết đối với ý thức cao hơn của chính mình. Đối với cả nam giới và phụ nữ, bản sắc phóng chiếu này truyền tải sự hoàng gia, sự duyên dáng và sự độc đáo Đó là tín hiệu cho người khác biết rằng chúng ta đang sống trong hình ảnh của Vô cực và tận tâm phục vụ tất cả mọi người. Chiếc khăn xếp không đại diện cho bất cứ điều gì ngoại trừ sự cam kết hoàn toàn. người nổi bật giữa sáu tỷ người. Đó là một hành động nổi bật nhất."

Vai Trò Của Phụ Nữ

Các nguyên tắc của đạo Sikh nêu rõ rằng phụ nữ có tâm hồn giống như nam giới và có quyền bình đẳng trong việc trau dồi tâm linh của mình. Họ có thể lãnh đạo các giáo đoàn tôn giáo, tham gia Con đường Akhand (đọc Kinh thánh liên tục), biểu diễn Kirtan (hội chúng hát thánh ca), làm Granthis (linh mục). Họ có thể tham gia vào tất cả các hoạt động tôn giáo, văn hóa, xã hội và thể tục. Đạo Sikh là tôn giáo lớn đầu tiên trên thế giới mang lại sự bình đẳng cho nam giới và phụ nữ. Guru Nanak, rao giảng về bình đẳng dựa trên giới tính, và các bậc thầy kế nhiệm ông đã khuyến khích phụ nữ tham gia đầy đủ vào mọi hoạt động thờ cúng và thực hành đạo Sikh.

Guru Granth Sahib tuyên bố,

"Phụ nữ và đàn ông, tất cả đều do Chúa tạo ra. Tất cả điều này là trò chơi của Chúa. Nanak nói, tất cả sự sáng tạo của bạn đều tốt đẹp và thiêng liêng"
-SGGS p.304

Lịch sử đạo Sikh đã ghi lại vai trò của phụ nữ trong việc thể hiện họ ngang bằng với nam giới trong việc phục vụ, tận tâm, hy sinh và dũng cảm. Nhiều tấm gương về phẩm giá đạo đức, sự phục vụ và sự hy sinh quên mình của phụ nữ được viết theo truyền thống của đạo Sikh.

Theo đạo Sikh, đàn ông và phụ nữ là hai mặt của một đồng xu. Trong hệ thống tương quan và phụ thuộc lẫn nhau, nơi đàn ông sinh ra từ đàn bà và đàn bà được sinh ra từ hạt giống của đàn ông. Theo đạo Sikh, một người đàn ông không thể cảm thấy an toàn và trọn vẹn trong cuộc sống nếu không có phụ nữ, và thành công của đàn ông có liên quan đến tình yêu và sự ủng hộ của người phụ nữ chia sẻ cuộc đời với anh ta và ngược lại. Đạo sư Nanak đã nói:

"[Đó] là một người phụ nữ duy trì cuộc đua" và chúng ta không nên "coi phụ nữ bị nguyên rủa và lên án, [khi] từ phụ nữ sinh ra các nhà lãnh đạo và vua." SGGS Trang 473.

Sự cứu rỗi: Một điểm quan trọng cần nêu lên là liệu một tôn giáo có coi phụ nữ có khả năng đạt được sự cứu rỗi, nhận ra Chúa ở đây hay cõi tâm linh cao nhất hay không. Guru Granth Sahib tuyên bố,

“Chúa tràn ngập trong mọi chúng sinh, Chúa tràn ngập mọi hình thể nam và nữ” (Guru Granth Sahib, p.605).

Từ tuyên bố trên của Guru Granth Sahib, ánh sáng của Chúa chiếu rọi bình đẳng cho cả hai giới. Do đó, cả nam và nữ đều có thể đạt được sự cứu rỗi như nhau bằng cách tuân theo lời dạy của Guru. Trong nhiều tôn giáo, phụ nữ được coi là trở ngại cho tâm linh của đàn ông, nhưng trong đạo Sikh thì không. Guru bác bỏ điều này. Trong 'Những suy nghĩ hiện tại về đạo Sikh', Alice Basarke nói,

“Guru đầu tiên đặt phụ nữ ngang hàng với đàn ông...phụ nữ không phải là trở ngại đối với đàn ông mà là người đồng hành phục vụ Chúa và tìm kiếm sự cứu rỗi”.

Hôn nhân: Guru Nanak đề nghị grhastha—cuộc sống của một chủ hộ. Thay vì sống độc thân và xuất gia, Vợ chồng là những người bạn đời bình đẳng và cả hai đều phải chung thủy. Trong những câu thơ thiêng liêng, hạnh phúc gia đình được thể hiện như một lý tưởng ấp ủ và hôn nhân là một ẩn dụ sống động để thể hiện tình yêu dành cho Thần thánh. Bhai Gurdas, nhà thơ của đạo Sikh thời kỳ đầu và là người giải thích có thẩm quyền về học thuyết của đạo Sikh, bày tỏ sự tôn kính cao độ đối với phụ nữ. Anh ta nói:

“Người phụ nữ là người được cha mẹ yêu quý, được cha mẹ yêu quý. Trong nhà chồng, người ấy là trụ cột của gia đình, là bảo chứng cho vận may của gia đình... Chia sẻ trí tuệ tinh thần và giác ngộ và với những phẩm chất cao thượng phú bẩm, một người phụ nữ, nửa còn lại của đàn ông, hộ tống anh ta đến cửa giải thoát.” (Varan, V.16)

Tình trạng bình đẳng: Để đảm bảo địa vị bình đẳng giữa nam và nữ, các Guru không phân biệt giới tính trong các vấn đề nhập môn, hướng dẫn hoặc tham gia vào các hoạt động sangat (tình bạn thánh) và pangat (ăn uống cùng nhau). Theo Sarup Das Bhalla, Mahima Prakash, Guru Amar Das không ủng hộ việc phụ nữ sử dụng mạng che mặt. Ông giao cho phụ nữ giám sát một số cộng đồng đệ tử và thuyết giảng chống lại phong tục sati. Lịch sử đạo Sikh ghi lại tên của một số phụ nữ, như Mata Gujri Mai Bhago, Mata Sundari, Rani Sahib Kaur, Rani Sada Kaur và Maharani Jind Kaur, những người đóng vai trò quan trọng trong các sự kiện của thời đại họ

Giáo dục: Giáo dục được coi là rất quan trọng trong đạo Sikh. Đó là chìa khóa thành công của bất kỳ ai. Đó là một quá trình phát triển cá nhân và đó là lý do tại sao vị Guru thứ 3 đã thành lập nhiều trường phái. Guru Granth Sahib tuyên bố,

“Tất cả kiến thức thiêng liêng và sự chiêm nghiệm đều có được nhờ Guru”
(Guru Granth Sahib, p.831).

Giáo dục cho tất cả mọi người là điều cần thiết và mọi người phải nỗ lực để trở thành người giỏi nhất có thể. Năm mươi hai nhà truyền giáo đạo Sikh được Guru thứ 3 cử đi là phụ nữ. Trong cuốn sách 'Vai trò và địa vị của phụ nữ theo đạo Sikh', Tiến sĩ Mohinder Kaur Gill viết, ***“Guru Amar Das tin chắc rằng không có lời dạy nào có thể bền vững cho đến khi và từ khi chúng được phụ nữ chấp nhận”***.

Hạn chế về quần áo: Ngoài việc yêu cầu phụ nữ không đeo mạng che mặt, đạo Sikh còn đưa ra một tuyên bố đơn giản nhưng rất quan trọng về quy định về trang phục. Điều này áp dụng cho tất cả người Sikh bất kể giới tính. Guru Granth Sahib tuyên bố,

“Tránh mặc những bộ quần áo khiến cơ thể khó chịu và tâm trí tràn ngập những ý nghĩ xấu xa.” SGGs, Trang 16

Như vậy, người theo đạo Sikh sẽ nhận ra loại quần áo nào lấp đầy tâm trí với những ý nghĩ xấu xa và nên tránh chúng. Phụ nữ theo đạo Sikh phải tự vệ bằng Kirpan (kiếm) và những loại khác, điều này là duy nhất đối với phụ nữ vì đây là lần đầu tiên trong lịch sử phụ nữ phải tự vệ và họ không phải phụ thuộc vào nam giới để bảo vệ thể chất.

SGGS Trích dẫn::***“Trên trái đất và trên bầu trời, tôi không nhìn thấy giây phút nào. Giữa tất cả đàn ông và đàn bà, Ánh sáng của Ngài đang chiếu sáng. ”*** Sggs Trang 223. Từ đàn bà, đàn ông được sinh ra; bên trong đàn bà, đàn ông được thụ thai; với đàn bà, anh ta đính hôn và kết hôn. Đàn bà trở thành bạn của anh ta; qua đàn bà, các thế hệ tương lai đến. Khi người phụ nữ của anh ta chết, anh ta tìm kiếm một người phụ nữ khác; đối với phụ nữ thì tại sao lại gọi cô ấy là xấu? Từ cô ấy, các vị vua được sinh ra. Không có đàn bà thì sẽ không có ai cả.

Về của hồi môn: ***“Lạy Chúa, xin ban cho con tên Chúa làm quà cưới và của hồi môn cho con”***. Shri Guru Ram Das ji, Trang 78, dòng 18 SGGs

Về việc thực hành Purdah: "Ở lại, ở lại, hỡi con dâu - đừng che mặt bằng mạng che mặt. Cuối cùng, điều này sẽ không mang lại cho con dù chỉ một nửa cái vỏ. Cái trước đây con thường che mặt cô ấy ;đừng theo bước chân cô ấy. Công đức duy nhất của việc che mặt là trong vài ngày, người ta sẽ nói: "Thật là một cô dâu cao quý đã đến". ca ngợi Chúa -P. 484, SGGS

Phụ nữ và thực sự là tất cả các linh hồn được khuyến khích mạnh mẽ để sống một đời sống tâm linh: "Hãy đến, những người chị em thân yêu và những người bạn tâm linh của tôi; hãy ôm tôi thật chặt trong vòng tay của các bạn. Chúng ta hãy cùng nhau kể những câu chuyện về Chúa Chồng Toàn năng của chúng ta."-Guru Nanak , trang 17, SGGS.

"Này bạn, tất cả những sự mặc khác làm mất hạnh phúc, sự hao mòn đến tứ chi là sự dày vò, và những ý nghĩ xấu tràn ngập tâm trí"-SGGS Trang 16

Chìa khóa khiêm tốn Tinh hoa trong hành trình của bạn

Khiêm tốn là một khía cạnh quan trọng của đạo Sikh. Theo đó, người theo đạo Sikh phải cúi đầu khiêm nhường trước Chúa. Khiêm tốn hay **Nimrata**, trong tiếng Punjabi là những từ có liên quan chặt chẽ với nhau. Nimrata là một đức tính được phát huy mạnh mẽ ở Gurbani. Bản dịch của từ tiếng Punjabi này là "**Khiêm tốn**", "**Nhân từ**" hoặc "**Khiêm tốn**". Một người mà tâm trí không bị phân tâm bởi ý nghĩ rằng mình tốt hơn hoặc quan trọng hơn ai đó.

Khu vực có vấn đề - không có câu nào đúng ở trên

Đây là một phẩm chất quan trọng mà tất cả con người cần nuôi dưỡng và là một phần thiết yếu trong tư duy của người theo đạo Sikh và phẩm chất này phải luôn đồng hành cùng người theo đạo Sikh. Bốn phẩm chất khác trong kho vũ khí của người Sikh là: *Sự thật (Thứ bảy)*, *Sự hài lòng (Santokh)*, *Lòng trắc ẩn (Daya)* và *Tình yêu (Pyaar)*.

Năm phẩm chất này rất cần thiết đối với một người theo đạo Sikh và nhiệm vụ của họ là thiền định và đọc thuộc lòng Gurbani để khắc sâu những đức tính này và biến chúng thành một phần tính cách của họ.

Những gì Gurbani nói với chúng ta:

"Kết quả của sự khiêm nhường là sự bình an và niềm vui trực quan. Với sự khiêm nhường, họ tiếp tục thiền định về Chúa, Kho báu xuất sắc. Bản thể ý thức về Chúa tràn ngập sự khiêm nhường. Một người có trái tim nhân hậu được ban phước với sự khiêm nhường luôn luôn. Đạo Sikh coi Sự khiêm tốn như một lời cầu xin bát trước thần,"

Guru Nanak, Guru đầu tiên của đạo Sikh:

"Lắng nghe và tin tưởng với tình yêu thương và sự khiêm nhường trong tâm trí bạn sẽ gạt nĩa mình bằng Danh, tại thánh địa thiêng liêng sâu thẳm bên trong." -SGGS Trang 4.

"Hãy hài lòng với những chiếc khuyên tai của bạn, khiêm tốn với chiếc bát ăn xin của bạn và thiền định với tro bạn áp dụng cho cơ thể của bạn." -SGGS Trang 6.

Hành trình hướng tới tâm linh

Guru Granth Sahib là một Guru sống vĩnh cửu, một sáng tác đầy chất thơ của các Guru theo đạo Sikh, các vị thánh theo đạo Hindu và đạo Hồi. Việc biên soạn là một món quà từ Thiên Chúa thông qua họ cho toàn thể nhân loại. Tầm nhìn của Guru Granth Sahib là về một xã hội dựa trên công lý thiêng liêng mà không bị áp bức dưới bất kỳ hình thức nào. Mặc dù Granth thừa nhận và tôn trọng kinh thánh của Ấn Độ giáo và Hồi giáo, nhưng điều đó không ngụ ý sự hòa giải về mặt đạo đức với một trong hai tôn giáo này. Ở Guru Granth Sahib, phụ nữ rất được tôn trọng với vai trò bình đẳng như nam giới. Phụ nữ có tâm hồn giống như nam giới và do đó có quyền bình đẳng trong việc trau dồi tâm linh với cơ hội đạt được giải thoát như nhau. Phụ nữ có thể tham gia vào tất cả các hoạt động tôn giáo, văn hóa, xã hội và thể tục, bao gồm cả việc lãnh đạo các giáo đoàn tôn giáo.

Đạo Sikh ủng hộ sự bình đẳng, công bằng xã hội, phục vụ nhân loại và khoan dung đối với các tôn giáo khác. Thông điệp thiết yếu của đạo Sikh là sự sùng kính tinh thần và sự tôn kính Chúa mọi lúc, đồng thời thực hành những lý tưởng về lòng nhân ái, trung thực, khiêm tốn và rộng lượng trong cuộc sống hàng ngày. Ba nguyên lý cốt lõi của đạo Sikh là thiền định và tưởng nhớ Chúa, Làm việc vì cuộc sống lương thiện và chia sẻ với người khác.

Xin chúc mừng bạn đã nỗ lực thực hiện Hành trình Tâm linh cho tâm hồn này. Bản dịch không bao giờ có thể gần với bản gốc, đặc biệt khi toàn bộ Guru Granth Sahib được thể hiện bằng thơ và việc sử dụng phép ẩn dụ khiến công việc trở nên cực kỳ khó khăn. Trong thông điệp Thần thánh, các câu chuyện thần thoại của đạo Hindu và đạo Hồi thường được sử dụng Pralahad, Harnakash, laxmi, Brahma, v.v. Xin đừng đọc chúng theo nghĩa đen mà hãy hiểu thông điệp cơ bản của chúng. Trọng tâm là thực tế rằng Thiên Chúa là một và kết hợp với Ngài là mục tiêu của cuộc sống con người.

Công việc này đã được thực hiện trong nhiều năm bởi một số tình nguyện viên nhằm mang đến cho bạn thông điệp thiêng liêng bằng ngôn ngữ của bạn. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng gửi email tới **walnut@gmail.com** và chúng tôi rất vui được tham gia cùng bạn trong cuộc hành trình này.